

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HỒ CHÍ MINH**



**TRẦN THẾ NHỰT**

**VAI TRÒ CỦA FUKUZAWA YUKICHI  
ĐỐI VỚI LỊCH SỬ NHẬT BẢN CẬN ĐẠI**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ LỊCH SỬ**

**Thành phố Hồ Chí Minh – 2011**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HỒ CHÍ MINH**

**TRẦN THẾ NHỰT**

**VAI TRÒ CỦA FUKUZAWA YUKICHI  
ĐỐI VỚI LỊCH SỬ NHẬT BẢN CẬN ĐẠI**

**Chuyên ngành : Lịch sử thế giới**

**Mã số : 60 22 50**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ LỊCH SỬ**

**NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC  
TS. TRỊNH TIẾN THUẬN**

**Thành phố Hồ Chí Minh – 2011**

## LỜI CẢM ƠN

Trước tiên tôi xin gửi lời cảm ơn đến Ban Giám hiệu Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh, Phòng Sau đại học, cùng tập thể Thầy, Cô trong khoa Lịch sử...đã tạo điều kiện thuận lợi nhất cho tôi hoàn thành tốt luận văn tốt nghiệp của mình.

Bằng tấm lòng biết ơn sâu sắc, tôi xin chân thành cảm ơn TS. Trịnh Tiến Thuận, thầy đã tận tình hướng dẫn và giúp đỡ tôi hoàn thành tốt luận văn này.

Cảm ơn gia đình và bạn bè đã hỗ trợ vật chất cũng như đã làm chỗ dựa tinh thần cho tôi trong suốt thời gian học tập và thực hiện luận văn.

Do điều kiện thời gian và trình độ còn hạn chế nên luận văn không tránh khỏi những thiếu sót. Kính mong nhận được sự đóng góp ý kiến quý báu của quý thầy cô, bạn bè và thầy cô trong Hội đồng chấm luận văn tốt nghiệp để đề tài của tôi được hoàn thiện hơn.

Một lần nữa tôi xin cảm ơn tất cả!



**FUKUZAWA YUKICHI (1835 - 1901)**

## MỤC LỤC

Trang phụ bìa

Lời cảm ơn

Mục lục

**MỞ ĐẦU** ..... 7

### **CHƯƠNG 1: FUKUZAWA YUKICHI VỚI QUÁ TRÌNH TIẾP NHẬN**

#### **VĂN MINH PHƯƠNG TÂY**

1.1. Bối cảnh lịch sử.....	15
1.1.1. Sự xâm nhập của chủ nghĩa phương Tây .....	15
1.1.2. Tình hình Nhật Bản dưới thời Tokugawa.....	16
1.2. Thời thơ ấu và những tháng năm học trò.....	20
1.2.1. Thời thơ ấu.....	20
1.2.2. “Chế độ đẳng cấp chính là kẻ thù kìm hãm cha tôi” .....	21
1.2.3. Thời kỳ học tập ở Nagasaki và Osaka: tiếp xúc nền văn minh .....	22
1.3. Lên Edo và những chuyến du hành qua phương Tây .....	28
1.3.1 Thử sức các học giả ở Edo và bắt đầu học tiếng Anh .....	28
1.3.2. Sang Mỹ lần thứ nhất (1860).....	30
1.3.3. Một năm khám phá châu Âu (1862).....	31
1.3.4. Sang Mỹ lần thứ hai (1867).....	34
1.4. Vương chính phục cổ - duy tân.....	35
1.4.1. Sự sụp đổ của chính quyền Mạc phủ.....	35
1.4.2. Sự ra đời của chính quyền Minh Trị.....	36

### **CHƯƠNG 2: FUKUZAWA YUKICHI - NHÀ TRUYỀN BÁ TƯ TƯỞNG KHAI**

#### **SÁNG VĂN MINH Ở NHẬT BẢN**

2.1. Fukuzawa Yukichi - Chiếc cầu nối văn minh phương Tây với Nhật Bản....	38
2.1.1. Đưa ánh sáng văn minh phương Tây đến với người dân Nhật Bản .....	38
2.1.2. Chủ trương văn minh hóa đất nước .....	40
2.2. Khuyến học .....	44
2.2.1. Khuyến khích toàn dân học tập .....	44
2.2.2. Thực học – Nền học thuật theo chủ trương của Fukuzawa Yukichi .....	48
2.3. Khơi dậy tinh thần độc lập tự tôn .....	51
2.3.1. Mỗi người tự chủ độc lập thì đất nước sẽ tự chủ, độc lập .....	51

2.3.2. Mối quan hệ giữa các quốc gia là hoàn toàn bình đẳng .....	55
2.4. Tư tưởng “Thoát Á luận” và sự cần thiết phát triển nền kinh tế Nhật Bản ..	57
2.4.1. Tư tưởng “Thoát Á luận” .....	57
2.4.2. Chấn hưng thương mại, phát triển kinh tế .....	60

### **CHƯƠNG 3 :ẢNH HƯỞNG CỦA FUKUZAWA YUKICHI ĐỐI VỚI**

#### **LỊCH SỬ NHẬT BẢN CẬN ĐẠI**

3.1. Giáo dục Nhật Bản cất cánh.....	62
3.2. Văn minh khai hóa và sự biến đổi của xã hội Nhật Bản.....	68
3.3. Sự chuyển mình của nền kinh tế Nhật Bản.....	70
3.4. Nước Nhật giữ vững độc lập và trở thành một cường quốc .....	73
3.5. Fukuzawa Yukichi với Việt Nam .....	79
3.5.1. Fukuzawa Yukichi viết về Việt Nam .....	79
3.5.2. Ảnh hưởng của Fukuzawa đối với lịch sử Việt Nam cận đại.....	82

#### **KẾT LUẬN .....**

#### **DANH MỤC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ .....**

#### **TÀI LIỆU THAM KHẢO .....**

#### **PHỤ LỤC .....**

103

## MỞ ĐẦU

### 1. Lý do chọn đề tài

Vào nửa đầu thế kỷ XIX, các quốc gia châu Á đứng trước những thử thách khắc nghiệt đó là sự xâm nhập của thực dân phương Tây. Sau khi hoàn thành các cuộc cách mạng tư sản, ở các nước phương Tây, cách mạng công nghiệp diễn ra đã thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ về kinh tế. Cùng với sự lớn mạnh đó họ đẩy mạnh tiến hành xâm lược các nước trên thế giới để chiếm đoạt thị trường, nguyên liệu và thuộc địa. Trong khi đó, ở các nước châu Á sự thống trị của chế độ phong kiến đã gây ra những hệ quả tồi tệ: lạc hậu và trì trệ. Trong dòng chảy êm đềm bao đời của chế độ phong kiến, nay các nước châu Á bị khuấy động bởi những làn sóng đến từ trời Tây xa xôi đang gõ cửa xin giao thương. Bất ngờ từ những người khách lạ, các nước châu Á giờ đứng trước những vận hội mới nhưng cũng đầy rẫy những nguy hiểm, do đó hoặc là tiếp tục duy trì đường lối bảo thủ, lạc hậu để duy trì chế độ quân chủ chuyên chế; hoặc là tiến hành cải cách nhằm thoát khỏi khủng hoảng, đồng thời tiến hành mở cửa giao thương với các nước phương Tây khôn khéo giữ vững độc lập. Sự lựa chọn này thật không dễ dàng chút nào, nó đòi hỏi mỗi quốc gia phải hết sức tinh táo và sáng suốt, nhưng được bao nhiêu nước ở châu Á làm được điều đó?

Nước Trung Quốc không lờ sau thất bại trong cuộc Chiến tranh Thuộc phiện (1839-1842) đã buộc phải mở cửa, đang lay hoay tìm cách chấn hưng đất nước thông qua chính sách “tự cường”. Còn một số nước châu Á khác đang bị thực dân phương Tây “gặm nhấm” từ từ bằng chính sách “pháo hạm”. Cùng chung số phận với các nước châu Á, nền hòa bình, độc lập của Nhật Bản hơn 200 năm dưới thời Tokugawa đang bị đe dọa nghiêm trọng. Nhưng Nhật Bản đã kịp thời nhận ra sức mạnh của phương Tây nên đã khôn khéo tiến hành cải cách trong nước, mở cửa hội nhập với thế giới bên ngoài và dần dần tiến đến một nước văn minh đứng vào hàng ngũ các nước đế quốc. Đạt được điều đó là nhờ Nhật Bản có một đội ngũ các nhà cải cách xuất sắc đề xuất nhiều tư tưởng tiến bộ cho sự nghiệp bảo vệ độc lập dân tộc cũng như xây dựng một nước Nhật Bản mới.

Sự thay đổi quyền lực từ chính quyền Tokugawa sang chính quyền Minh Trị đã tạo cơ hội cho nhiều nhà tư tưởng ở Nhật Bản tham gia đóng góp sự phát triển đất nước, trong đó có Fukuzawa Yukichi. Nói tới ông, người Nhật tôn ông là một trong những bậc “*khai quốc công thần*” của nước Nhật cận đại, là “*Vôn-te của Nhật Bản*”, là “*Rút-xô của phương Đông*” [30, tr 72], vì Fukuzawa cùng những người bạn của mình là những người khai sáng tinh thần quốc dân Nhật Bản, đem lại luồng gió mới và những tư tưởng đó đã thực sự trở

thành linh hồn, động lực và sự hậu thuẫn tinh thần cho sự nghiệp Duy tân của chính phủ Minh Trị đi tới thành công. Đánh giá về vai trò của cá nhân trong lịch sử, như chủ nghĩa duy vật từng quan niệm: “Các cá nhân kiệt xuất có thể trở thành vô dụng nếu tư tưởng và ước vọng của họ đi ngược lại sự phát triển kinh tế xã hội, đi ngược lại yêu cầu của giai cấp tiên phong; trái lại các nhân vật kiệt xuất thực sự trở thành những nhân vật kiệt xuất nếu tư tưởng và nguyện vọng của họ biểu hiện đúng yêu cầu của sự phát triển kinh tế của xã hội, yêu cầu của giai cấp tiên tiến” [46, tr.82].

Với tầm ảnh hưởng rộng lớn, tư tưởng của Fukuzawa không chỉ dừng lại trong phạm vi nước Nhật mà nó còn vượt ra ngoài lan tỏa đến nhiều quốc gia trong khu vực, trong đó có Việt Nam. Gần như cùng thời với Fukuzawa, ở Việt Nam cũng xuất hiện nhiều tư tưởng lớn tiên bộ như Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh... mang trong mình khát vọng chấn hưng đất nước họ cùng tìm đến tư tưởng của Fukuzawa, nhưng tiếc thay, các nhà tư tưởng Việt Nam lại không gặp thời và thất bại. Là một nhà tư tưởng lớn của Nhật Bản thời cận đại, Fukuzawa Yukichi xứng đáng được người dân Nhật tôn vinh. Nhưng cuộc đời và sự nghiệp của Fukuzawa Yukichi ra sao? Những đóng góp cụ thể của ông đối với đất nước Nhật Bản và ảnh hưởng tư tưởng của ông đến Việt Nam thời cận đại như thế nào... Qua Luận văn “*Vai trò của Fukuzawa Yukichi đối với lịch sử Nhật Bản cận đại*” sẽ bước đầu làm sáng tỏ vấn đề trên.

## **2. Lịch sử vấn đề**

Sau chiến tranh thế giới thứ hai, từ đồng điều tàn đố nát của chiến tranh, Nhật Bản đã vươn lên mạnh mẽ và lần lượt vượt qua nhiều cường quốc phương Tây trở thành nước đứng hàng thứ hai thế giới về kinh tế sau Hoa Kỳ. Sự vươn lên thần kỳ của Nhật Bản làm cho đất nước này trở thành đối tượng thu hút nhiều sự quan tâm nghiên cứu của nhiều nhà lịch sử, chính trị, kinh tế... trên thế giới. Riêng ở Việt Nam, Nhật Bản cũng được quan tâm sâu sắc với nhiều nhà nghiên cứu. Xứ sở Phù Tang này đạt được thành tựu hôm nay được dựa trên nền tảng của quá khứ hôm qua, mà thời kỳ vàng son trước đó – bậc thang vững chắc – được nhiều người thừa nhận đó là thời đại Minh Trị. Những thành quả bước đầu đạt được để đưa Nhật Bản ra khỏi “nước bị chiếm đóng” và trở thành một cường quốc đã được xây dựng trên một nền tảng tư tưởng vững chắc với nhiều học giả, trí thức lỗi lạc mà nổi trội là Fukuzawa Yukichi, ông được nhiều người hay nhắc đến và tôn vinh là một bậc “*khai quốc công thần*” của Nhật Bản. Những tư tưởng mang tầm vóc lớn lao của ông cũng như những



đóng góp đối với đất nước Nhật Bản đã được nghiên cứu tìm hiểu ở nhiều góc độ khác nhau, có thể kể đến một số công trình có liên quan đến đề tài luận văn:

Nói đến Fukuzawa Yukichi, nhiều học giả, nhiều nhà nghiên cứu đều xem ông là nhà cải cách giáo dục lớn, bởi ông có những đóng góp lớn nhất cho sự nghiệp canh tân giáo dục Nhật Bản thời cận đại. Tác giả Đặng Xuân Kháng đã có bài nghiên cứu “*Fukuzawa – Nhà cải cách giáo dục lừng danh thời Minh Trị duy tân*” [13]. Thật vậy, tổng kết 100 năm nền giáo dục Nhật Bản sau Minh Trị Duy tân, khi đánh giá về giáo dục với vấn đề canh tân hóa đất nước, nhiều người coi Fukuzawa là “người thầy chủ yếu của giai đoạn Minh Trị”. Tư tưởng cốt lõi của ông trong giáo dục nhấn mạnh đến “thực học”, chú trọng phương pháp trực quan sinh động, coi khoa học gắn liền với đời sống hàng ngày; phê phán lối “hư học”, tức lối học “tầm chương trích cú”. Không chỉ nổi tiếng ở Nhật Bản, tên tuổi của Fukuzawa cũng nổi tiếng trên thế giới, ông cũng được Unesco xếp vào “*Những nhà cải cách giáo dục tiêu biểu thế giới*” [65].

Tác giả Nguyễn Tiến Lực trong bài viết “*Fukuzawa Yukichi và tư tưởng Khai sáng của ông*” [30], xem Fukuzawa như là một nhà tư tưởng khai sáng vĩ đại, có công khai sáng tinh thần quốc dân Nhật Bản, được thể hiện trên nhiều mặt: tư tưởng khai sáng về tinh thần độc lập tự tôn, về giáo dục, khai sáng văn minh... Trong số những nhà tư tưởng khai sáng của Nhật Bản thời Minh Trị Duy tân, tên tuổi của Fukuzawa chiếm một vị trí đặc biệt, được đánh giá là “nhà tư tưởng Khai sáng lớn nhất của Nhật Bản cận đại, là Vôn-te của Nhật Bản, là Rút-xô của phương Đông”. Fukuzawa đã đóng vai trò to lớn trong sự nghiệp Duy tân, đưa Nhật Bản vào hàng ngũ các quốc gia tiên tiến thời cận đại. Ngày nay tư tưởng của ông vẫn tiếp tục cổ vũ quốc dân Nhật Bản trong việc xây dựng đất nước văn minh hơn, giàu mạnh hơn. Ngoài ra trong nhiều bài viết khác tác giả cũng đề cập đến tư tưởng của Fukuzawa, có thể kể đến một số bài viết: “*Giới trí thức Nhật Bản thời Meiji viết về Việt Nam*” [32], “*Minh Trị Duy tân và Việt Nam*” [33]. Tác giả Nguyễn Thị Thanh Hiền cũng đã tìm hiểu về Fukuzawa Yukichi qua đề tài khóa luận: “*Tìm hiểu về tư tưởng khai sáng của Fukuzawa Yukichi*” [6].

Trong quyển “*Fukuzawa Yukichi – Tinh thần doanh nghiệp của nước Nhật hiện đại*” tác giả Norio Tamaki [44], coi Fukuzawa như một nhà kinh doanh lỗi lạc thành công nhất thời Minh Trị, đã tạo ra tầng lớp doanh nhân đầu tiên cho đất nước Nhật Bản hiện đại. Sinh ra và lớn lên tại nước Nhật phong kiến, là một đứa trẻ mồ côi cha từ khi chưa đầy hai tuổi, làm thế nào Fukuzawa đã có thể đạt được những thành tựu này? Tác giả cho rằng: trước hết,

khả năng kinh doanh của ông được thừa hưởng từ cha mình. Mặt khác, Fukuzawa là người duy nhất của Nhật Bản thời đó đi qua phương Tây đến ba lần, tất nhiên ông không bỏ lỡ cơ hội học tập văn minh phương Tây trong đó có cách kinh doanh của họ.

Cũng đề cập đến Fukuzawa với tư cách là một nhà kinh doanh, trong bài “*Vì sao có hình ảnh Fukuzawa trong tờ ngân phiếu Nhật Bản?*” của tác giả Nishikawa Shunsaku [41], đã lí giải có hình ảnh Fukuzawa trên tờ ngân phiếu 10.000 yên – tờ bạc có mệnh giá lớn nhất hiện nay, vì Fukuzawa “là một nhà lãnh đạo trong quá trình hiện đại hóa Nhật Bản”- tác giả khẳng định.

Với những tư tưởng khai sáng vĩ đại và là một nhà giáo dục lừng danh, tác giả Nguyễn Ngọc Nghiệp đã nhấn mạnh đến “*Vai trò của Phúc Trạch Dụ Cát (Fukuzawa Yukichi) đối với cải cách Minh Trị*” [36]. Mặc dù không phải là nhà lãnh đạo trong chính quyền Minh Trị, song ông có vai trò lớn trong việc vạch ra hướng cải cách và những việc cụ thể cần làm để có thể đổi mới đất nước. Vì vậy, có thể nói rằng nắm quyền hành động là chính quyền nhưng vạch ra chương trình hành động là Phúc Trạch Dụ Cát và các bạn của ông.

Quyển “*Nhật Bản tư tưởng sử*” (tập II) của Ishida Kazuyoshi [11], cũng đề cập đến Fukuzawa, xem ông là nhà tư tưởng lớn của thời cận đại Nhật Bản, là “đầu mối mở ra công cuộc khai hóa đất nước và khai phóng dân trí dưới thời Minh Trị, kể từ khởi giống lên hồi chuông cảnh tỉnh, và chính mình cũng bắt tay vào hành động cho những mục tiêu ấy”.

Trong một số bài nghiên cứu, tác giả Chương Thâu cũng đề cập đến Fukuzawa với góc độ khác, như: “*Ảnh hưởng của Phúc Trạch Dụ Cát (Fukuzawa Yukichi) đối với lịch sử cận đại Việt Nam*” [55], “*Từ Khánh Ứng Nghĩa thực (Keio Gijuku) của Nhật Bản đến Đông Kinh Nghĩa thực và phong trào Nghĩa thực ở Việt Nam*” [56]..., tác giả chú ý đến sự ảnh hưởng tư tưởng của Fukuzawa Yukichi đối với lịch sử Việt Nam thời cận đại như quá trình tìm đường cứu nước của các bậc sĩ phu cách mạng như Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh...qua các phong trào Đông du, Đông Kinh Nghĩa thực, phong trào Duy tân.

Trong cuốn “*100 năm Đông Kinh Nghĩa thực*” tập hợp nhiều bài viết của nhiều tác giả do Nhà xuất bản Tri thức phát hành, Trịnh Tiến Thuận có bài nghiên cứu “*Fukuzawa Yukichi – Khánh Ứng Nghĩa thực của Nhật Bản và Đông Kinh Nghĩa thực ở Việt Nam*” [40]. Tác giả đã trình bày những nét lớn về tiểu sử của Fukuzawa Yukichi cùng ngôi trường của ông và Đông Kinh Nghĩa thực – một hình mẫu của trường Khánh Ứng Nghĩa thực (Keio Gijuku).

Tác giả Vĩnh Sinh cũng công bố nhiều bài viết có liên quan đến Fukuzawa Yukichi. Cụ thể, trong các tác phẩm “*Nhật Bản cận đại*” [47], “*Việt Nam và Nhật Bản trong thế giới Đông Á*” [48], “*Hội trí thức Meirokusha và tư tưởng khai sáng ở Nhật Bản*” [49]. Tác giả nhấn mạnh đến tầm ảnh hưởng lớn của Fukuzawa Yukichi trong việc truyền bá tư tưởng văn minh phương Tây vào Nhật Bản thời Minh Trị.

Các tác giả nước ngoài cũng có nhiều công trình nghiên cứu và tìm hiểu về Fukuzawa như:

Trong quyển “*A life of Mr. Fukuzawa Yukichi*”, Asatarô Miyamori [69], đã khái quát lại những cột mốc quan trọng trong cuộc đời của Fukuzawa Yukichi từ năm tháng tuổi thơ đến khi trở thành nhà phương Tây học danh tiếng. Sau cuộc Minh Trị Duy tân, Fukuzawa ra sức đóng góp cho đất nước của mình với vai trò là một nhà giáo dục, nhà văn, nhà báo nổi tiếng.

Dwight Tat Wai Kwok viết “*A Translation of Datsu-A Ron: Decoding a Pre-war Japanese Nationalistic Theory*” [70], tác giả đã lần lượt phân tích nội dung “*Thoát Á luận*” của Fukuzawa, và đưa ra những nhận định rằng nó là một vũ khí tư tưởng trực tiếp thách thức và làm giảm quyền lực, địa vị và nguồn gốc lịch sử của Trung Quốc và Triều Tiên, qua đó để nâng cao vị thế của Nhật Bản. Vì sự sống còn và để đạt được những thành tựu như văn minh phương Tây, Nhật Bản phải chấp nhận phải thoát khỏi sự lạc hậu, bế tắc của Châu Á.

Alan Macfarlane, nhà nghiên cứu người Anh, ông quan tâm đến Fukuzawa Yukichi vào năm 1990 trong lần đầu tiên ông đến thăm Nhật Bản. Với sức ảnh hưởng của Fukuzawa đã cuốn hút ông say mê và đã viết tác phẩm “*Yukichi Fukuzawa and The Making of the Modern World*” với một số cộng sự ở Nhật Bản [75]. Tác giả đã nhấn mạnh câu hỏi rằng: Fukuzawa Yukichi là ai và tại sao ông ta lại quan trọng? Tiếp theo tác giả khái quát cơ bản về cuộc sống ban đầu của ông và những chuyến đi sang phương Tây. Qua đó, tác giả đã phân tích những tư tưởng của Fukuzawa về tự do, bình đẳng, về phương pháp tiếp cận nền văn minh, quá trình văn minh hóa...

Ngoài ra còn một số tác phẩm do Fukuzawa viết và được các dịch giả Việt Nam cũng như dịch giả ở nước ngoài biên dịch lại là một tài liệu tham khảo quý giá khi nghiên cứu về ông, như:

Tác phẩm “*Phúc ông tự truyện*” [2], kể về những bước thăng trầm của cuộc đời Fukuzawa Yukichi từ khi sinh ra cho đến những năm tháng tuổi già: “Qua từng chi tiết nhỏ,

từng vấp vấp trong đời sống thường nhật hiện lên vóc dáng một con người kiên nghị, quyết đoán, luôn độc lập trong suy nghĩ, sắc sảo trong phê phán, nhưng về mặt tâm tư, tình cảm lại không kém phần trầm lắng, sâu sắc”, dịch giả Phạm Thu Giang bộc bạch trong phần mở đầu.

Tác phẩm rất nổi tiếng khác của Fukuzawa Yukichi: *Khuyến học hay những bài học về tinh thần độc lập tự cường của người Nhật Bản*, do Phạm Hữu Lợi dịch [3]. Fukuzawa Yukichi đề cập đến tinh thần cơ bản của con người và mục đích thực thụ của học vấn. Với các chương viết về sự bình đẳng, quyền con người, ý nghĩa của nền học vấn mới, trách nhiệm của nhân dân và chính phủ trong một quốc gia pháp trị... cuốn Khuyến học đã làm lay chuyển tâm lý người dân Nhật Bản dưới thời Minh Trị, nó được xem là cẩm nang hữu ích cho mỗi người dân.

Một tác phẩm quan trọng nhất của Fukuzawa được xuất bản vào năm 1875 là: *Khái lược về văn minh luận (An outline of a theory of Civilization - do hai tác giả David A. Dilworth and G. Cameron Hurst dịch và xuất bản đầu tiên năm 1973) [72]*. Fukuzawa cho rằng nhân loại đã trải qua ba giai đoạn khác nhau trong sự phát triển của văn minh: dã man, bán khai và văn minh. Ông nhìn nhận nền văn minh ở Nhật Bản và cả Trung Quốc vẫn còn ở giai đoạn bán khai, chưa thật sự bước vào thế giới văn minh. Ngược lại, Fukuzawa đánh giá cao nền văn minh phương Tây. Do đó, Fukuzawa kêu gọi nhân dân trong nước phải tích cực học tập những tinh hoa từ văn minh phương Tây, nếu muốn Nhật Bản bước lên vũ đài sánh vai cùng các cường quốc văn minh khác.

Điềm qua một số công trình nghiên cứu của các tác giả trong và ngoài nước chúng tôi nhận thấy rằng, vấn đề tìm hiểu của luận văn đã được nhiều tác giả đi trước đề cập ở những khía cạnh khác nhau. Mặc dù vậy, ở Việt Nam chưa có công trình nào nghiên cứu hay đánh giá một cách cụ thể về “*Vai trò của Fukuzawa Yukichi đối với lịch sử Nhật Bản cận đại*”, do đó để hiểu rõ hơn vai trò của ông đối với xứ sở Phù Tang đòi hỏi chúng ta tiếp tục nghiên cứu về ông.

### **3. Giới hạn và phạm vi nghiên cứu**

- Về thời gian, được giới hạn là trong giai đoạn lịch sử cận đại của Nhật Bản.

Tuy nhiên, giai đoạn này chỉ mang tính chất tương đối, bởi tư tưởng của Fukuzawa Yukichi còn ảnh hưởng đến lịch sử hiện đại của Nhật Bản.

- Về không gian nghiên cứu của vấn đề, chủ yếu trong phạm vi nước Nhật, đồng thời luận văn cũng đề cập đến Việt Nam, nơi chịu sự ảnh hưởng mạnh mẽ tư tưởng khai sáng của Fukuzawa Yukichi.

- Về nội dung nghiên cứu, luận văn tìm hiểu một cách khái quát về tình hình thế giới và nước Nhật vào nửa đầu thế kỉ XIX - hoàn cảnh tác động đến quá trình hình thành tư tưởng của Fukuzawa Yukichi. Tìm hiểu những nét lớn về thân thế và sự nghiệp của ông. Trên cơ sở đó, luận văn làm rõ vai trò hết sức lớn lao của ông đối với lịch sử Nhật Bản thời cận đại cũng như ảnh hưởng của Fukuzawa Yukichi đến lịch sử Việt Nam cận đại.

#### **4. Phương pháp nghiên cứu**

Trong quá trình nghiên cứu trên cơ sở phương pháp luận của Chủ nghĩa Mác – Lênin, chúng tôi đã vận dụng các phương pháp nghiên cứu sau đây:

- Trước hết luận văn sử dụng phương pháp lịch sử, trình bày khái quát bối cảnh thế giới và tình hình nước Nhật cuối thời Tokugawa. Giới thiệu những nét cơ bản về thân thế, sự nghiệp của Fukuzawa Yukichi và những tư tưởng cơ bản của ông với trong quá trình cải cách nước Nhật.

- Luận văn sử dụng phương pháp logic để thấy được bước chuyển biến trong con người ông là đi từ lý luận đến vận dụng nó. Từ đó truyền bá và tạo ra ảnh hưởng lớn đến xã hội Nhật Bản.

- Ngoài ra, luận văn còn sử dụng một số phương pháp khác như phương pháp hệ thống hóa, phương pháp tổng hợp, phân tích, so sánh....để tìm ra vấn đề cần nghiên cứu của luận văn.

#### **5. Đóng góp của luận văn**

Trên cơ sở kế thừa thành quả nghiên cứu của người đi trước, chúng tôi mong muốn góp một phần nhỏ bé của mình các vấn đề sau:

- Đề tài nghiên cứu sẽ có tác dụng phục vụ học tập cho sinh viên và học viên cao học lịch sử, Đông phương học... góp phần là tư liệu cho các nhà nghiên cứu muốn tìm hiểu về Fukuzawa Yukichi.

- Thấy được vai trò của vĩ nhân đối với lịch sử. Cụ thể là vai trò của Fukuzawa Yukichi đối với lịch sử nước Nhật thời cận đại.

- Sức lan tỏa tư tưởng của Fukuzawa Yukichi không chỉ ở trong nước Nhật mà còn ở Việt Nam; không chỉ ở thời đại của ông mà còn ở thời đại ngày nay.

- Góp thêm tư liệu về một nhà canh tân giáo dục lớn của lịch sử thế giới thời cận đại.

## **6. Bố cục của luận văn**

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục công trình của tác giả, tài liệu tham khảo và phụ lục, nội dung chính của luận văn được kết cấu thành 3 chương như sau:

- Chương 1: Fukuzawa Yukichi với quá trình tiếp nhận văn minh phương Tây.
- Chương 2: Fukuzawa Yukichi - nhà truyền bá tư tưởng khai sáng văn minh ở Nhật Bản.
- Chương 3: Ảnh hưởng của Fukuazawa Yukichi đối với lịch sử Nhật Bản cận đại.

# CHƯƠNG 1

## FUKUZAWA YUKICHI VỚI QUÁ TRÌNH TIẾP NHẬN VĂN MINH PHƯƠNG TÂY

### 1.1. Bối cảnh lịch sử

#### 1.1.1. Sự xâm nhập của chủ nghĩa phương Tây

Sau những cuộc phát kiến địa lí vĩ đại của các nước châu Âu, đặc biệt là con đường vòng quanh thế giới đã được khai thông đã tạo điều kiện cho một số nước châu Âu và Bắc Mỹ tiến hành thành công các cuộc Cách mạng tư sản (từ thế kỉ XVI đến thế kỉ XIX). Cùng với sự lớn mạnh đó, các nước tư bản Âu – Mỹ đẩy mạnh tiến hành xâm lược các nơi trên thế giới để chiếm đoạt thị trường, nguyên liệu và thuộc địa. Trong khi đó, ở các nước châu Á quyền lực vẫn còn nằm trong tay thống trị của chế độ phong kiến trong tình trạng lạc hậu, trì trệ.

Riêng Nhật Bản cũng nằm chung số phận với các nước châu Á khác. Vào năm 1543, một thuyền buôn của thương nhân Bồ Đào Nha trên đường di chuyển từ Quảng Đông (Trung Quốc) xuống Mallacca thì bất ngờ bị bão nên họ trôi giạt đến đảo Tanegashima (phía Nam đảo Kyushu). Đây được xem là sự kiện đầu tiên đánh dấu sự tiếp xúc giữa người phương Tây và Nhật Bản. Qua cuộc tiếp xúc này, người Bồ Đào Nha và Tây Ban Nha đã thường xuyên lui tới Nhật hơn và dẫn đến những cuộc tranh giành giữa họ với nhau trong việc lập nghiệp ở duyên hải Tây Nam của Nhật Bản [64, tr.9-11].

Sự hiện diện của các thương nhân Bồ Đào Nha và Tây Ban Nha đã được các lãnh chúa chào đón nồng nhiệt. Bởi lẽ, ngoài việc họ mang hàng hóa đến trao đổi mua bán, họ còn mang cả súng đến Nhật Bản. Trong khi Nhật Bản nội chiến xảy ra liên miên thì súng – vũ khí mới này – là cơ hội để các lãnh chúa giành thắng lợi trên chiến trường.

Cùng theo chân các thương nhân châu Âu đến Nhật Bản còn có các giáo sĩ Ki-tô giáo. Người đầu tiên đến Nhật Bản truyền bá đạo Ki-tô là Francis Xavier (1506-1552) vào năm 1549, ông là một linh mục dòng Tên (Jesuits) người Tây Ban Nha. Ban đầu, một vài lãnh chúa ở phía Nam cũng theo đạo Ki-tô một phần vì lý do tín ngưỡng, một phần vì lý do kinh tế.

Không chỉ có các thương nhân người Bồ Đào Nha và Tây Ban Nha, vào năm 1600 khi chiếc thuyền đầu tiên của người Hà Lan trôi giạt đến Nhật, những người thủy thủ của thuyền là William Adams (người Anh) và Joosten (người Hà Lan) được Tướng quân Ieyasu

tiếp nhận và mời làm cố vấn ngoại giao. Sau đó thì người Hà Lan đến Nhật thường xuyên hơn, họ mở thương quán ở Hirado và lấy đó làm căn cứ mậu dịch với Nhật Bản.

Trong bối cảnh toàn thế giới hầu như bị chi phối bởi các nước thực dân phương Tây, Nhật Bản cũng nằm trong đối tượng “dòm ngó” của họ. Mặc dù ban đầu các thương nhân người Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha hay Hà Lan đến Nhật với mục đích là mua bán, trao đổi hàng hóa. Nhưng bên cạnh yếu tố “bình thường” này còn có những nguy cơ tiềm ẩn mà Nhật Bản cần phải cảnh giác, đó là đạo Ki-tô và súng ống. Nhìn ra các quốc gia xung quanh, hầu hết các nước bị chiếm đóng thì chúng ta nhìn thấy dưới lớp áo tôn giáo là truyền bá đạo Ki-tô nhưng thực chất đó là công việc dọn đường cho các cuộc xâm lược về sau; và súng ống trở thành vũ khí lợi hại trong chính sách ngoại giao của các nước phương Tây mà người ta thường gọi là “chính sách pháo hạm”. Nhận ra được điều này nên chính quyền Mạc Phủ lập tức ra lệnh đóng cửa đất nước, tuyệt giao với thế giới bên ngoài. Một hành động nhất thời nhưng đã để lại hậu quả lâu dài!

### **1.1.2. Tình hình Nhật Bản dưới thời Tokugawa**

Fukuzawa Yukichi sinh năm 1835 và mất năm 1901, khi cuộc cải cách Minh Trị được bắt đầu vào năm 1868 thì lúc này Fukuzawa Yukichi 33 tuổi. Sống qua hai thời kỳ chuyển tiếp giữa hai chế độ nên những biến cố lớn lao xảy ra đã tác động không nhỏ đối với bản thân cuộc đời Fukuzawa.

Năm 1603, Thiên Hoàng ban chức Shogun cho Tokugawa Ieyasu và ông mở Mạc Phủ đóng tại Edo (Thủ đô Tokyo ngày nay) từ năm 1603-1868, nên còn được gọi là thời đại Edo hay thời đại Tokugawa.

Sau khi lên nắm quyền, Ieyasu đã thiết lập thể chế chính trị được gọi là Bakuhan (Baku: viết tắt chữ Bakufu; Han: phiên còn gọi là lãnh địa). Đó là thể chế Mạc Phiên, Bakufu nắm quyền ở Trung ương, còn ở địa phương (han) do daimyo cai quản, thực hiện theo luật định mà Bakufu ban bố.

Shogun Tokugawa Ieyasu đứng đầu Bakufu ở Edo, giúp việc cho Shogun có: *Tairo* (Đại lão): Hội đồng tư vấn về những chính sách lớn hoặc Nhiếp chính cho Shogun (khi các Shogun còn nhỏ tuổi); *Roju* (Lão trung): vừa có chức năng tư vấn và công việc hành chính (như soạn thảo và ban bố các văn kiện); *Bugyo* (Phụng hành): quan chức phụ trách các ngành hoặc địa phương là người đại diện của Bakufu ở địa phương.



Ở địa phương do các daimyo cai quản. Họ có lãnh thổ tự trị riêng gọi là Han (Phiên). Căn cứ vào sự ủng hộ hay chống đối mình sau chiến thắng Sekigahara (1600), Ieyasu chia các daimyo như sau:

*Shimpan daimyo* (Thân phiên) là những người cùng họ hàng, gia tộc của Tokugawa, số này có khoảng 23 nhà.

*Fudai daimyo* (Phổ đại) là những đồng minh của Ieyasu từ trước trận Sekigahara số này có khoảng 145 nhà.

*Tozama daimyo* (Ngoại dạng) họ là người bị thất trận Sekigahara. Họ ở phía Tây hoặc phía Bắc Nhật Bản, đây là những người dòng họ lớn, có thế lực. Số này có khoảng 97 nhà. Những Tozama daimyo này – đặc biệt là Choshu và Satsuma – do đó đã bất mãn với chính quyền Mạc phủ, và khoảng hơn 250 năm sau đã đóng vai trò chính yếu trong cuộc lật đổ chính quyền Tokugawa đưa đến Minh Trị Duy tân.

Với từng loại daimyo, Ieyasu có sự phân biệt đối xử khác nhau. Shimpan, Fudai Daimyo được nhiều đặc ân. Còn các Tozama daimyo được đối xử đúng lễ nghĩa nhưng phân phong cho những nơi biên ải xa xôi, cách xa Edo và bị theo dõi chặt chẽ để đề phòng sự chống đối. Ngoài ra, để kiểm soát các daimyo, năm 1615 chính quyền Tokugawa đã ban hành bộ luật Buke shohatto (Vũ gia chư pháp độ) với các điều khoản khắt khe: cấm các daimyo xây thêm thành quách, nếu cần tu sửa phải có sự đồng ý của chính quyền; cấm họ trở thành thông gia hay kết nghĩa đồng minh; tuân thủ chế độ sankin kotai (tham cần giao đại – bắt buộc các daimyo phải để vợ con họ ở Edo làm con tin, và họ cứ sau mỗi năm ở han của mình phải lên Edo túc trực một năm); cấm đóng tàu lớn [62, tr.35-38].

Mặt khác, để ổn định chính trị, chính quyền Tokugawa chia các giai tầng xã hội ra thành 4 phân: Sĩ, nông, công, thương. Trong đó tầng lớp sĩ (vũ sĩ) được hưởng nhiều đặc ân, còn các tầng lớp còn lại bị chèn ép nặng nề. Nông dân có số phận rất hẩm hiu và chịu nhiều thứ thuế. Giai cấp công và thương được gọi chung là chonin (đình nhân, tức là người kẻ chợ) luôn bị xem thường.

Sau khi ổn định tình hình trong nước, trong chính sách đối ngoại của mình lúc đầu chính quyền Tokugawa tích cực khuyến khích buôn bán với các thương nhân nước ngoài như người Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, Hà Lan. Chẳng hạn là vào khoảng năm 1610-1611, để quan hệ buôn bán với Tây Ban Nha, thông qua đại diện của họ ở Philippin, Ieyasu gửi phái đoàn ngoại giao hơn 20 người vượt Thái Bình Dương sang tận Mê-hi-cô (còn là thuộc

địa của Tây Ban Nha) để trao đổi mua bán, đồng thời còn muốn học thêm nghề khai thác mỏ tiên tiến ở đây.

Còn đối với thương nhân trong nước, chính quyền cũng khuyến khích họ ra nước ngoài buôn bán. Tuy nhiên họ phải tuân theo quy định là những thuyền buôn đi nước ngoài phải được cấp giấy phép do chính quyền Mạc phủ cấp có mang con dấu đỏ (shuin: châu ấn), do đó thuyền bè đi buôn bán ở nước ngoài được gọi là shuinsen (châu ấn thuyền). Do sự khuyến khích của Ieyasu, có hơn 180 giấy phép cấp cho shuinsen đi buôn bán ở nước ngoài từ năm 1604 cho đến năm 1615. Các chủ thuyền buôn của Nhật Bản thường cập bến các nước Đông Nam Á, như: Việt Nam, Philippin, Thái Lan, Java... Họ thường lưu lại các quốc gia này trong một thời gian khá dài, họ dựng nên những khu phố người Nhật để dễ dàng buôn bán, những dấu tích còn sót lại có thể kể đến là phố cổ Hội An của Việt Nam. “Với việc thiết lập chính sách shuinsen, Ieyasu đã khẳng định vai trò quyền lực của mình ở Nhật Bản, đó là chính quyền Mạc phủ nắm thực quyền chứ không phải Thiên Hoàng” [63, tr.23].

Như vậy, ban đầu chính quyền Mạc phủ rất tích cực xúc tiến quan hệ buôn bán với nước ngoài và giữ thân thiện với các nhà truyền giáo phương Tây. Nhưng sau đó chính quyền Tokugawa thi hành chính sách bế quan tỏa cảng.

Có thể giải thích theo các nguyên nhân sau: [47, tr.58-62]

Về mậu dịch, trước hết Ieyasu muốn biến Edo thành một hải cảng lớn để buôn bán với nước ngoài. Còn các thương nhân châu Âu lại muốn dùng các hải cảng ở Kyushu – quần đảo ở phía Nam – vừa tốt lại vừa tiện lợi cho họ. Nhưng Ieyasu không thể chấp nhận giải pháp này, bởi lẽ theo ông ta nếu tàu bè ngoại quốc vào buôn bán thì các daimyo ở vùng này sẽ có điều kiện khôi phục thế lực, nhất là các tozama daimyo mà Tokugawa không đáng tin cậy lắm. Nếu tình trạng này diễn ra thì chính quyền trung ương không đủ sức kiểm chế họ. Do đó, Ieyasu một mặt rất muốn quan hệ mậu dịch với nước ngoài, nhưng mặt khác ông ta muốn độc chiếm buôn bán tại Edo.

Một nguyên nhân tiếp theo là đạo Thiên chúa du nhập vào Nhật Bản ngày càng mạnh mẽ, điều này không thể không tạo nên mối nghi ngờ từ chính quyền Tokugawa, do đó chính quyền ra lệnh cấm đạo. Tín đồ Thiên chúa giáo ở Nhật ngày càng tăng theo thời gian, nếu năm 1600 có khoảng 30 vạn, đến năm 1610 tăng lên 70 vạn, mức tăng khủng khiếp. Tuy nhiên, một trong những động cơ chính trực tiếp thúc đẩy chính quyền Tokugawa ban hành lệnh cấm đạo là do ảnh hưởng tuyên truyền của công ty Đông Ấn Hà Lan. Công ty này muốn độc chiếm quyền mậu dịch với Nhật Bản nên đã dùng mọi thủ đoạn để làm chính

quyền ngò vực hai nước Bồ Đào Nha và Tây Ban Nha có ý định xâm lãng Nhật Bản. Rót cuộc năm 1612, chính quyền Tokugawa ra lệnh cấm các fudai daimyo và tất cả các vũ sĩ cư ngụ trong các vùng đất trực thuộc Mạc phủ Tokugawa theo đạo Thiên chúa. Năm kế tiếp, lệnh cấm đạo được ban hành trên toàn quốc.

Như vậy, với những lý do vừa đề cập đã đưa chính quyền Mạc phủ Tokugawa đến biện pháp tối hậu để giữ toàn quyền quyết định vận mạng của nước Nhật trong tay mình: bế quan tỏa cảng. Lệnh “tỏa quốc” được hình thành từ năm 1633 đến năm 1639 vào thời shogun thứ ba là Iemitsu. Chính sách bế quan tỏa cảng được thi hành triệt để hơn là vào năm 1637 sau sự kiện Shimabara (hơn 20.000 nông dân theo đạo Thiên chúa, với sự ủng hộ của các vũ sĩ vô chủ (ronin) đã nổi lên chống chính quyền ở Shimabara, miền Tây đảo Kyushu, nhưng cuộc nổi loạn đã bị dẹp tắt bởi lực lượng hùng hậu của chính quyền). Cũng chính sau sự kiện này, các thương nhân người nước ngoài hầu hết bị trục xuất khỏi nước Nhật, ngoại trừ người Hà Lan và người Trung Hoa được phép buôn bán ở một hòn đảo nhỏ là Deshima nằm trong hải cảng Nagasaki. Từ đây đến hơn 200 năm sau, Deshima là cánh cửa duy nhất để người Nhật nhìn ra thế giới bên ngoài. Do lệnh “tỏa quốc” nên những thuyền buôn shuinsen một thời cạnh tranh với các tàu Hà Lan đột nhiên vắng bóng, và các khu phố một thời nhộn nhịp ở Đông Nam Á cũng dần biến mất. Dù ít hay nhiều, chính sách bế quan tỏa cảng của Nhật cũng để lại những hậu quả lâu dài, trong đó có thể có những mặt tích cực, nhưng hậu quả tiêu cực cũng không phải là ít.

Đóng cửa với thế giới bên ngoài, nhưng bên trong nước Nhật vẫn diễn ra sôi động với một nền văn hóa phát triển mạnh dưới thời Tokugawa. Thời kỳ này những đặc tính của văn hóa truyền thống trên mọi phương diện: cá tính dân tộc, tay nghề, mỹ thuật... tiếp tục được phát huy dựa trên chính bản thân họ. Không những vậy, thời kỳ đóng cửa đã đưa nước Nhật trở thành một nước có nền hòa bình ổn định lâu nhất trong lịch sử thế giới, hơn 200 năm. Chính sự ổn định lâu dài đó mà người Nhật đã tạo nên một nền văn hóa cố hữu, độc đáo của mình. Những khía cạnh văn hóa truyền thống của Nhật Bản mà chúng ta thường hay nhắc đến thời nay thực chất đã được phát huy toàn diện và bén rễ trong thời kỳ này.

Trong khi nước Nhật đóng cửa thì ở phương Tây, khoa học kỹ thuật và kinh tế phát triển một cách mau chóng. Các nước phương Tây đang chuyển mình tiến đến cuộc cách mạng công nghiệp. Vào nửa đầu thế kỷ XVII, trước khi lệnh “tỏa quốc” được ban hành, nước Nhật đã bắt kịp phương Tây trên nhiều mặt, và có một số mặt đã vượt qua. Nhưng vì đóng cửa, Nhật Bản bắt đầu bị bỏ rơi và hơn 200 năm sau đến khi mở cửa thì nhiều lĩnh vực

đã tụt hậu. Chính quyền Mạc phủ bắt đầu tinh ngộ, liền khởi động nhiều cách để học hỏi phương Tây, trong đó có cử nhiều sứ đoàn sang Mỹ và các nước châu Âu. Chính từ lúc này Fukuzawa Yukichi bắt đầu có cơ hội chu du các nước tư bản phát triển và mang về đất nước Nhật Bản những kiến thức mới mẻ, bổ ích.

## **1.2. Thời thơ ấu và những tháng năm học trò**

### **1.2.1. Thời thơ ấu**

Fukuzawa Yukichi xuất thân trong một gia đình võ sĩ cấp thấp ở Nakatsu. Ông sinh vào ngày 10 tháng 01 năm 1835 ở Osaka. Cha ông là Fukuzawa Hyakusuke (1792-1836), một samurai nhỏ ở vùng Nakatsu (nay thuộc tỉnh Oita nằm ở phía Bắc quần đảo Kyushu). Mẹ ông là bà Ojun (? -1874), một thiếu nữ thông minh xinh đẹp con của Hashimoto Hamaemon, một samurai cùng lãnh địa. Trong lãnh địa, cha ông làm Motojime-yaku ( chức vụ tương đương với kế toán ngày nay) [71, tr.1].

Fukuzawa có một anh trai và ba chị gái. Một điều bất hạnh đã ập đến gia đình, người cha đã qua đời vì bệnh xuất huyết não (1836), khi đó ông chưa đầy hai tuổi. Chỉ một tháng sau cái chết đột ngột của cha, tháng 9 năm 1836, gia đình trở về quê cũ ở Nakatsu. Đây là chuyến đi buồn tẻ trở về quê hương. Gia đình Fukuzawa sống ở Rusuicho trong một ngôi nhà nhỏ bé đã bị bỏ hoang gần 15 năm. Chật chội đến nỗi Fukuzawa phải ngủ trong căn phòng nhỏ khi có khách khứa đến thăm vào buổi tối.

Mặc dù được chăm sóc bởi người mẹ nhưng hình ảnh về cha ông vẫn luôn hiển hiện, được kể lại theo trí nhớ của mẹ ông dù có phần nào hơi cường điệu. Quan niệm của Fukuzawa cho rằng “chế độ đẳng cấp chính là kẻ thù kìm hãm cha tôi” chủ yếu cũng do những câu chuyện của mẹ kể lại.

Lúc nhỏ Fukuzawa Yukichi học Hán học, nhưng vì nhà nghèo nên mãi đến năm 14 – 15 tuổi ông mới được đến trường, một độ tuổi khá muộn so với những năm của thập niên 1840 và 1850. Fukuzawa theo học thầy Shiraishi (1815-1883) - một nhà Hán học có tiếng trong lãnh địa Nakatsu. Vốn có tư chất thông minh và óc phán xét sắc sảo nên chỉ trong bốn, năm năm đọc sách chữ Hán, trình độ của ông tiến bộ nhanh chóng “...đường như tôi có chút năng khiếu thiên bẩm... So với thầy dạy buổi sáng, tôi có thể vượt thầy nếu buổi chiều có giảng nghĩa về bài đó”. Khi học ở trường của thầy Shiraishi, Fukuzawa đọc toàn các sách kinh điển Nho gia như Tứ thư, Ngũ kinh, Luận ngữ, Mạnh Tử. Thấy ông ham học nên thầy giáo còn dạy thêm cho cả Kinh thư và một số sách khác nữa. Trong các cuốn sách đó, ông đặc chí nhất là Tả truyện: “Các học trò khác chỉ đọc được ba, bốn quyển trong số 15 quyển,

nhưng tôi đọc thông hết cả bộ, thậm chí đã đọc đi đọc lại đến 11 lần và thuộc lòng những đoạn cho là hay” [2, tr.41].

Am hiểu sâu sắc Hán học, Fukuzawa có thể được xếp vào hàng những Nho sinh khá giỏi, nhưng ngay từ thời niên thiếu ông lại không có ý muốn trở thành nhà Hán học nổi tiếng, mà trái lại ông đã sử dụng vốn hiểu biết về Hán học của mình trở lại phê phán nó.

### 1.2.2. “Chế độ đẳng cấp chính là kẻ thù kìm hãm cha tôi”

Mặc dù Fukuzawa được sinh ra ở Osaka, nhưng Nakatsu là quê hương gắn liền với cả thời thơ ấu của ông. Mặc dù tiếp thu Hán học từ nhỏ, nhưng Fukuzawa rất căm ghét chế độ Mạc phủ với sự phân biệt đẳng cấp gắt gao. Trong *Tự truyện*, ông đã viết :

“Trong phong tục của Nakatsu đã có một sự phân biệt đối xử được hình thành chặt chẽ giữa các võ sĩ. Sự phân chia đẳng cấp một cách cứng nhắc, không chỉ trong công việc của lãnh địa, mà cả trong quan hệ giữa từng cá nhân. Đến cả thế giới trẻ thơ cũng có phân biệt sang hèn, trên dưới. Con của võ sĩ cấp cao khi nói với trẻ con nhà võ sĩ cấp thấp như chúng tôi, thì từ ngữ dùng cũng khác...Trong trò đùa nghịch của trẻ con mà cũng có sự phân biệt đối xử, nên tôi không thể nào bất bình cho được” [2, tr.54].

Một lần khác, Fukuzawa chứng kiến câu chuyện anh ông viết thư gửi cho ông Karo – người chuyên cố vấn công việc của lãnh địa, có chức vị cao nhất trong số những gia thần của lãnh chúa – do thói quen kiêu thư từ giữa các trí thức Nho gia, anh ông viết “Kashitsuji” thay vì từ “Otoritsugishu” ở ngoài bì thư liền bị ông Karo mắng thậm tệ. Chứng kiến cảnh đó Fukuzawa tức đến phát khóc, ông giận dữ thốt lên rằng: “nơi này thì ai còn muốn ở làm gì? Bằng cách nào cũng phải thoát khỏi đây!”. Thật ra giữa hai từ trên đều có ý nghĩa như nhau là “Kính gửi quý ông”, nhưng chỉ khác một chút là từ “Otoritsugishu” dùng kiểu Nhật Bản, còn từ “Kashitsuji” dùng kiểu Trung Quốc [2, tr.56].

Với chế độ phân biệt đẳng cấp khắt khe đó mà có lẽ ngay khi Fukuzawa mới ra đời, cha ông đã muốn ông đi làm sư: “Lớn lên chừng 10 hay 11 tuổi thì cho nó vào chùa làm sư”. Vì sao cha ông có ý muốn như vậy? Bởi khi nhìn ra bên ngoài thấy chỉ có đi tu là giải pháp tốt nhất. Bao nhiêu người vốn chỉ là con hàng cá cũng có thể trở thành chức sắc trong nhà chùa.

Từ thực cảnh trên, hơn ai hết Fukuzawa thấu hiểu rõ nỗi khổ mà cha mẹ mình đã trải qua. Ông thốt lên với lòng căm phẫn tột cùng: *chế độ đẳng cấp chính là kẻ thù kìm hãm cha tôi*. Chế độ phong kiến theo ông nó còn là một chướng ngại vật khổng lồ trên con đường nước Nhật tiến lên văn minh. Từ những nhận thức đó, ông một lòng muốn ra đi. Và rồi cơ

duyên cũng đến với ông, bến đỗ đầu tiên của chàng trai trẻ là Nagasaki – nơi có ngành Hà Lan học đang rầm rộ phát triển. Và nơi đó, Fukuzawa tiếp xúc với nền văn minh bậc nhất của thế giới lúc bấy giờ – nền văn minh phương Tây.

### **1.2.3. Thời kỳ học tập ở Nagasaki và Osaka: tiếp xúc nền văn minh phương Tây**

#### **1.2.3.1. Tìm đến phương Tây học ở Nagasaki**

Không chỉ bất mãn từ chế độ phong kiến, khi nói đến nguyên nhân hình thành nên những tư tưởng tiến bộ của Fukuzawa, không thể không đề cập đến quá trình sớm tiếp xúc nền văn minh phương Tây của ông. Đây chính là một trong những bước ngoặt quan trọng nhất quyết định thế giới quan trong tư tưởng của ông, giúp ông vượt qua lối suy nghĩ hạn hẹp của giới trí thức đương thời rằng “Nhật Bản phải đóng cửa để bảo vệ độc lập”.

Fukuzawa với trí tuệ vượt trội hơn các bạn cùng thời nên ông sớm tinh thông Hán học, dù vậy ông lại không có ý định trở thành một nhà Hán học có tiếng. Nguyên vọng của ông “đi đâu cũng được miễn là phải thoát ra khỏi Nakatsu và đến một nơi nào khác” có những điều mới mẻ hơn, ông cứ thăm mong như vậy và cuối cùng cũng đạt được mục đích – đến Nagasaki tìm đến phương Tây học.

Thật ra, ngay tại lãnh địa Nakatsu đã có truyền thống học hỏi về phương Tây học, mà chủ yếu là Hà Lan học - nước phương Tây duy nhất được chính quyền Mạc phủ cho phép ở lại kinh doanh mua bán trên hòn đảo Deshima. Những quyển sách nổi tiếng về y học dịch từ tiếng Hà Lan sang tiếng Nhật đều xuất phát từ đây, có thể kể đến: *Ontleedkundige Tafelen* (bản tiếng Hà Lan là *Anatomische Tabellen*, 1722), quyển *Kaitai shinsho* (*New Book of Anatomy*, 1774), hay những quyển từ điển Nhật – Hà Lan (*Select Dictionary of Japanese – Dutch*, 1811), quyển từ điển Hà Lan – Nhật (*Bastaardt Dictionary*, 1822). Những quyển sách này đánh dấu bước ngoặt trong lịch sử của việc học hỏi về phương Tây tại Nhật Bản [44, tr.46-47].

Chính quyền Tokugawa chỉ cho phép người Hà Lan – quốc gia phương Tây duy nhất được buôn bán trên đảo Deshima, bởi vào thế kỷ XVII, trong các quốc gia phương Tây, Hà Lan là nước có tiềm lực kinh tế, là nước tư bản phát triển nhất châu Âu lúc bấy giờ. Ngoài ra, khác với các quốc gia phương Tây, Hà Lan theo đạo Tin lành – một tôn giáo có khuynh hướng ôn hòa. Mặt khác, cư dân Hà Lan vốn là một xứ đất thấp, phải đắp đê ngăn những cơn sóng lớn, nên từ sớm đã có kết cộng đồng người Hà Lan với nhau, dần đã rèn luyện cho họ một khả năng giao tiếp giỏi, năng động, khiêm nhường. Người Nhật đã có ấn tượng

manh những phẩm chất của người Hà Lan. Nên giới thương nhân Hà Lan đã nhận được nhiều đặc quyền kinh tế ở Nhật Bản cùng với các quốc gia phương Đông khác và Hà Lan đã giành được ưu thế thương mại so với các thương nhân châu Âu “ngạo mạn” và “vô lễ”. Hà Lan được lựa chọn là đối tác tối ưu nhất của Nhật Bản. Vì, “khả năng bành trướng của Hà Lan không chỉ dựa vào khát vọng thương mại và sức mạnh hải quân mà còn nhờ vào bản chất xã hội của nước này” [19, tr.52].

Từ đầu thế kỷ XIX, quá trình bành trướng của chủ nghĩa thực dân phương Tây được mở rộng, bắt đầu lan sang châu Á. Sự thất bại của Trung Quốc trong chiến tranh Thuốc phiện (1839-1842), đặc biệt là sự xuất hiện của hạm đội kurobune (hắc thuyền) của Mỹ vào năm 1853 do đề đốc Perry dẫn đầu ở cửa biển Uraga (Edo) đã làm cho người Nhật, nhất là chính quyền Mạc phủ choáng váng. Họ đến Nhật mang theo quốc thư của chính phủ Mỹ yêu cầu được tự do thông thương, hoạt động cứu trợ và tiếp tế nhiên liệu. Nhưng chính sự xuất hiện của hạm đội kurobune (được trang bị hàng chục khẩu súng đại bác) trên thực chất là biểu tượng của văn minh cận đại, vừa làm dân chúng Edo bàng hoàng trước sự tiến bộ của thế giới bên ngoài, vừa khiến họ ý thức về sự trì trệ, lỗi thời của chính sách đóng cửa. Trước đó, nhiều nước châu Âu như Nga, Anh, Hà Lan cũng đã đến Nhật Bản đòi mở cửa xin giao thương, nhưng chính quyền Mạc phủ vẫn khẳng khái không chịu thay đổi chính sách của mình.

Bắt đầu từ lúc này, người dân Nhật bản nhiều đến sùng thuật của phương Tây, cũng như những điều mới mẻ đầy bất ngờ mà họ mang đến. Được sự gợi ý của người anh trai, cùng với sự tự tin của mình “những gì người ta đọc được thì mình cũng đọc được, kể cả chữ viết ngang” và hai anh em quyết định đi Nagasaki (1854) tìm đến Hà Lan học. Lúc đó Fukuzawa mới 19 tuổi, khi nhớ lại sự việc này ông nói “tôi cảm thấy hôm đó thật là một ngày dễ chịu”.

Khi đến Nagasaki, ban đầu Fukuzawa ở trọ trong chùa Koeiji, sau đó chuyển đến ăn ở và học tập tại nhà ông Yamamoto Monojiro. Tại đây ông làm đủ việc, từ việc dạy con trai của thầy Yamamoto đọc Hán văn, đến công việc nhà...việc nào Fukuzawa cũng tháo vát, nên rất được gia đình thầy Yamamoto thương mến và ngờ ý muốn nhận làm con nuôi. Fukuzawa còn làm thêm công việc sao chép các sách về vũ khí của phương Tây, công việc giúp cho ông có thêm nhiều kiến thức bổ ích. Ngoài ra, Fukuzawa còn lui tới trao đổi với bác sĩ Hà Lan và một thông dịch viên người Hà Lan để nâng cao hiểu biết về tiếng Hà Lan và chỉ khoảng 50 đến 100 ngày là ông đã dần dần đọc và hiểu được ý nghĩa [2, tr.59-61]. Và

đây là những bước đi đầu tiên của Fukuzawa trên con đường dài chinh phục nền khoa học phương Tây mà ở đây là những kiến thức về Hà Lan, đánh dấu bước ngoặt quan trọng trong cuộc đời ông.

Trong lúc Fukuzawa học tập ở Nagasaki vào năm 1854 thì chính quyền Mạc phủ đã nhượng bộ ký kết với Mỹ điều ước Kanagawa với những thỏa thuận: (1) cung cấp nhiên liệu và thực phẩm cho tàu bè Mỹ, (2) cứu trợ thủy thủ Mỹ bị nạn, (3) mở hải cảng Shimoda (Hạ điền) ở miền Nam bán đảo Izu (Y đậu) và Hakodate (Hàm sương) ở Hokkaido làm địa điểm cung cấp nhiên liệu và thực phẩm cho tàu bè Mỹ, (4) xem Mỹ là “nước được ưu đãi nhất”, (5) thỏa thuận cho Mỹ đặt lãnh sự tại Nhật [47, tr.89-90].

Sau khi Nhật ký điều ước trên với Mỹ, thì các nước phương Tây khác như Anh, Nga, Hà Lan nối gót đòi Nhật Bản ký kết những điều ước tương tự. Qua những điều ước ký kết này, cánh cửa tiếp xúc với thế giới bên ngoài của Nhật dần dần hé mở và chính sách bế quan tỏa cảng dưới thời Tokugawa đã đến giờ cáo chung.

### **1.2.3.2. Cơ hội học tập mới ở Osaka**

Fukuzawa quyết định lên Edo, trên đường đi ông ta ghé qua Osaka nơi người anh trai đang ở đây và đã giới thiệu ông vào trường tư thục của thầy Ogata học về Hà Lan học - một cơ hội học tập mới của Fukuzawa được bắt đầu.

Koan Ogata là một trong những học giả lỗi lạc vào giữa thế kỷ XIX tại Nhật Bản. Ông là dịch giả tiếng Hà Lan, một nhà giáo dục và là một bác sĩ được đào tạo theo những ngành khoa học Hà Lan. Năm 1838 ông đã sáng lập trường Tekijiku và sẵn lòng đón tiếp học sinh từ mọi miền đất nước. Chính từ lúc này việc học Hà Lan học của ông mới thực sự bắt đầu và được dạy đọc sách một cách chính quy [2, tr.79-100].

Với tính cách cần cù, chăm chỉ học tập Fukuzawa nhanh chóng giành được một vị trí trong các sinh viên sáng giá. Nhưng thật không may, vào tháng Giêng năm 1856, anh trai của ông bị bệnh thấp khớp và dần dần trở nên tồi tệ hơn. Đến tháng Ba Fukuzawa cũng bị mắc bệnh thương hàn. Ông bệnh trầm trọng suốt hai tuần. Nhưng nhờ sự chữa trị tài giỏi và “đầy lòng phụ tử” của thầy mình, ông đã được bình phục. Sau đó hai anh em trở về Nakatsu vào mùa hè năm 1856. Một thời gian ở quê, bệnh tình của Fukuzawa đã hồi phục nhanh chóng và quay trở lại Osaka tiếp tục việc học. Nhưng lúc này ông cũng nhận được một tin chẳng lành, anh trai ông – Sannosuke – mất vào ngày 1 tháng 10 năm 1856, lúc mới 30 tuổi. Fukuzawa vội vã trở về nhà chịu tang anh trai mình, do là con trai còn lại ông lập tức trở thành người chủ của gia đình, năm đó ông 21 tuổi.



Do có kinh nghiệm sống tại Nagasaki và Osaka, Fukuzawa biết được những điều đang xảy ra ngoài lãnh địa cổ xưa nơi gia đình ông đang ở. Ông nhận thấy rằng Osaka không những là một nơi thân thiện mà còn rất sáng sủa cho sự nghiệp tương lai của ông. Nhưng là chủ gia đình ông phải chịu tang cho anh trai trong 50 ngày và còn phải nhận nhiệm vụ canh lâu đài Nakatsu hai, ba ngày trong tuần. Dù vậy, ông luôn xem xét tình hình để quay lại Osaka. Ông bộc lộ suy nghĩ đó với cha nuôi của mình liền nhận được câu trả lời rằng học kiến thức phương Tây không đem lại kết quả gì. Ngay cả những người hàng xóm của ông xem quyết định này là một hành động điên rồ.

Tuy nhiên, chính mẹ ông đã can thiệp và giải quyết vấn đề này. Lòng can đảm và sự hiểu biết về con cái đã giúp cho mẹ ông có tầm nhìn xa hơn, bà đã đồng ý cho ông rời khỏi Nakatsu để tiếp tục con đường học tập. Tư tưởng của mẹ ông khá phóng khoáng đã thoát khỏi sự níu kéo của một chế độ đang suy tàn, vì bà đã từng sống ở một môi trường rộng lớn hơn là Osaka, do đó bà rất hiểu rõ sự tù túng của một nơi như Nakatsu.

Tuy được sự ủng hộ của mẹ, Fukuzawa vẫn chưa giải quyết được hai vấn đề chính. Một là ông phải trả số tiền 40 Ryo mà gia đình vay mượn trong thời gian anh trai ông bị bệnh. Điều thứ hai, vì là chủ gia đình ông phải được chấp thuận chính thức mới có thể rời khỏi lãnh địa. Ông đã giải quyết vấn đề này như thế nào?

Ông đã bán bộ sưu tập gồm 1500 quyển sách với giá 15 Ryo và thanh kiếm tuyệt đẹp của cha với giá 4 Ryo, những cuộn giấy treo tường với giá 3 Ryo và nhiều vật dụng khác như chén, đĩa, bộ tách đĩa với số tiền còn lại để trả 40 Ryo. Trong thời gian ở lại Nakatsu, Fukuzawa có viếng thăm xã giao Iki Okudaira cũng vừa trở về từ Nagasaki. Chuyến viếng thăm này hẳn đã làm vừa lòng cậu Iki và cũng nhân dịp này, Fukuzawa được xem một bản chép tay đắt tiền của quyển *Handleiding tot de Kennis der Versterkingskunst* của C.M.H Pe với giá 23 Ryo, quyển sách miêu tả chi tiết về kiến trúc các tòa lâu đài phương Tây. Fukuzawa đã có thể mượn quyển sách và sao lại 200 trang trong vòng bốn tuần. Qua đó mới thấy sự quan tâm của Fukuzawa đến lĩnh vực quân sự của phương Tây cũng như khả năng đọc tiếng Hà Lan của ông. Bằng cách này Fukuzawa đã chuẩn bị cho việc xin phép rời khỏi Nakatsu để đến Osaka. Quả thật, Fukuzawa đã không gặp khó khăn gì khi đưa ra lời xin phép chính thức rời khỏi lãnh địa để đi học hỏi về “ngành súng đạn” tại Tekijuku. Tháng 12 năm 1856, ông rời khỏi Nakatsu đi đến Osaka.

Tekijuku có lẽ là trường dạy tiếng nước ngoài và những ngành khoa học phương Tây đầu tiên sắp theo dạng một chương trình học cho học viên của trường. Các khóa học được

chia làm tám lớp, từ lớp thấp nhất đến lớp cao nhất. Chỉ có học viên của lớp cao nhất mới được học với chính Ogata. Học viên mới vào học lớp một, được yêu cầu phải học văn phạm tiếng Hà Lan với giáo trình là hai quyển *Wranbunten zenpen* và *Waranbunten kohen seikuhēn*. Việc hiểu được văn phạm tiếng Hà Lan quả là một nhiệm vụ rất khó khăn cho học viên, nhất là những người trước đây chưa từng thấy mẫu tự này.

Trong thư viện của Tekijuku chỉ có mười quyển sách tiếng Hà Lan về vật lý hay y khoa. Những học viên đã học xong lớp một về văn phạm tiếng Hà Lan và lên tiếp các lớp trên chỉ học trong mười quyển này. Làm sao một nhóm những học viên có thể xoay xở học những ngành khoa học Hà Lan trong chỉ mười quyển sách? Bí quyết là ở truyền thống lâu đời trong việc chép tay sách giáo khoa của Nhật Bản. Những học viên học lớp hai và lớp cao phải chuẩn bị những bản sao chép tay của những phần được phân công trong sách giáo khoa dùng chung trong lớp của họ. Lớp học thường có từ 10 đến 15 học viên và mỗi tháng gặp nhau sáu lần. Mỗi khi cần chuẩn bị những bản chép tay, các học viên vào căn phòng gọi là phòng Doeff, tức phòng tự điển là nơi có hai bộ tự điển tiếng Hà Lan. Một bộ là *Doeff Halma* do Hendrik Doeff, trưởng đại diện thương mại Hà Lan sống tại Deshima ở Nagasaki biên soạn. Bộ còn lại là *Nederduitsche Taalkundig Woordenbook* do Petrus Weiland biên soạn. Chỉ có sinh viên lớp cao mới được sử dụng quyển tự điển Weiland. Chuẩn bị những bản chép tay và đọc những bài học với sự trợ giúp của tự điển không phải là một công việc dễ dàng, nhưng phần lớn các học viên, kể cả Fukuzawa đều dường như rất thích thú. Dù sao nó vẫn thú vị hơn nhiều so với những công việc tẻ nhạt ở quê nhà và thị trấn cổ xưa.

Trong giờ học, giáo viên – một sinh viên đứng đầu lớp tám được phép đặt quyển sách giáo khoa nguyên bản tiếng Hà Lan trên một giá để sách. Bài tập cho các học viên là biên dịch và thông dịch bài học. Nếu thực hiện được cả hai bài tập, mỗi học viên có ba điểm. Nhưng nếu rớt một trong hai môn này, học viên chỉ nhận được một điểm. Học viên nào đứng đầu lớp trong ba tháng, tức trong tám lớp, sẽ được lên lớp cao hơn. Fukuzawa đã thành công học xong khóa học đầy thử thách này trong một năm và được thầy Ogata chọn là người đứng đầu nhóm học viên hay còn gọi là “thực trưởng”.

Trường Tekijuku là một căn nhà gỗ hai tầng, khu tầng trệt gồm phòng làm việc của thầy Ogata và phòng gia đình, hai phòng dành cho khách, hai phòng học và một nhà bếp. Mỗi học viên ở trên một chiếc chiếu, cũng là nơi lưu giữ mọi vật dụng và nơi ngủ nghỉ, đọc sách. Sinh hoạt trong một không gian bé nhỏ như thế quả là điều không dễ dàng gì [44, tr.62-64].

Xuất thân của các học viên trong trường cũng hoàn toàn khác nhau, nhưng họ có một điểm chung là chăm chỉ học hành, chuyên tâm nghiên cứu về y khoa phương Tây. Tuy nhiên, vào thời kỳ phát triển này của Nhật, những sinh viên học các ngành phương Tây khó có thể tìm thấy một tương lai xán lạn cho bản thân mình. Giữa nơi ở trọ của họ vẫn còn những cây cột trụ đỡ mái nhà rộng lớn và ở đó vẫn còn lưu dấu lại những vết xước bằng grom. Có lẽ đó là dấu vết của tâm trạng thất vọng của các học viên do việc học căng thẳng gây nên hay một tâm trạng u uất về một thời đại, qua đó chúng ta có thể cảm nhận hoài bão của những chàng thanh niên sinh trưởng trong chế độ Tokugawa cổ hủ này.

Thật không ngoa khi nói rằng, hoạt động chủ yếu của việc học tiếng Hà Lan tại Tekijuku chỉ là hoạt động sao chép từ những trang sách giáo khoa tiếng Hà Lan. Fukuzawa và bạn bè mình rất tự hào về kỹ năng sao chép của mình. Kỹ năng sao chép sách xuất sắc của học viên là một trong những công cụ hữu hiệu nhất để đưa kiến thức khoa học phương Tây đến với những thanh niên trẻ đầy nhiệt huyết trên khắp nước Nhật. Có một lần họ sao chép một cuốn sách vật lý mới nhất bằng tiếng Anh và đã được dịch ra tiếng Hà Lan do thầy Ogata mượn của ông Kuroda. Do ông Kuroda đi công việc nên ông chỉ ở Osaka vài ngày, thật khó khăn để sao chép toàn quyển sách. Fukuzawa đã đứng đầu nhóm sao chép không nghỉ để ăn uống hay hút thuốc, trong suốt ba ngày hai đêm, cuối cùng đã chép xong phần điện, tổng cộng được khoảng 160 trang.

Nói như vậy cũng chưa hẳn, vì tại đây Fukuzawa đã được học về vật lý học, hóa học, giải phẫu học và sinh lý học của người phương Tây. Và ông đã rất thán phục trước sự chính xác và thần kì của nó. Vì thế, ông quyết tâm tiếp thu kiến thức khoa học tự nhiên nhằm áp dụng những tri thức này vào Nhật Bản.

Trong *Tự truyện* của mình ông đã thuật lại hết sức thú vị một vài thí nghiệm vật lý, hóa học mà ông đã thực hiện ở Tekijuku.

Hồi còn ở Nagasaki, Fukuzawa có nghe nói dùng Acid Hydrochloric kẽm có thể mạ thiếc vào sắt. Từ trước đến nay, người Nhật vẫn dùng nhựa thông. Bằng nhựa thông có thể mạ thiếc vào các dụng cụ bằng đồng. Đánh trắng nồi niêu là công việc của ông đồng nát hàn nồi, nhưng nếu có Acid Hydrochloric kẽm và thiếc sẽ gắn kết với sắt. Tuy vậy, ông cùng với mấy người bạn đi đến mấy cửa hàng thuốc đều không thấy có, nên đành phải tự tạo. Cách làm Acid Hydrochloric thì qua sách có thể hiểu được. Nhờ phương pháp đó, cuối cùng ông cũng tạo ra được Acid Hydrochloric. Nung kẽm trong đó và thử đem thiếc gắn với sắt

đã thành công đến mức máy bác thợ đồng nát sửa nồi trong mơ cũng không thấy được. Thực hiện được điều này cả nhóm bạn của ông lấy làm khoái chí.

Không dừng lại ở đó, ông còn dự định tạo ra Amoniac ( $\text{NH}_3$ ). Ông lấy những chất bẩn trong móng ngựa cho vào một lọ rồi đun lên cùng với nước. Dung dịch Amoniac cũng có xuất hiện đôi chút nhưng lại phát ra một mùi hôi thối không thể tả đến độ tối đó khi vào phòng tắm, áo Kimono mà ông mặc trong lúc làm thí nghiệm bốc mùi hôi thối nồng nặc làm chó sủa inh ỏi. Sau lần đó, ông bị nhiều người xung quanh phản đối nên không thể tiến hành ở trong khuôn viên trường nữa, buộc ông phải thuê một chiếc thuyền bơi ra giữa sông để vừa du ngoạn vừa làm thí nghiệm. Ngoài ra ông còn làm thí nghiệm để tạo ra muối Iốt, axit Sunfuric, điều chế rượu....[2, tr.136-139].

Qua những ví dụ trên cho thấy học trò ở trường của thầy Ogata rất chuyên tâm học tập và quan trọng nhất đã hình thành ở họ nền học thuật mang tính thực tiễn cao. Có lẽ từ đó mà Fukuzawa xem những người theo Hán học và cả nền học thuật của chính quyền cũ lúc này là “sự vô khoa học”, “đi học thì nghe giảng toàn những thứ hư hư, không không”. Đối với ông lúc này những gì liên quan đến Trung Quốc đều muốn loại bỏ cả, các nhà Hán học có giảng kinh sử cũng không ai muốn nghe. Từ việc tiếp xúc Hà Lan học, giờ đây Fukuzawa nắm bắt cơ bản về nền khoa học phương Tây, qua đó bộc lộ trong ông một khát vọng lớn lao hơn, cái thực tế hơn và đây có phải là động cơ mà ông muốn đi thực tế chứng kiến những thành tựu của văn minh phương Tây bằng cách du hành qua các nước đó?

### **1.3. Lên Edo và những chuyến du hành qua phương Tây**

#### **1.3.1 Thử sức các học giả ở Edo và bắt đầu học tiếng Anh**

Vào năm 1858, Fukuzawa lên Edo để tham gia công việc giảng dạy về Hà Lan học ở khu Yashiki, do có một người rất chuộng Hà Lan học tên là Okami Hikoza, muốn mở một trường về Hà Lan học.

Đến Edo ông sống trong một căn nhà trung bình trong lãnh địa Nakatsu ở cực Đông của Edo. Ngay lập tức, Fukuzawa bắt tay ngay vào công việc, dạy hơn mười học viên, đa phần họ đến từ các lãnh địa khác. Ngoài việc giảng dạy, ông có cơ hội tìm hiểu và khám phá Edo. Một điều rất đổi vui mừng của Fukuzawa là đã thử sức được các học giả ở Edo, ông nhận ra rằng giới học thuật về Hà Lan học ở đây không có gì đáng sợ cả. Cảm giác đó mang đến cho ông một niềm tự hào của một người đứng đầu trường Hà Lan học ở Osaka.

“Tôi đã từng hỏi các bậc đàn anh đi trước về những chỗ khó hiểu trong sách nguyên bản và qua đó cũng là để ngầm thử sức họ. Tôi chọn những câu mà hỏi ở Osaka đã có ai đó

không đọc được, những câu khó, có vẻ như không ai đọc được, hoặc có khả năng sẽ không đọc được và làm bộ mặt không hiểu, đem đi hỏi, nhưng lần nào những người mang danh học giả cũng đều không đọc được. Ngược lại, điều đó làm tôi thích thú” [2, tr.150].

Fukuzawa đã rất an tâm về khả năng học thuật của mình. Nhưng ông đã gặp một trở ngại mới. Sau một năm ông đến Edo thì chính quyền Mạc phủ đã ký kết điều ước “Tu hiếu thông thương Nhật - Mỹ, với các điều khoản: (1) mở các cảng Kanagawa, Nagasaki, Niigata và các thành phố Edo và Osaka; (2) tự do mậu dịch; (3) quy định địa điểm cư trú của người ngoại quốc ở 3 cảng và 2 thành phố này, và người ngoại quốc trên nguyên tắc không có quyền đi lại trong nước; (4) chấp nhận đặc quyền ngoại giao của Mỹ (có nghĩa là nếu người Mỹ ở các vùng cư trú có phạm tội gì sẽ được xét xử theo luật pháp của Mỹ); (5) quan thuế sẽ do hai bên quyết định (tức là Nhật không có quyền định đoạt quan thuế đơn phương). Sau khi Nhật Bản ký xong điều ước thông thương với Mỹ thì các nước Anh, Nga, Hà Lan, Pháp ép buộc Nhật ký kết các điều ước tương tự.

Theo các điều khoản trên nên nhiều thành phố và hải cảng của Nhật buộc phải mở cửa và cho người ngoại kiều vào sinh sống. Trong đó có khu Yokohama, (thủ phủ tỉnh Kanagawa ngày nay), thời kỳ này nó là một làng chài nhỏ ở Edo.

Lúc này Yokohama là nơi mở cửa, nên Fukuzawa đi thăm thú khắp nơi. Ở khu ngoại kiều sinh sống, họ còn mở luôn cửa hàng ở đây. Fukuzawa gặp những ngoại kiều, nhưng thật bất ngờ khi ông hoàn toàn không hiểu thứ ngôn ngữ họ nói. Gặp một thương gia người Đức biết tiếng Hà Lan, Fukuzawa trao đổi thử nhưng phải viết ra giấy thì mới có thể hiểu được. Lúc này ông rất ngạc nhiên và thất vọng, bởi bao nhiêu năm học Hà Lan học giờ lại không được tích sự gì. Thế là ông quyết định học tiếng Anh, ông thậm chí “với tư cách là một nhà Tây phương học mà không biết tiếng Anh thì dù biện minh như thế nào cũng không thể chấp nhận được”.

Lúc bấy giờ, số người biết tiếng Anh ở Nhật Bản rất hiếm nên việc học tiếng Anh của ông rất gian nan. Ông tìm học ở Moriyama - một quan chức của Mạc phủ vào ngoài giờ làm việc, nhưng do Moriyama quá bận rộn nên việc học của Fukuzawa không đạt được kết quả. Cuối cùng ông quyết định tự học và phải sử dụng từ điển Anh – Hà, rồi Hà – Nhật để tra cứu. Do nét tương đồng giữa văn phạm tiếng Anh và tiếng Hà Lan, nên sau gần một năm kiên trì tự học, tiếng Anh của ông cũng khá tinh thông. Thành quả mà Fukuzawa đạt được là đáng kinh ngạc. Đây là chìa khóa hữu dụng nhất để giúp ông bước vào cánh cửa thế giới rộng lớn hơn.

### 1.3.2. Sang Mỹ lần thứ nhất (1860)

Vào 1859, một năm sau khi Fukuzawa lên Edo, chính quyền Mạc phủ đã có một quyết định táo bạo là cử một quân hạm sang thăm nước Mỹ. Mục đích là để phê chuẩn những điều ước đã ký kết giữa hai nước.

Sau khoảng bốn năm chính quyền Mạc phủ cho người xuống Nagasaki học về kỹ thuật hàng hải từ người Hà Lan, đã nhanh chóng tiến bộ và giờ đây họ có thể tự mình lái một con tàu vượt trùng khơi.

Ông Kimura Setsutsu-no Kami, người điều hành toàn bộ các quân hạm của Nhật lúc này được chính quyền cử làm thuyền trưởng tàu Kanrin – maru, chỉ huy một đoàn 96 người gồm thủy thủ và cả tùy tùng. Fukuzawa là thành viên của đoàn với tư cách là tùy tùng của thuyền trưởng. Đây là một quyết định táo bạo của Fukuzawa - một con người cầu tiến, gan dạ, khát khao học tập cái mới. Cái may đối với bản thân Fukuzawa nhưng cũng thật may mắn đối với Nhật Bản, bởi chiếc cầu vãn minh nối liền từ phương Tây đến Nhật Bản qua Fukuzawa dần được hình thành.

Chiếc tàu Kanrin – maru được mua từ Hà Lan, khởi hành ở vịnh Uruga ở Edo vào tháng 1 năm 1860, sau 37 ngày đã đến được San Francisco. Fukuzawa cùng với đoàn đã lưu lại nước Mỹ khoảng ba tuần, tại đây những điều mới lạ được hiện ra trước mắt ông.

Trong *Tự truyện* của mình, Fukuzawa viết về những điều mà ông rất đỗi ngạc nhiên. “Tất cả mọi thứ ở Mỹ đều lạ đối với chúng tôi. Chẳng hạn, nhìn thấy xe ngựa thực ra cũng ngạc nhiên, vì đó là lần đầu tiên trong đời”. Hay đến cả những tấm trải thảm trong lối vào ở khách sạn được trải khắp từ trong đến ngoài, “ở Nhật nhà nào sang lắm cũng chỉ dám bỏ tiền ra mua một tấm hình vuông cỡ 1 shun (khoảng 3,03cm) để làm những thứ như ví đựng tiền hay bao đựng thuốc lá mà thôi... còn ở đây giẫm giày lên đó mà đi thì quả thực là ngạc nhiên không kể đâu cho hết” [2, tr.172].

Không chỉ vậy, trong thời gian ở Mỹ Fukuzawa có dịp tìm hiểu nhiều nơi và ông đi từ ngạc nhiên này đến ngạc nhiên khác: Khi bác sĩ người Hà Lan mời thuyền trưởng Kimura đến dinh thự của ông chơi, trong nhà đồ ăn đã chuẩn bị rất thịnh soạn, bà vợ ông bước ra ngồi trên ghế và tiếp khách, trong khi vị bác sĩ chủ nhà phải tất tạt chạy đi chạy lại. Còn ở Nhật khi có khách đến nhà chơi thì ông chủ ngồi đàm đạo với khách, còn bà vợ phải tất tạt vào trong, ra ngoài để phục vụ cơm nước, điều này hoàn toàn trái ngược ở Mỹ. Chứng kiến cảnh này Fukuzawa không khỏi buồn cười, nhưng cũng lấy rất làm lạ. Có lẽ trải qua sự việc này mà về sau Fukuzawa thường lên tiếng ủng hộ và bảo vệ quyền lợi của người phụ nữ

trong xã hội Nhật Bản. Tương tự như vậy, ông còn thấy ngạc nhiên bởi “đi bất cứ đâu, thùng rác hay bãi biển cũng đều thấy rất nhiều đồ kim loại. Chẳng hạn những đồ như hộp xăng dầu, vỏ hộp đựng đồ dùng... Ở Edo mà có đám cháy thì người ta nhao nhao đi hôi của, nhưng khi đến Mỹ thì kim loại vứt như rác”. Giá cả đất đỏ ở Mỹ cũng gây cho ông một cú sốc lớn “tôi còn ngạc nhiên với sự đắt đỏ về giá cả... Thật là một nơi đất khùng khiếp, một chuyện đáng giật mình”.

Tuy nhiên, trong chuyến đi này có lẽ điều ngạc nhiên bất ngờ nhất đối với Fukuzawa là khi ông hỏi chuyện về dòng dõi của George Washington. Fukuzawa hỏi xem hậu duệ của ông ta hiện giờ ra sao, thì ông nhận được câu trả lời rằng không biết con gái ông ta bây giờ thế nào, hình như đã làm vợ ai đó. Fukuzawa viết trong *Tự truyện*:

“Câu trả lời hết sức lãnh đạm, điều mà tôi không thể ngờ tới. Thật là kỳ lạ! Mặc dù, tất nhiên tôi có biết Mỹ là nước theo chế độ cộng hòa, tổng thống chỉ làm theo nhiệm kỳ 4 năm, nhưng khi nói đến hậu duệ của George Washington thì luôn nghĩ rằng, đây là những người tai to mặt lớn. Là bởi vì trong thâm tâm tôi có ý nghĩ ông ta giống như Minamoto Yoritomo hay Tokugawa Ieyasu của Nhật, nên suy từ đó ra hỏi thì hết sức ngạc nhiên với câu trả lời mà tôi vừa kể. Cảm giác ngạc nhiên đó bây giờ tôi vẫn còn nhớ” [2, tr.177].

Qua ba tuần ở lại Mỹ, Fukuzawa đã có một thời gian tốt để học tập những điều mới mẻ cho mình. Nhưng ông cũng không quên mang về một chút kỷ niệm. Đó là tấm ảnh mà ông chụp với cô con gái người thợ ảnh, mới chừng mười lăm tuổi. Trước đó, Fukuzawa đã đến hiệu ảnh đó, nhưng hôm ấy trời mưa, ông đến đó một mình và gặp cô con gái ở nhà, nên mới rủ cô bé vào chụp cùng. Với tấm ảnh trên tay, Fukuzawa đã làm cho các bạn của mình trên tàu rất đổi ngạc nhiên, ông đem khoe với mọi người thay cho một trò đùa vui. Không những vậy, ông còn mua một cuốn tự điển tiếng Anh có tên là Webster (do William G. Webster biên soạn, xuất bản tại New York năm 1850, gồm 490 trang) - là cuốn tự điển đầu tiên nhập khẩu vào Nhật, “nó được coi là vũ khí trí tuệ để Fukuzawa hiểu biết về nền văn minh hiện đại phương Tây” [76, tr.29].

Sau chuyến đi Mỹ, Fukuzawa được chính quyền Mạc phủ thuê vào để dịch các văn bản ở bộ phận chuyên trách về ngoại giao. Tại đây Fukuzawa có dịp tiếp xúc với các văn bản bằng tiếng Anh và qua đó có cơ hội nâng cao trình độ tiếng Anh của ông.

### **1.3.3. Một năm khám phá châu Âu (1862)**

Mùa đông năm 1861, Mạc phủ cử đoàn sứ giả sang các nước châu Âu. Fukuzawa được lệnh đi châu Âu gần một năm. Ông đã tóm tắt chuyến đi này như sau:

“Như vậy là tôi được đi châu Âu. Tàu khởi hành vào tháng 12 năm Bunkyu thứ nhất (1861). Lần này, tàu Odin đã từ Anh sang đón đoàn sứ giả của Nhật. Chúng tôi lên tàu đó, ghé qua Hồng Kông, Singapore, vào vùng biển Hồng Hải, sau đó cả đoàn lên bờ từ Suez, đi tàu hỏa chạy bằng hơi đốt đến Cairo, Hy Lạp nghỉ hai đêm, lại ra biển Địa Trung Hải lên tàu sang cảng Marseille của Pháp, từ đó lại lên tàu hỏa đi Lyon, nghỉ ở đó một đêm, đến Paris ở hai mươi ngày, hoàn tất việc tiếp kiến với chính phủ Pháp và rời Paris sang Anh.

Từ Anh lại đi Hà Lan, từ Hà Lan đến thủ đô Berlin của nước Phổ, lại từ Berlin đi đến St. Petersburg của Nga. Sau đó, chúng tôi trở về Paris, từ Pháp lên tàu đi Bồ Đào Nha, vào vùng biển Địa Trung Hải và theo đúng đường cũ trở về. Tất cả hành trình đó mất khoảng một năm, tức là mãi đến cuối năm Bunkyu thứ hai (1862), chúng tôi mới về đến Nhật” [2, tr.186-187].

Có thể nói đây là chuyến đi có ý nghĩa nhất với Fukuzawa, nhiệm vụ của đoàn là đàm phán về việc hoãn mở thêm cảng biển và điều chỉnh tỷ giá hối đoái. Mặc dù đàm phán thất bại, nhưng Fukuzawa có dịp đến nhiều nước châu Âu quan sát được nhiều điều mới mẻ về cách thức tổ chức ở bệnh viện, ngân hàng, quân sự, kho vũ khí, hầm mỏ, trường học, các đảng phái chính trị... mà mỗi khi đọc sách có những điều ông không hiểu. Những gì ông tiếp thu được đều được ông ghi chép cẩn thận trong sổ tay, đó là tư liệu quan trọng để ông viết nên cuốn *Seiyo Jijo (Tây dương sự tình)*.

Trong một lá thư viết gửi về Nhật Bản lúc Fukuzawa còn ở châu Âu vào tháng 5 năm 1862 cho ông Sukerato Shimazu – một viên chức cấp cao của lãnh địa Nakatsu đang ở Edo, ông nói rằng:

“Tôi đã rất may mắn khi có thể tham gia chuyến đi này sang phương Tây và chuyến đi này sẽ không xảy ra lần nữa. Vì vậy, tôi đã quyết tâm nghiên cứu bằng cách chú ý thật kỹ đến điều kiện và phong tục của các nước châu Âu. Tôi đã kết bạn ở cả nước Anh và nước Pháp cũng như nêu lên những thắc mắc về các trường học, bệnh viện, hệ thống quân sự, thuế... tại đất nước họ. Dù tôi không hoàn toàn hiểu rõ mọi điều nhưng việc tận mắt nhìn thấy những điều mà đến giờ tôi chỉ biết qua sách vở đã giúp ích cho tôi rất nhiều. Đúng là thấy mới tin... Nếu chúng ta áp dụng những phương pháp của người phương Tây, tốt nhất là nên quan sát họ ngay trong thực tế nhưng để thực hiện điều này một mình là điều không thể xảy ra. Không có cách nào khác ngoài việc mua sách vở. Tôi đã mua một số lượng sách đáng kể ở London....Toàn bộ số tiền tôi được chu cấp tại Edo đã được dùng để mua sách” [44, tr.95-96].



Toàn bộ số tiền 300 Ryo Fukuzawa đã dành mua sách ở London (trong tổng số 400 Ryo mà ông nhận được trước lúc sang châu Âu từ chính quyền Mạc Phủ, ông đã gửi 100 Ryo cho mẹ ông). Các sách mà Fukuzawa đã mua về từ London vào năm 1862:

<b>Tựa sách</b>	<b>Tác giả</b>
- <i>Commentaries on the Laws of England Hargreavesed, 1844.</i>	<b>- W. Blackstone</b>
- <i>History of Civilization in England, hai tập, 1861.</i>	<b>- H.T. Buckle</b>
- <i>Political and Social Economy.</i> - <i>Chambers's Encyclopedia, năm 1860 - 1862.</i> - <i>Moral Class-books, Advanced Reading Lessons.</i> - <i>Information for the People, hai tập, 1857 - 1858.</i> - <i>Political Economy for Use in School and for Private Instruction</i>	<b>- J.H. Burton W. and R. Chambers</b>
- <i>Outlines of Social Economy, 1860.</i> - <i>Encyclopedia Britiannica, tái bản lần thứ tám, gồm 21 quyển và Phụ lục (1853-1861).</i>	<b>W. Ellis</b>
- <i>History of the Origin of Representative Government in Europe, 1852.</i> - <i>General History of Civilization in Europe, ba quyển, 1856.</i>	<b>F.P.G Guizot</b>
- <i>The Principles of Political Economy, 1849.</i> - <i>A Dictionary, Geographical, Statistical, and Historical of Various Countries, Places and Principal Natural Objects in the World, 1854.</i> - <i>A Dictionary, Practical, Theoretical, and Historical of Commerce and Commercial Navigation, ấn bản mới, 1860.</i>	<b>J.R. McCulloch</b>
- <i>An English and Japanese and Japanese and English Vocabulary, 1830.</i> - <i>English and Chinese Dictionary, hai quyển.</i>	<b>W.H. Medhurst</b>
- <i>Elements of Political Economy, ấn bản mới, 1859.</i> - <i>Elements of Moral Science, 1860.</i>	<b>F. Wayland</b>

Nguồn: [44, tr.100-101].

Như vậy, sau gần một năm khám phá châu Âu tuy không đạt được những kết quả đàm phán, song đã dạy cho Fukuzawa nhiều điều về sự vượt trội của các ngành khoa học, công nghiệp, thương mại và chính trị phương Tây. Ông thấy rằng, Nhật Bản còn yếu so với phương Tây trong nhiều mặt. Vì vậy, khi kết thúc lá thư ông viết từ London cho viên chức cấp cao của lãnh địa Nakatsu, ông viết thật cần thiết phải: “fukoku kyohei” (phú quốc cường binh), về sau trở thành khẩu hiệu nổi tiếng trong thời Minh Trị. Hướng tới mục đích này, Fukuzawa đã bước vào một chiến dịch viết sách khi trở về Nhật Bản. Và những quyển sách mà Fukuzawa mua từ London thật trở nên hữu ích đối với ông.

#### **1.3.4. Sang Mỹ lần thứ hai (1867)**

Dưới áp lực của lực lượng bên trong là những thế lực hùng mạnh ở miền Tây - Nam Nhật Bản nổi bật là hai han Choshu và Satsuma và thế lực bên ngoài là các cường quốc phương Tây, nên những người lãnh đạo trong chính quyền Mạc phủ chủ trương cần phải xây dựng một lực lượng hải quân hùng mạnh, nhằm đối phó lại các thế lực này.

Tháng 10 năm 1862, chính quyền Mạc phủ đã đặt đóng tàu chiến từ lãnh sự Mỹ ở Nhật thông qua công sứ Robert Hewson Pryun. Sau nhiều lần giao tiền cho Pryun với số tiền lên đến 80 vạn đôla để mua hai chiếc tàu chiến. Thế nhưng sau đó, do Mạc phủ rơi vào hỗn loạn và phía Mỹ cũng xảy ra nội chiến, còn Pryun cũng trở về Mỹ từ năm 1865, nên từ đó giữa hai bên không có thông tin qua lại, 40 vạn đôla vẫn còn nằm bên Mỹ. Vì vậy, Mạc phủ quyết định cử một đoàn sang Mỹ nhận tàu và mua thêm súng. Ông Ono Yugoro – người giữ chức phó trong Bộ phận tài chính của Mạc phủ được cử làm trưởng đoàn. Fukuzawa được tháp tùng lên đường sang Mỹ [2, tr.235-246].

Đoàn khởi hành vào tháng Giêng năm 1867. Đây cũng là năm đầu tiên tàu chở bưu phẩm giữa Nhật và Mỹ qua biển Thái Bình Dương được khai thông, con tàu cập cảng Nhật đầu tiên là Colorado, con tàu tải trọng 4.000 tấn. Do đó đoàn đã lên con tàu này sang Mỹ. Chỉ trong 22 ngày họ đến San Francisco, sau đó đến Washington. Đến đây phía Nhật nhận thêm con tàu có vỏ bọc bằng sắt mang tên Stone wall. Ngoài ra, đoàn còn mua thêm hàng ngàn khẩu súng tiểu liên.

Trong suốt cuộc hành trình, Fukuzawa đã phát sinh nhiều vấn đề không hài lòng với cấp trên của mình. Mặc dù phục vụ cho Mạc phủ, nhưng ông không có sự đồng cảm với chính quyền và xem chính sách bế quan tỏa cảng và chế độ đẳng cấp là kẻ thù của mình. Trong một lần ông cùng với bạn bè uống rượu vừa bàn tán về chế độ Mạc phủ, Fukurawa

cho rằng ngày tàn Mạc phủ không còn xa nữa. Nhiều người nghe Fukuzawa lập luận như thế cũng ra chiều đồng ý, họ gật gù bảo “đúng thế”.

Câu chuyện này đã đến tai những quan chức sứ đoàn, nên khi trở về Nhật ông đã bị nhắc nhở và bị giam lỏng ở nhà: Fukuzawa có thể đi ra ngoài, chỉ cần ông không đến sờ làm việc là được. Hình phạt nhẹ nhàng này làm ông cảm thấy rất thoải mái, vì có thời gian rảnh rỗi hơn.

#### **1.4. Vương chính phục cổ - duy tân**

##### **1.4.1. Sự sụp đổ của chính quyền Mạc phủ**

Việc Mạc phủ ký Hiệp ước bất bình đẳng với Mỹ và các nước phương Tây khác vào năm 1858 mà không có sự chấp thuận của Thiên Hoàng đã gây bất mãn trong dân chúng. Còn phe đối lập ngày càng lên tiếng chống đối, họ tập hợp lực lượng và đưa ra khẩu hiệu “Sono Joi” (Tôn Vương nhưong Di - Tôn Vương tức ủng hộ Thiên Hoàng; nhưong Di nghĩa là đánh đuổi phương Tây). Lực lượng này là những người xuất thân từ giai cấp võ sĩ cấp thấp, phần lớn từ các han ở Tây – Nam như: Mito, Choshu, Satsuma, Tosa. Đặc biệt là hai chi tộc chống đối chính quyền mạnh mẽ là Choshu và Satsuma. Họ thường được gọi chung là shishi (chí sĩ), tức những người có chí khí, sống chết cho lý tưởng. Họ tôn sùng Thiên Hoàng, chống phương Tây và ngày càng có khuynh hướng chống Mạc phủ [1, tr.39] [47, tr.95-98].

Để xoa dịu tình hình căng thẳng ngày càng gia tăng, chính quyền Mạc phủ đi đến thoả thuận liên kết với Thiên Hoàng bằng chủ trương Kobugattai (công – vũ hợp thể) tức là liên hiệp giữa triều đình với Mạc phủ. Tuy nhiên, chủ trương này lại bị các “chí sĩ” chống đối kịch liệt, đặc biệt là ở han Chosu. Vì vậy, Mạc phủ đành nhượng bộ.

Hành động đầu tiên mà Mạc phủ thực hiện chủ trương “chống phương Tây” là vào tháng 7-1863, đã trao cho đại diện nước ngoài tại Nhật Bản công hàm về việc đóng cửa các cảng của Nhật. Các han Choshu, Satsuma đã dựa vào đó để bắt đầu tấn công người nước ngoài. Cùng với việc phải thủ tiêu chế độ Sankinkotai, việc nhượng bộ lực lượng shishi cho thấy Mạc phủ đã không còn đủ uy tín và sức mạnh để giữ gìn thể chế của mình.

Sau khi đạt được sự nhất trí, các han Tây – Nam đã tấn công vào các tàu thuyền của người nước ngoài đi qua eo biển Shimoioseki. Mặc dù lực lượng hùng hậu, nhưng chênh lệch về vũ khí nên trong cuộc chiến với các tàu thuyền của phương Tây, các han Tây – Nam đành chấp nhận thất bại. Ngay lập tức họ nhận ra chủ trương “chống phương Tây” không phải là việc dễ dàng, nên đã thay đổi lập trường quay sang học tập phương Tây. Đây là một

bước ngoặt quan trọng có ảnh hưởng to lớn đến lịch sử cận đại Nhật Bản, khi các han đã chủ động học tập văn minh phương Tây, xây dựng lực lượng vững mạnh ngày càng đe dọa quyền lực của chính quyền Tokugawa.

Khi Satsuma liên minh với Choshu với khẩu hiệu “Sono Tobaku” (Tôn Vương đảo Mạc), với quân đội mạnh gồm dân binh (chủ yếu là nông dân) trang bị vũ khí phương Tây, đã đánh bại lực lượng Mạc phủ. Nó báo hiệu ngày tàn của chế độ này đã không còn xa nữa. Mặt khác, với lực lượng nòng cốt của quân đội này là nông dân, cho thấy giai cấp võ sĩ không còn là lực lượng quân sự hùng mạnh.

Chính thời điểm nhạy cảm này, ở Kyoto, Thiên Hoàng Komei, người có thái độ thân thiện với Mạc phủ đột ngột qua đời (1-1867), chính quyền Mạc phủ đã mất đi một điểm tựa quan trọng. Người kế vị Thiên Hoàng Komei là Thái tử Mutsuhito mới 15 tuổi, chính thức lên ngôi là ngày 3-2-1867. Thái tử Mutsuhito lại là người ủng hộ các han ở Tây – Nam - chủ yếu là hai han Choshu và Satsuma.

Đến ngày 9-11-1867, triều đình ra chiếu bí mật cho phép hai han này dùng vũ lực lật đổ Mạc phủ. Mặc dù Tướng quân Keiki đã xin trả lại quyền lực cho Thiên Hoàng cùng ngày hôm đó, nhưng han Choshu và Satsuma vẫn muốn lật đổ hoàn toàn dòng họ Tokugawa về mặt chính trị cũng như kinh tế. Roi vào đường cùng buộc Tướng quân Keiki và thuộc hạ phải dùng vũ lực chống lại. Vào tháng 01-1868, quân đội hùng mạnh của han Choshu và Satsuma được trang bị bằng vũ khí phương Tây đã giành thắng lợi quyết định trước quân đội của Mạc phủ ở trận Toba – Fushimi. Tướng quân Keiki bị tước bỏ đất đai và chức vụ, quyền hành được trao trả lại cho Thiên Hoàng. Chế độ Mạc phủ kéo dài từ năm 1603 đến 1868 của dòng họ Tokugawa chính thức chấm dứt.

Như vậy, sau hơn 200 năm đóng cửa tự cô lập mình và kể từ khi quyết định chọn con đường mở cửa, chính quyền Mạc phủ đã phải đối mặt với nhiều khó khăn mới nảy sinh, đặc biệt là sự chống đối của phe đối lập. Chính quyền Mạc phủ đã tỏ ra không còn phù hợp, mất năng lực lãnh đạo và cuối cùng chế độ Mạc phủ – giai đoạn phát triển cao nhất của chế độ phong kiến Nhật Bản – đi đến cáo chung, mở đường cho Nhật Bản phát triển sang hình thái kinh tế – xã hội mới: tư bản chủ nghĩa [28, tr.50].

#### **1.4.2. Sự ra đời của chính quyền Minh Trị**

Chính quyền Mạc phủ sụp đổ, sự nghiệp “Vương chính phục cổ” đã hoàn thành. Thái tử Mutsuhito lên ngôi, thiết lập nên chính quyền Minh Trị nổi tiếng, lịch sử Nhật Bản bắt đầu sang trang – thời kỳ “Vương chính duy tân” bắt đầu.

Thời đại Minh Trị, với những cải cách sâu rộng, đã đưa Nhật Bản từ một nước phong kiến thành một quốc gia tiên tiến. Tuy vậy, điểm xuất phát của chính quyền mới của những nhà lãnh đạo trẻ gặp không ít những khó khăn. Về phương diện khoa học kỹ thuật, Nhật Bản đi chậm hơn phương Tây khoảng 200 năm. Thêm vào đó là các hiệp ước bất bình đẳng đã ký kết với phương Tây để lại mối lo: các mặt hàng công nghiệp của phương Tây tràn lan do thuế nhập khẩu thấp sẽ tiêu diệt nền kinh tế trong nước. Vì vậy, hai mục tiêu quan trọng của chính quyền Minh Trị là độc lập quốc gia và từng bước tiến lên bình đẳng với các nước phương Tây với phương châm Fukoku kyohei (phú quốc cường binh), như Fukuzawa từng chủ trương .

Để đạt được hai mục tiêu đó, những nhà lãnh đạo trẻ trong chính quyền nhận thấy rằng người Nhật không thể dùng sức mạnh hiện tại để chống lại phương Tây. Do đó, để giữ gìn độc lập quốc gia tốt nhất là tiếp thu văn minh phương Tây để làm giàu cho đất nước tiến tới xóa bỏ các hiệp ước bất bình đẳng mà Nhật Bản đã ký kết. Phương châm của họ là học tập phương Tây, bắt kịp phương Tây, vượt qua phương Tây. Quyết tâm này được thể hiện trong đường lối căn bản của chính quyền mới qua lời thề thứ năm của Thiên Hoàng Minh Trị trước toàn dân: “phải tiếp thu tri thức của thế giới để xây dựng sự hùng mạnh của đất nước”.

Đúng như lời của Fukuzawa đã cảnh báo trước đó, một chính quyền cổ hủ, lạc hậu cùng với chính sách “tỏa quốc”, thì việc lật đổ Mạc phủ sẽ sớm xảy ra. Fukuzawa là người Nhật Bản duy nhất thời Mạc phủ đã có ba chuyến đi sang các nước phương Tây, thấy rõ thành tựu rực rỡ của nền văn minh phương Tây, do đó ông chủ trương Nhật Bản cần nhanh chóng tiếp thu tinh hoa văn minh của thế giới để Nhật Bản trở thành một cường quốc. Chủ trương của ông rất phù hợp với các quan điểm của các nhà lãnh đạo trong chính quyền mới, đó cũng là điều kiện thuận lợi để ông có thể truyền bá văn minh của thế giới vào đất nước mình. Fukuzawa trở thành một chiếc cầu nối giữa văn minh phương Tây với Nhật Bản, sự phát triển vượt bậc của Nhật Bản ở giai đoạn cận đại gắn liền với nhiều tên tuổi lớn, trong đó tên tuổi Fukuzawa Yukichi là nổi trội.

## CHƯƠNG 2

### FUKUZAWA YUKICHI - NHÀ TRUYỀN BÁ TƯ TƯỞNG

#### KHAI SÁNG VĂN MINH Ở NHẬT BẢN

##### 2.1. Fukuzawa Yukichi - Chiếc cầu nối văn minh phương Tây với Nhật Bản

###### 2.1.1. Đưa ánh sáng văn minh phương Tây đến với người dân Nhật Bản

Trong những chuyến sang phương Tây, Fukuzawa đã chứng kiến những thành tựu văn minh rực rỡ của các quốc gia phát triển, từ đó đã mở ra những nhận thức mới về thế giới và làm ông ý thức rõ hơn vị trí của Nhật Bản trên trường quốc tế. Có thể nói những chuyến đi sang các nước phương Tây là bước ngoặt mang tính quyết định vai trò của Fukuzawa Yukichi đối với lịch sử Nhật Bản trong thời kỳ chuyển mình từ cuối thời Mạc phủ sang thời kỳ Minh Trị.

Fukuzawa đã chứng kiến những bất công trong đời sống của chế độ phong kiến và vị thế yếu kém của nước Nhật trước các thế lực phương Tây nên trong ông lúc nào cũng mang một hoài bão lớn lao muốn được làm điều gì đó cho đất nước, như trong *Tự truyện* ông nói: “Làm cho nước Nhật trở nên giàu mạnh là bản nguyện của tôi” [2, tr .422].

Sớm tiếp xúc văn minh phương Tây ông đã tiếp thu nó một cách mãnh liệt nhưng có chọn lọc, không sùng bái và tôn thờ một cách mù quáng. Fukuzawa đã thử so sánh trình độ văn minh của nước Nhật với các nước phương Tây thì “mình mới được một bước thì người ta đã nhảy ba bước”, mặc dù “trình độ của nền văn minh hiện có ở nước ta là kết quả của bao đời ông cha chúng ta tự lực làm nên” [3, tr.82]. Góp sức mình vào sự nghiệp cận đại hóa đất nước, Fukuzawa đã dành hơn nửa đời còn lại để làm chiếc cầu nối truyền bá văn minh phương Tây vào Nhật Bản, cống hiến sự nghiệp phát triển đất nước. Mặc dù Fukuzawa không phải là nhà lãnh đạo trong chính quyền Minh Trị, song, ông lại có vai trò lớn trong việc vạch ra hướng cải cách và những việc cụ thể cần làm để có thể đổi mới đất nước.

Sau khi qua Mỹ và châu Âu, trở về Nhật Bản Fukuzawa được chính phủ mời vào làm việc, nhưng ông đã từ chối. Bởi ông muốn đứng bên ngoài các thế lực chính trị để dễ dàng thực hiện các ý tưởng của mình. Dựa trên cơ sở những điều “mắt thấy tai nghe” khi đi qua các nước Mỹ, Anh, Pháp, Đức... Fukuzawa đã viết nên cuốn *Seiyo Jijo (Tây dương sự tình)* trình bày những điều mới lạ về kinh tế, văn hóa, giáo dục, quân sự... của văn minh phương Tây. Seiyo Jijo được viết từ năm 1866 đến năm 1870, gồm 10 tập. Trong đó quyển 1 có ba tập xuất bản năm 1867 (có tất cả 108 trang); quyển 2 gồm bốn tập xuất bản năm 1870 (có

126 trang); ngoài ra còn có quyển bổ sung gồm ba tập xuất bản 1868 sau chuyến viếng thăm Mỹ lần hai (có 100 trang) xen giữa quyển 1 và quyển 2.

Ngay trong quyển 1, Fukuzawa đã giới thiệu về các tổ chức ở phương Tây và những chủ đề khác như: chính trị, thuế, trái phiếu quốc gia, tiền giấy, công ty thương mại, ngành ngoại giao, quân sự, hội họa, trường học, báo chí, thư viện, bệnh viện, nhà tế bần, viện bảo tàng, triển lãm, máy hơi nước, tàu hơi nước, đầu máy xe lửa hơi nước, điện tín và cột đèn thấp sáng bằng gas...

Ngoài ra ông còn đề cập đến bốn lĩnh vực quan trọng về các nước phương Tây: *lịch sử, chính trị, quân sự, tài chính công*. Giải thích lý do vì sao ông xem xét các lĩnh vực này:

“Lịch sử, khám phá quá trình phát triển sức mạnh của các nước này; chính trị, làm rõ những ưu khuyết điểm trong hệ thống chính trị của họ; quân sự, giải thích điểm mạnh và điểm yếu; tài chính công, cho thấy sự giàu có và nghèo khó của những chính quyền này. Nếu bốn lĩnh vực này được giải thích rõ ràng cho người Nhật Bản, chúng ta sẽ hiểu rõ về tình hình các nước và có thể quyết định đâu là bạn hay đâu là thù. Nếu một đất nước được xem là bạn, chúng ta phải xử trí với họ theo cách văn minh và nếu một nước bị xem là thù, chúng ta sẽ đối xử với họ thông qua chiến lược quân sự. Vì vậy, gần như không có sai sót, chúng ta có thể sử dụng cả cách văn minh và chiến lược quân sự” [44, tr.126-127].

Đây chính là mục đích của tác giả khi viết sách này. Phần luật và kinh tế cũng được Fukuzawa viết và đưa vào ở quyển 2.

Trong bối cảnh xã hội Nhật Bản cuối thời Tokugawa, chỉ trong năm đầu tác phẩm trên được phát hành với số lượng lên tới 25 vạn bản, đã cuốn hút sự chú ý của độc giả và gây ảnh hưởng to lớn, nó truyền bá rộng rãi tư tưởng văn minh khai hóa cho dân chúng đương thời. Sở dĩ như vậy là vì, từ thế kỷ XVIII trong khi nhiều nước phương Tây đã phát triển nhanh trên con đường tư bản chủ nghĩa thì ở Nhật Bản nền kinh tế phong kiến lạc hậu vẫn chiếm địa vị thống trị và hoàn toàn cô lập với thế giới bên ngoài, điều đó đã làm cho Nhật Bản lạc hậu so với phương Tây. Chỉ sau khi Minh Trị lên ngôi thì Nhật Bản mới bắt đầu mở cửa, đổi mới đất nước với mục tiêu hàng đầu là tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại đất nước. Để đạt được mục tiêu này, chính phủ Minh Trị đề ra chủ trương học tập phương Tây về khoa học kỹ thuật, về kinh nghiệm để xây dựng một nhà nước văn minh hiện đại. Với chủ trương như vậy thì bộ sách *Tây dương sự tình* của Fukuzawa là một tài liệu tham khảo quý.

Thật vậy, quyển sách này rất thú vị và thuyết phục người đọc, họ có những thông tin cần thiết cho những hoạch định của họ về việc xây dựng một nền văn minh... Đây là một quyển sách cần thiết cho mọi người, là người đang cầm quyền hay thường dân, là những người ủng hộ cho nền văn minh phương Tây và sự mở cửa của đất nước. Nó đóng vai trò là người hướng dẫn cho một xã hội chưa được giáo dục [44, tr.134].

### **2.1.2. Chủ trương văn minh hóa đất nước**

Từ việc giới thiệu cho công chúng Nhật Bản về thành tựu nền văn minh phương Tây, Fukuzawa chủ trương văn minh hóa đất nước. Vì rằng: “Lý do duy nhất để Nhật Bản tiến lên văn minh là để bảo vệ độc lập dân tộc quốc gia. Độc lập quốc gia là mục tiêu và văn minh quốc dân là phương tiện để đạt mục tiêu đó” [72, tr.193].

Năm 1875, Fukuzawa cho xuất bản cuốn Bunmeiron no gairyaku (*Khái lược về văn minh luận*). Quan niệm về văn minh của Fukuzawa chịu ảnh hưởng của thuyết “Văn minh luận” (Theory of Civilisation) phổ biến ở châu Âu lúc bấy giờ, phản ánh qua các bộ sử Histoire de la civilisation en Europe (Lịch sử văn minh châu Âu, 3 tập; 1828) của Francois Guizot và History of Civilisation of England (Lịch sử văn minh nước Anh, 4 tập; 1851-1862) của Henry Buckle [48, tr.171].

Chịu ảnh hưởng của văn minh phương Tây, Fukuzawa cho rằng nhân loại đã trải qua ba giai đoạn khác nhau trong sự phát triển của văn minh: dã man, bán khai và văn minh [72, tr.23]. Ông nhìn nhận nền văn minh ở Nhật Bản và cả Trung Quốc vẫn còn ở giai đoạn bán khai, chưa thật sự bước vào thế giới văn minh. Ngược lại, Fukuzawa đánh giá cao nền văn minh phương Tây, coi đó là nền văn minh thực sự. Do đó, Fukuzawa lên tiếng kêu gọi nhân dân phải tích cực học tập những tinh hoa từ văn minh phương Tây, nếu muốn Nhật Bản bước lên vũ đài sánh vai cùng các cường quốc văn minh khác. Đồng thời ông khẳng định đây cũng là phương cách cách để bảo vệ độc lập dân tộc, nếu không có nền văn minh thì độc lập cũng không thể được duy trì được.

Trên thế giới hiện tại, văn minh nhân loại có thể được xếp theo hai khu vực văn minh: văn minh phương Tây và văn minh phương Đông. Mặc dù có sự cao thấp về trình độ phát triển lúc bấy giờ nhưng giữa chúng lại có những giá trị riêng. Tuy nhiên, để đánh giá văn minh chung thì phải dựa trên những “bản vị” được qui định. Theo Fukuzawa “bản vị” để đánh giá văn minh ở đây là sự tiến bộ của trí và đức. Sự tiến bộ của trí thể hiện ở sự tiến bộ của văn minh vật chất và trình độ văn hóa của dân chúng. Còn sự tiến bộ về đức biểu hiện sự phát triển tinh thần văn minh, tinh thần độc lập, tự tôn của quốc gia [30, tr.74-75].



Về trí, ông cho rằng không nên đánh giá nền văn minh của một đất nước bằng vẻ bề ngoài của nó. Công nghiệp, quân đội, hàng hải và trường học... chỉ là những hình thức bên ngoài của nền văn minh. Để tạo ra những hình thức này không khó khăn lắm, nó có thể mua được bằng tiền. Nhưng còn một bộ phận nữa là trí tuệ, thì không thể nhìn được, nghe được, mua hay bán được. Và sự ảnh hưởng của nó đối với quốc gia là rất lớn. Không có nó thì trường học, công nghiệp và khả năng quân sự không còn ý nghĩa nữa. Nó thực là giá trị quan trọng hơn cả.

Về đức, ông nói nền văn minh mà công nghiệp, trường học cũng như các hệ thống quân đội và hải quân đã được cải tổ, thúc đẩy mạnh mẽ vươn gần đến văn minh hiện đại về hình thức bên ngoài sẽ là vô ích nếu nhân dân không nuôi dưỡng đức mà theo Fukuzawa đó là tinh thần độc lập.

Như vậy, Fukuzawa chủ trương sự tiến bộ của trí và đức là tiêu chuẩn để đánh giá nền văn minh của một nước. Một nền văn minh hiện đại thì không thể thiếu một trong hai giá trị trên. Một nước được xem là văn minh thì trí và đức đều được phát triển. Xét trên cả hai mặt đó thì Nhật Bản chưa đạt đến văn minh nên Nhật Bản cần phải học tập văn minh phương Tây.

Trong văn minh, theo Fukuzawa nó được cấu thành bởi hai yếu tố: văn minh vật chất (ngoại hình văn minh) và văn minh tinh thần. Có thể nói so với các nước tiên bộ Âu, Mỹ thì văn minh vật chất của Nhật Bản còn thua kém nhiều. Do đó, Nhật Bản cần phải tích cực học tập những cái hay, cái lạ ở văn minh phương Tây. Cần thiết học tập phương Tây, nhưng Fukuzawa chủ trương phải nắm bắt cho được tinh thần văn minh trong lâu đài văn minh phương Tây để xây dựng văn minh Nhật Bản. Điều này rất khác với một số nhà lý luận nghiên cứu về văn minh chỉ thấy được văn minh vật chất nên dễ rơi vào chủ nghĩa sùng bái văn minh phương Tây. Fukuzawa lý giải thêm, văn minh vật chất của Nhật Bản thua kém phương Tây lúc bấy giờ: “Càng ngắm càng thấy phương Tây hơn hẳn chúng ta về mọi mặt. Mà cũng phải thôi. Nước Nhật Bản theo đuổi chính sách đóng cửa “bế quan tỏa cảng” cả mấy trăm năm, mới mở cửa được vài năm nay. Mọi giao thương với các quốc gia văn minh Tây phương lại phát triển quá nhanh, không sao theo kịp. Vì vậy, chúng ta đang ở trong tình trạng giống như lửa gặp nước, làm cái gì cũng chưa được” [3, tr.153].

Và vì thế khi nhìn vào văn minh vật chất, ở Nhật Bản có nhiều khoảng trống. Ấn ý của Fukuzawa ở đây muốn nói đến là tinh thần văn minh, tức những tri thức và trí tuệ. Để làm cân đối mối quan hệ giữa văn minh vật chất và văn minh tinh thần thì Nhật Bản phải

mời giáo viên nước ngoài, mua sách vở để nhằm bổ sung cho Nhật Bản những kiến thức cốt lõi về văn minh phương Tây, trên cơ sở hòa hợp tinh thần phương Tây và tinh thần Nhật Bản. Ông khẳng định chính điều này sẽ là phương pháp làm Nhật Bản độc lập được với phương Tây trong tương lai. Vấn đề chỉ còn là thời gian và kêu gọi hãy chờ đợi cho đến lúc các học giả đạt đến đỉnh điểm mà họ có thể đáp ứng mọi nhu cầu của Nhật Bản. Thực tế, chúng ta thấy Fukuzawa đã cho nhập về Nhật hàng loạt sách có giá trị

Nói về văn minh, Fukuzawa cho rằng văn minh Nhật Bản và văn minh Trung Quốc đều xuất phát từ một kiểu văn minh phương Đông, tuy nhiên giữa hai nền văn minh này lại có những điều khác nhau căn bản. Cụ thể trong tác phẩm “*Khái lược về văn minh luận*” ở chương hai ông viết: ở Trung Quốc từ thời Tần Thủy Hoàng đến nay (thời cận đại) thì Hoàng đế vừa là “đấng chí tôn” lại vừa là “đấng chí cường”, tức là người được kính nể nhất, tôn trọng nhất; đồng thời cũng là người nắm trong tay quyền lực nhất. Do đó mà nảy sinh tư tưởng chuyên chế, cho nên trong tư tưởng của người Trung Quốc họ chỉ thừa nhận khái niệm “nhất nguyên tổ”. Điều này hoàn toàn khác so với Nhật Bản. Ở Nhật Bản sau khi chính quyền vũ sĩ được thành lập từ đầu thời Kamakura (1185) trở đi thì “đấng chí tôn” là Thiên Hoàng (còn gọi **Tenno**, nghĩa là người có chủ quyền trên trời) không nhất thiết là đấng chí cường; còn “đấng chí cường” lại là Tướng quân (Shogun) không nhất thiết là đấng chí tôn. Chính từ sự phân chia quyền lực này, mặc dù quyền lực của Thiên Hoàng chỉ là hình thức nhưng vẫn được người dân trong nước tôn trọng, nên trong suy nghĩ của người Nhật luôn luôn có “hai khái niệm” cùng tồn tại. Theo Fukuzawa, một khi người Nhật đã chấp nhận hai khái niệm thì đương nhiên họ sẽ chấp nhận một giá trị thứ ba, đó là nguyên tắc của lý trí và khi không có một khái niệm đơn độc nào chiếm địa vị độc tôn thì tự nhiên sẽ nảy nở tinh thần tự do. Dựa trên sự phân tích đó, Fukuzawa đi đến kết luận rằng, Trung Quốc lục địa sẽ gặp nhiều khó khăn hơn Nhật Bản trong việc tiếp thu cái mới từ văn minh phương Tây. Xuất phát từ quan điểm như vậy nên Fukuzawa lên tiếng kêu gọi mọi người dân Nhật Bản nhanh chóng tiếp thu và học tập văn minh phương Tây để làm cơ sở tiên hành cận đại hóa đất nước [72, tr.17-43].

Fukuzawa đánh giá rất cao nền văn minh phương Tây, ông cho rằng vào thời điểm đó đất nước Nhật Bản hay đất nước nào đó được coi là văn minh thì phải đạt đến trình độ của văn minh phương Tây, đó là thước đo căn bản nhất bấy giờ. Tuy vậy, không được coi văn minh phương Tây là tuyệt đỉnh, là hoàn hảo “chúng ta ra sức học tập họ, nhưng không nên quá sùng bái, tôn thờ họ”. Ông còn cho rằng “phương Đông và phương Tây có những tục lệ

và nhất là những tình cảm rất khác nhau. Có nhiều trường hợp đánh giá giữa hai quốc gia về cái tốt và cái xấu là hoàn toàn trái ngược nhau. Ngay cả khi có những định kiến giống nhau về một vấn đề nào đó cũng có chút ít khác biệt và không thể hoán đổi hoàn toàn. Chúng ta không thể khẳng định tập quán của nước nào là đúng, tập quán của nước nào là sai, chúng ta chỉ có thể đánh giá về việc chấp nhận hoặc chối bỏ những tập quán này khi đã biết rõ bản chất của chúng. Tất cả các nền văn minh đều phải được sự kiểm nghiệm của lịch sử. Xét về văn minh các quốc gia chỉ cách nhau một vài bước mà thôi” [6, tr.32].

Fukuzawa khuyến khích kêu gọi Nhật Bản hãy dẹp bỏ mọi tự ti và mặc cảm thua kém, nuôi dưỡng và phát triển trí và đức để theo kịp văn minh phương Tây. Nhật Bản không ngại ngừng gì trong việc thừa nhận sự thua kém “vài bước” của mình so với văn minh phương Tây mà ra sức học tập văn minh phương Tây để đạt đến văn minh.

Ông còn phê phán nghiêm khắc đối với những ai sùng bái quá mức văn minh phương Tây và nghi ngờ văn minh phương Đông. Ông kêu gọi nhân dân hãy tiếp thu văn minh phương Tây nhưng phải có chọn lọc. Ông còn cho rằng, so với Nhật Bản thì nền văn minh phương Tây ưu việt hơn nhiều, song hoàn toàn không phải là đã hoàn thiện. Phong cách và tập quán phương Tây không phải tất cả đều tốt đẹp và đáng tin cũng như các tập quán của Nhật Bản đều là không tốt và đáng ngờ vực. Fukuzawa từng nói: “Văn minh phương Tây đúng là hơn hẳn chúng ta, nhưng không có nghĩa là cái gì của nó cũng hoàn hảo cả. Văn minh phương Tây cũng đầy rẫy khiếm khuyết. Phong tục phương Tây không phải thứ gì cũng hay ho. Ngược lại, phong tục Nhật Bản không phải cái gì cũng kém cỏi, cổ hủ” [3, tr.212].

Điều này đã được Fukuzawa thể hiện rất rõ qua con người ông, nhất là trong cách ăn mặc. Dù ông là người cổ xúy nhân dân Nhật Bản học tập theo phương Tây nhưng bản thân ông không bao giờ từ bỏ chiếc áo kimono truyền thống, thật hiếm hoi khi chúng ta thấy ông khoác lên mình bộ véc-ton phương Tây.

Ngoài ra, để phổ biến những tư tưởng văn minh đến với dân chúng cũng như đả phá những quan niệm, tập quán phong kiến lỗi thời, Fukuzawa cùng với một số trí thức Tây học khác lập ra nhóm Meirokusha (nhóm Minh lục xã, bởi lẽ việc thành lập hội được thảo luận vào năm thứ 6 thời Minh Trị (1873); “Minh” là Minh Trị, “lục” là 6, và “xã” là hội). Tôn chỉ của hội được tóm tắt như sau: “Nhằm xúc tiến giáo dục trong nước, nhóm hữu chí chúng tôi thương nghị về các biện pháp, hội họp các người đồng chí để trao đổi ý kiến, mở mang kiến thức” [49].

Hội viên của nhóm Meirokusha thoát đầu có 10 người, họ từ những danh sĩ của nhiều ngành khác nhau. Ngoài Fukuzawa có thể kể đến: Mori Arinori (1848-1889), Nishimura Shigeki (1828-1902), Katô Hiroyuki (1836-1916), Mitsukuri Rinshô (1846-1897), Mitsukuri Shuhei (1825-1886), Nakamura Masanao (1832-1891), Nishi Amane (1829-1897), Sugi Kôji (1828-1919) và Tsuda Mamichi (Shindô) (1828-1903). Số hội viên sau đó tăng lên 30 người: thêm 5 hội viên chính thức, 5 hội viên thông tin và 10 hội viên đặc biệt gồm những người đang cư trú ở nước ngoài và các hội viên danh dự. Một điểm chung giữa tất cả họ là đều có nguồn gốc từ samurai, học Hán học từ nhỏ và tiếp thu Tây học.

Công việc chính của hội chính là biên soạn, dịch thuật các sách vở phương Tây, tổ chức diễn thuyết, nghiên cứu và cho xuất bản tập san Meiroku Zasshi (Minh lục Tạp chí) để làm diễn đàn phổ biến và tranh luận về nhiều vấn đề của xã hội: chính trị, giáo dục, tôn giáo, kinh tế, pháp luật, vai trò phụ nữ, phong tục...

Hội trí thức Meirokusha có nhiều đóng góp quan trọng, tiến bộ đối với xã hội Nhật Bản thông qua những tác phẩm của họ, như: Nakamura Masanao dịch cuốn Self-help (lấy đề tài là Saikoku risshihen: Tây quốc lập chí biên) của Samuel Smiles và cuốn On Liberty (lấy đề tài là Jiyu no ri: Tự do chí lý) của John Stuart Mill; Katô Hiroyuki viết hai cuốn Shinsei taii (Chân chính đại ý) và Kokutai shinron (Quốc thể tân luận) để giới thiệu thuyết thiên phú nhân quyền của Rousseau, Voltaire và Montesquieu; Nishi Amane – người đã đặt ra từ “tetsugaku” (triết học) – giới thiệu chủ nghĩa công lợi và chủ nghĩa thực chứng; Tsuda Mamichi sau khi du học ở Hà Lan về đã dịch những bài giảng của giáo sư Lissering thành cuốn Taisei kokuhoron (Thái tây quốc pháp luận); Sugi Koji là người đi tiên phong của ngành thống kê; Mitsukuri Rinsho là người sáng lập ra ngành nghiên cứu luật pháp Nhật Bản; hay như Fukuzawa đã dịch và biên soạn nhiều tác phẩm để phổ biến cho dân chúng Nhật Bản như đã trình bày.

Sự đóng góp lớn cho xã hội bằng những tư tưởng của mình thông qua những tác phẩm có giá trị nên khi Tokyo Gakushi In (Đông kinh học sĩ viện, tiền thân của Hàn lâm viện Nhật Bản ngày nay) được thành lập vào năm 1879 thì hầu hết hội viên trong Meirokusha được mời vào làm việc, Fukuzawa được bầu làm Viện trưởng.

## **2.2. Khuyến học**

### **2.2.1. Khuyến khích toàn dân học tập**

Fukuzawa rất quyết tâm xóa bỏ chế độ phong kiến và chủ trương canh tân hóa đất nước, học tập phương Tây. Để Nhật Bản có thể đuổi kịp và vượt phương Tây, thoát khỏi

tình trạng lạc hậu, theo Fukuzawa công cuộc cải cách thành công và đưa đất nước tiến lên nhanh chóng cần phải nâng cao trình độ học vấn quốc gia, phát triển nền giáo dục trong nước. Bởi vì để tiếp thu khoa học kỹ thuật tiên tiến của phương Tây nhất thiết phải có trình độ học vấn cao, Nhật Bản không thể đổi mới và phát triển được nếu như người dân Nhật Bản có trình độ học vấn kém và do đó mà cũng khó giữ được nền độc lập đất nước [36, tr.41].

Vì vậy mà sau khi từ nước ngoài trở về, Fukuzawa đã bắt tay ngay vào việc giáo dục cho toàn dân Nhật Bản. Công việc đầu tiên là nâng cấp trường dạy Rangaku (Lan học) của mình lên thành trường trung học Keio Gijuku.

Như đã đề cập ở chương một, sau khi Fukuzawa được mời lên Edo, ông bắt đầu hoạt động giảng dạy của mình vào mùa đông năm 1858 để dạy tiếng Hà Lan. Năm 1860, khi trở về từ Mỹ, ông đã thay việc dạy tiếng Hà Lan bằng tiếng Anh. “Sau khi trở về Nhật, tôi vẫn cố gắng đọc sách vở tiếng Anh. Ngay cả khi dạy học trò, tôi cũng không dạy tiếng Hà Lan nữa, mà chuyển hẳn sang tiếng Anh”. Do đó, số sinh viên của trường cũng tăng lên nhanh chóng từ bốn mươi, năm mươi đến năm 1867 số lượng đã tăng lên tám mươi [69, tr.70].

Đây là giai đoạn nhạy cảm của chính trị Nhật Bản, phong trào trục xuất người phương Tây ngày càng dâng cao và đã lan rộng trên toàn nước Nhật, do đó những người theo trường phái Tây học như Fukuzawa có nguy cơ bị ám sát bất cứ lúc nào. Tuy nhiên, Fukuzawa vẫn tiếp tục dạy học với thái độ trầm tĩnh.

Vào năm 1868, Fukuzawa chuyển đến ở khu Shinsenza và bắt tay ngay vào việc xây nhà ngay giữa lúc bạo loạn, mặc dù bạn bè ông can ngăn nhưng ông vẫn quyết tâm hoàn thành. Trường học của ông trở nên nhộn nhịp đông vui trở lại, lý do trong lần đi Mỹ lần hai (1867) ông đã mua khá nhiều sách đủ mọi lĩnh vực mang về nước. Ông viết trong *Tự truyện*: “Những cuốn như đại từ điển, trung từ điển, sách về địa lý, sách về lịch sử...Ngoài ra, còn có những cuốn sách đầu tiên được mang về Nhật như sách về pháp luật, kinh tế, toán học. Việc mấy chục học trò, mỗi người có một bản sao là phương tiện vô giá trong học tập” [2, tr.274].

Ngôi trường của Fukuzawa được đặt tên là Keio Gijuku. Giải thích về điều này, ông viết: “Tôi chuyển trường từ Teppozu đến Shinsenza vào năm Minh Trị thứ nhất, hay còn gọi là năm Keio thứ tư (1868). Vì trường có trước cuộc Minh Trị Duy tân, nên tôi lấy niên hiệu để đặt tên cho trường thành Keio-Gijuku (Khánh Ứng Nghĩa thực) [2, tr.284]. “Keio” (Khánh Ứng) là để ghi nhớ triều đại trước Minh Trị. Còn “Gijuku” (Nghĩa thực) vốn tự từ

nước Anh là “Public school” do Fukuzawa tạo ra. Theo ông, tinh thần “Public school” gồm bốn tính chất quan trọng, sẽ góp phần làm rạng danh cho người Nhật, đó là tính tự cường, ý chí độc lập, óc tháo vát và lòng tự nguyện đóng góp vào các việc công thiện [59, tr.41].

Tại ngôi trường mới này Fukuzawa bắt đầu áp dụng chế độ thu học phí. Do đó, hàng tháng mỗi học sinh nộp 2 Bu tiền vàng để các học sinh lớp trên dạy các học sinh lớp dưới. Quy định này được đưa ra làm cho khá nhiều người ngạc nhiên, nhưng sau đó nó trở thành cách làm chung trên toàn nước Nhật.

Bạo loạn vẫn đang diễn ra âm ỉ ở bên ngoài nhưng ngôi trường của Fukuzawa vẫn hoạt động bình thường. Chiến sự xảy ra ở Ueno vào tháng 5 năm 1868 chỉ cách khu Shinsenza vài kilômet, ông vẫn trầm tĩnh giảng dạy về kinh tế qua cuốn sách tiếng Anh cho các sinh viên. “Xung quanh súng nổ âm ỉ và thấy cả khói tỏa đến làm các học trò thích thú, leo cầu thang lên mái nhà xem. Chiến sự kéo dài suốt từ trưa đến tối, nhưng không ảnh hưởng gì đến trường, nên tôi cũng không lo sợ gì cả” [2, tr.287].

Trong lúc các trường học của Mạc phủ bị xóa bỏ, còn chính quyền mới chưa thật sự quan tâm đến việc xây trường học mới, thì vào thời điểm này, ngôi trường của Fukuzawa là ngôi trường duy nhất trên cả nước Nhật giảng dạy về phương Tây học. Cho nên dù thời tao loạn, ông vẫn nói khẳng khái với học trò của mình dù bên ngoài có thay đổi, có biến động thế nào thì trường vẫn vững vàng duy trì ngành Tây phương học và chùng nào trường này còn thì Nhật Bản vẫn còn là một nước văn minh trên thế giới. Do vậy, số lượng học trò tăng lên một cách nhanh chóng với đủ mọi thành phần. Số lượng sinh viên từ năm 1868 đến 1871 luôn ở mức từ 200 đến 300 người.

Một điều đáng chú ý là trường Keio Gijuku trở thành tiên phong trong việc giảng dạy phương Tây học ở Nhật Bản. Động lực để hướng đến là muốn quảng bá phương Tây học trên toàn nước Nhật và muốn xây dựng đất nước văn minh, giàu mạnh như các nước phương Tây. Ảnh hưởng từ phương pháp học tập theo lối tư duy thực tiễn của thầy Ogata, Fukuzawa đã đề ra phương châm giáo dục của nhà trường, là dạy chủ yếu về khoa học tự nhiên và giáo dục tinh thần độc lập cho các sinh viên. Giải thích điều này, Fukuzawa nói:

“Tư tưởng giáo dục của tôi là coi trọng những quy luật tự nhiên, dạy học sinh chủ yếu là hai môn toán học và vật lý. Tôi muốn họ suy nghĩ về mọi sự vận động của những vật hữu thể như con người, vạn vật theo lối tư duy đó. Còn về mặt đạo đức, chúng tôi công nhận con người là chí tôn, chí linh của vạn vật, nên phải trân trọng, không được coi thường hay khinh miệt và cũng không được làm điều gì trái với nhân luân con người” [2, tr.291].

Nhận xét về phương pháp giáo dục giữa phương Đông so với phương Tây, Fukuzawa nói: Phương pháp giáo dục của phương Đông và phương Tây lại khác nhau. Phương Đông nặng về tư tưởng Nho giáo, còn phương Tây thiên về chủ nghĩa văn minh. Phương Đông thiếu hai điểm cơ bản: về mặt hữu hình, thiếu các khoa học tự nhiên và về mặt vô hình thiếu tinh thần độc lập.

Fukuzawa còn nói thêm “Chính trị gia thì trị nước, doanh nhân thì tiến hành các hoạt động sản xuất, kinh doanh, người dân phải có tinh thần yêu nước, gia đình phải đoàn tụ, chan hòa hạnh phúc. Nếu tìm về cội nguồn sẽ hiểu nguyên do tại đâu. Ví dụ một cách gần gũi, dễ hiểu là phạm vi một quốc gia, mà xa xôi hơn là phạm vi toàn nhân loại. Toàn thể loài người và vạn vật ở đâu cũng không thể thiếu được các tri thức về khoa học tự nhiên, ở đâu cũng không thể thiếu tinh thần độc lập. Nhưng điều quan trọng đó lại quá bị coi thường ở Nhật Bản”. Theo Fukuzawa, Nhật Bản “không thể mở cửa để sánh vai với các cường quốc phương Tây được”, “đó là do lỗi của nền giáo dục Hán học” [2, tr.292].

Và ông tỏ thái độ rất cương quyết thực hành phương châm giáo dục đó trong ngôi trường của mình và Fukuzawa trở thành “người đối địch” với nền học thuật Hán học trong nước. Nhưng sự phát triển thần kỳ của Nhật Bản về sau đã chứng minh quan điểm đúng đắn của ông.

Năm 1871, Fukuzawa chuyển trường Keio Gijuku đến Mita, khu vực này cũng chính là cơ sở chính của trường hiện nay. Đến năm 1890, trường nâng cấp lên thành Đại học, với 3 khoa chính: kinh tế, nghệ thuật, luật. Fukuzawa cũng mời được 3 giáo sư người Mỹ đến giữ chức vụ trưởng khoa. Giáo sư William S. Liscomb đảm nhận chức trưởng khoa Nghệ thuật; Garrett Droppers đảm nhiệm chức trưởng khoa Kinh tế và John H. Wigmore đảm nhiệm chức trưởng khoa Luật. Trong kỳ thi tuyển sinh đầu tiên khi trường nâng lên Đại học vào tháng 1-1890, có 37 thí sinh đã đậu, trong đó 17 thí sinh ngành kinh tế; 17 thí sinh ngành nghệ thuật; và 3 thí sinh ngành luật. Từ khi thành lập đến năm 1889, đã có hơn 6000 sinh viên được đào tạo. và đến năm 1910, đã có khoảng 1.047 sinh viên được đào tạo với 792 sinh viên chuyên ngành kinh tế; 132 sinh viên ngành luật; 68 sinh viên ngành chính trị học và 55 sinh viên ngành nghệ thuật. Qua đó ta thấy Đại học Keio rất thiên về đào tạo ngành kinh tế. Số sinh viên này khi tốt nghiệp đã trở thành nguồn lực lớn góp phần phát triển đất nước Nhật Bản [44, tr.273-275].

Hiện nay Đại học Keio có 11 khu ở Tokyo và Kanagawa với 9 ngành học, bao gồm: Văn học, Kinh tế, Luật, Kinh doanh và Thương mại, Y học, Khoa học và Kỹ thuật, Quản lí

Chính sách, Thông tin Môi trường, Dược. Trường là nơi nhiều thành viên nội các Nhật Bản từng theo học, trong đó có các thủ tướng Inukai Tsuyoshi (nhiệm kỳ từ tháng 12-1931 đến tháng 5-1932), thủ tướng Hashimoto Ryutarō (nhiệm kỳ từ tháng 1-1996 tới tháng 7-1998) và thủ tướng Koizumi Junichiro (nhiệm kỳ từ 2001-2006). Ngoài ra, trường còn nổi tiếng vì đã đào tạo hàng trăm nhà lãnh đạo của khu vực kinh tế tư nhân, bao gồm 230 tổng giám đốc của các công ty lớn trong nước và 97 tổng giám đốc của các công ty liên doanh với nước ngoài. Đại học Brown, trường có chương trình liên kết đào tạo với Keio, và tờ Japan Times đã đánh giá Keio là một trong những trường đại học có uy tín nhất ở Nhật Bản [78].

### 2.2.2. Thực học – Nền học thuật theo chủ trương của Fukuzawa Yukichi

Nhằm thay đổi những tập quán phong kiến của dân chúng, loại bỏ những tư tưởng phục tùng đặc biệt là khuyến khích toàn dân học tập, Fukuzawa đã chấp bút viết cuốn *Gakumon no susume (Khuyến học)*, có 17 tập; bắt đầu viết từ năm 1872 đến năm 1876). Ngay phần đầu tiên Fukuzawa khẳng định: “Trời không tạo ra người đứng trên người và cũng không tạo ra người đứng dưới người”, “Mọi người sinh ra đều bình đẳng, nếu có khác biệt là do học vấn” [3, tr.24]. Quan điểm mới này đã làm ngạc nhiên cho đa số người dân Nhật Bản, họ như “không tin vào tai mình” nữa, bởi cuộc sống bấy lâu bị trói buộc bởi đẳng cấp, thân phận, quen phục tùng, phó mặc và e sợ quan quyền suốt hàng trăm năm dưới chính thể phong kiến Mạc phủ.

Cuốn *Khuyến học* đã làm lay chuyển tâm lý người dân Nhật Bản dưới thời Minh Trị. Nó được in tới hơn 3,2 triệu bản, trong khi dân số nước Nhật lúc bấy giờ có khoảng 35 triệu người, trung bình gần 10 người có một bản. Bộ Giáo dục Nhật Bản ban hành Học chế vào năm 1872 cũng đã tham khảo nhiều nội dung trong quyển *Khuyến học* này, trong đó có nội dung: “Từ nay, giáo dục phải được truyền bá trong dân chúng (quý tộc, cựu quân nhân, tá điền, thợ thủ công và người buôn bán cũng như phụ nữ) để không còn gia đình mù chữ trong làng mạc và không còn người mù chữ trong các gia đình” [13, tr.82].

Không chỉ trong tác phẩm *Khuyến học*, mà nhiều tác phẩm của Fukuzawa, đều nhận thấy rằng ông rất quan tâm đến việc khuyến khích học tập. Theo ông sự khác biệt giữa người khôn ngoan và kẻ ngu cũng là do vấn đề giáo dục. Người làm việc dễ thường có địa vị thấp, bị coi thường. Công việc cần sự khổ nhọc về tinh thần được xem là việc khó, còn lao động chân tay là việc dễ. Vì thế, học giả, quan chức chính phủ, giám đốc các công ty lớn, chủ trang trại sử dụng nhiều nhân công... là những người có địa vị cao, quan trọng. Và một khi đã là những người có địa vị, quan trọng thì đương nhiên gia đình họ cũng giàu sang



sung túc. Tuy vậy, nếu suy nghĩ kỹ lưỡng gốc rễ của vấn đề thì chỉ có một nguyên nhân, đó chẳng qua là chịu khó học hành, chứ chẳng ai được trời ban tặng cả. Ngược lại, những người không có tri thức lại không hề biết xấu hổ và con cái của họ khi lớn lên cũng chẳng có ích gì cho đất nước, chỉ là gánh nặng cho xã hội.

Ngoài ra, Fukuzawa còn cho thấy việc học cũng có liên quan trực tiếp đến mối quan hệ với Nhà nước. Bởi sự điều hành của Nhà nước nghiêm khắc hay dễ dãi cũng liên quan đến trình độ người dân trong nước. Giải thích điều này, ông nói: “Dân ngu tự chuốc lấy chính sách bạo tàn” [3, tr.34]. Nghĩa là chính sách bạo tàn không phải là bản chất của nhà nước mà nó xuất phát từ một xã hội có nhiều kẻ “vô trí thức”. Nếu nhân dân trong nước quyết tâm học hành, tiếp thu cái mới thì chính phủ sẽ thể hiện mình là một nhà nước quảng đại, nhân đạo, biết lắng nghe. Do vậy, điều quan trọng hơn bất kỳ điều gì khác mà Fukuzawa khuyên là mỗi người trong nước ai ai cũng phải học hành, mở mang tri thức, để có thực lực đứng vững trên địa vị và tư cách bình đẳng, đấu tranh sai trái với chính quyền.

Nền giáo dục lạc hậu, cổ xưa chỉ dựa vào những áng thơ cổ, học chỉ để giải nghĩa những đoạn văn cổ, đọc thơ rồi vịnh thơ... bị Fukuzawa phê phán kịch liệt, theo ông thì học như vậy chẳng có ích gì cho cuộc sống cả, nó như một trò tiêu khiển xa rời thực tế. Với lối học như vậy chỉ làm tăng thêm sự lo lắng trong các bậc phụ huynh mà thôi “Chúng nó cứ học theo kiểu này, chắc có ngày tán gia bại sản mất”. Ông còn nhấn mạnh thêm: “Điều này là đúng. Vì lối học này không thực tế, không thể áp dụng kết quả học tập vào thực tiễn cuộc sống” [3, tr.26].

Theo Fukuzawa một nền học vấn thực học phải đảm bảo được hai yếu tố cơ bản: đó là tính thực tế và phải đạt hiệu quả trong thực tiễn cuộc sống.

Trước hết là tính thực tế: Theo Fukuzawa, nền học vấn “thực học” không phải là một nền học vấn mà các nhà Khổng học hay các nhà Hòa học (Nhật Bản học) đã từng xem trọng như học những chữ cái Trung Hoa rồi rắm, đọc những đoạn văn cổ hoặc ngâm vịnh và làm thơ. Mặc dù nền học vấn như thế cũng là một cách giải trí có ích cho con người nhưng theo Fukuzawa thì không nên đánh giá cao nó. Ông nhận thấy vào thời đó, rất ít trong số những học giả Trung Hoa giỏi giang trong việc gánh vác gia đình, cũng rất hiếm những thương nhân vừa giỏi thơ văn lại khéo léo trong công việc làm ăn. Đây cũng là một bằng chứng cho thấy sự xa rời thực tế, không phù hợp với cuộc sống đời thường cũng như chẳng phục vụ gì cho các nhu cầu hàng ngày. Vì thế Fukuzawa chủ trương đẩy lùi việc học hành trên vào

hàng thứ yếu và nhấn mạnh việc thiết lập một nền thực học thuận tiện cho sinh kế hàng ngày và thương mại, cụ thể là:

“Trước hết phải học những môn học thực dụng cần thiết cho cuộc sống hàng ngày. Ví dụ: phải thuộc lòng bảng 47 chữ cái Kana. Học cách soạn thảo thư từ, ghi chép trương mục kế toán; Sử dụng thành thạo bàn tính; Nhớ cách cân đong, đo, đếm; Tiếp đến là phải học các môn như Địa lý để biết được phong thổ Nhật Bản và các nước trên địa cầu; Vật lý là môn học giúp ta phân biệt được tính chất của mọi vật thể trong thiên nhiên, qua đó tìm ra tác dụng của nó; Học Sử vì đây là môn học giúp ta hiểu biết cặn kẽ mọi sự kiện ghi trên niên biểu lịch sử, qua đó chúng ta có thể nghiên cứu quá khứ, hiện tại của mọi quốc gia; Học Kinh tế là môn giải đáp cho chúng ta mọi vấn đề liên quan đến việc chi tiêu trong mỗi gia đình cũng như nền tài chính của cả quốc gia; Học môn Đạo đức, môn này giúp ta hiểu về hành vi, hành động của bản thân, hiểu cách cư xử, cách giao tiếp, cách sinh hoạt giữa người với người” [3, tr.26-27].

Fukuzawa lí giải, một người “Dù có thuộc lâu lâu truyện xưa tích cũ nhưng không biết giá một ký gạo, một mớ rau là bao nhiêu. Dù có hiểu biết cặn kẽ kinh điển Trung Hoa nhưng không biết làm thương mại, không biết giao dịch làm ăn. Mất nhiều năm gian khổ đèn sách, tiêu tốn bao nhiêu tiền bạc để học hành, trang bị đủ loại kiến thức Âu Tây, nhưng kiếm miếng ăn chỉ nuôi miệng mình cũng không nổi” [3, tr.39].

Qua những ví dụ điển hình trên, Fukuzawa đã thể hiện rõ tư tưởng thực học của mình, đề cao tính thực tiễn trong học hành, tức là học luôn đi đôi với hành và luôn gắn gũi với đời sống hàng ngày của con người. Ông phê phán nghiêm khắc đối với những người chỉ biết học mà không biết vận dụng vào thực tế. Đối với ông đó chỉ là những kẻ buôn bán chữ đơn thuần. Về giá trị và khả năng của họ, họ không khác gì những cuốn tự điển tiêu thụ sản phẩm. Họ chẳng có ích gì cho dân tộc và là những sâu bọ ăn bám nền kinh tế. Nhưng nền học vấn mang tính thực học không vẫn chưa đủ, mà điều quan trọng hơn nữa là tạo ra hiệu quả cao trong đời sống.

Do đó, nền học vấn cũng phải có tính hiệu quả, theo Fukuzawa, điều quan trọng trong học vấn đó là phát hiện được nguyên lý vận động và phát triển của tự nhiên và con người. Tất cả những cái này là thực tế. Lấy thực tế đó áp dụng vào cuộc sống hiện thực một cách hợp lý sẽ tạo ra những hiệu ứng tuyệt vời. Ở đây ông muốn nhấn mạnh đến việc ứng dụng được những điều đã học vào thực tế một cách uyển chuyển, linh động, có hiệu quả đối với đời sống.

Fukuzawa còn nói thêm, bản chất của học tập không phải chỉ có đọc sách, mà còn là hoạt động trí óc. Khi chúng ta quan sát một sự vật có nghĩa là chúng ta đang nhận thức nó; bước tiếp theo là chúng ta suy xét nó, có nghĩa là suy đoán nguyên tắc của sự vật; từ đây chúng ta mới hình thành quan điểm riêng của mình về sự vật đó. Sau đó tự bản thân sẽ xuất hiện những khả năng phán đoán sẽ ứng dụng sự vật một cách linh hoạt vào lĩnh vực nào của cuộc sống để mang lại hiệu quả cao.

Như vậy, theo Fukuzawa một nền học vấn hiệu quả phải đảm bảo hai thuộc tính trên. Ông đã nhận thức một cách sâu sắc mối quan hệ mật thiết giữa việc học có thực tế với việc ứng dụng việc học đó vào thực tiễn có hiệu quả.

Để minh họa về điều này, trong quyển “Y thuật phổ thông” ông đã nêu ra một ví dụ: Ở Nhật Bản vào thời kì ông sống, nếu hỏi những người muốn đi từ Tokyo đến Osaka rằng: giữa thuyền buồm Nhật Bản với tàu hơi nước phương Tây sẽ chọn phương tiện nào? Thì hết thảy những người này đều chọn tàu hơi nước vì ai trong số họ cũng đều nghĩ rằng tàu buồm thì nguy hiểm còn tàu hơi nước là an toàn. Tại sao lại như thế?.

Fukuzawa đã giải thích: “Thuyền buồm Nhật bản được vận hành chỉ dựa vào sự thuần thục của các tiền bối bậc thầy về thuyền bè mà không hề dựa vào kiến thức về kĩ thuật hàng hải, cũng không căn cứ vào lý thuyết chế tạo tàu, thì chuyện vượt biển một cách bình an vô sự chỉ là một sự may mắn ngẫu nhiên. Ngược lại, tàu hơi nước theo cách thức phương Tây thì lại nhất thiết phải bắt đầu từ việc học về cả hàng hải lẫn chế tạo thuyền bè, biết dựa vào thực tế một cách chính xác, biết lấy nguyên tắc chân lý của thiên nhiên làm nguồn gốc khởi đầu và nhất là không xem thường ngay cả những sự việc nhỏ bé nhất” [6, tr.26-27].

Qua ví dụ trên ta thấy người phương Tây đã biết ứng dụng những tri thức về thiên nhiên, về con người vào thực tế một cách hợp lý, từ đó tạo ra những hiệu quả lớn lao. Trong khi người phương Đông chủ yếu dựa vào kinh nghiệm, ít vận dụng khoa học thực tiễn. Điều đó chứng tỏ rằng hai thuộc tính “thực tế” và “hiệu quả” là hai đặc điểm quan trọng của nền học thuật hữu ích và hỗ trợ tích cực cho sự phát triển dân lực, trí lực cũng như sự giàu mạnh của quốc gia.

### **2.3. Khơi dậy tinh thần độc lập tự tôn**

#### **2.3.1. Mỗi người tự chủ độc lập thì đất nước sẽ tự chủ, độc lập**

Từ khi chính quyền Tokugawa ký kết với các nước phương Tây nhiều hiệp ước bất bình đẳng. Nên yêu cầu bức thiết nhất của Nhật ở giai đoạn này là phải “sửa đổi” các hiệp

ước đó. Và khi Nhật Bản muốn tiến lên vũ đài các nước văn minh thì dứt khoát phải giữ vững được độc lập. Nhưng làm thế nào để bảo vệ được nó?

Theo Fukuzawa, để bảo vệ độc lập cho đất nước trước các thế lực ngoại bang đòi hỏi toàn thể quốc dân phải ý thức được tinh thần độc lập và tự do, trên dưới một lòng, coi vận mệnh Tổ quốc như vận mệnh của bản thân, đem hết tinh thần và trách nhiệm với tư cách là người Nhật Bản ra phục vụ.

Như vậy, Fukuzawa cho rằng nền tảng của một quốc gia độc lập phải được xây dựng trên tinh thần độc lập của mỗi người dân trong nước, ngược lại khi người dân của một quốc gia không có ý thức về độc lập cá nhân, quyền độc lập quốc gia tương ứng sẽ không được thực hiện. Từ đó mà ông đã đúc kết nên luận điểm: *“Mỗi người tự chủ, độc lập thì đất nước sẽ tự chủ, độc lập”* [3, tr.52].

Do đó, trước hết theo Fukuzawa phải làm cho mọi người dân trong nước có được tinh thần độc lập. Nếu mọi người dân không có tinh thần độc lập thì họ sẽ như những người khách, không xem đất nước như là nhà của mình nữa, vì vậy mà trọng trách quốc gia sẽ được giao cho một số người bên trên và vận mệnh đất nước cũng do họ quyết định. Chính vì không hề có trách nhiệm gì đối với đất nước nên khi có biến cố gì xảy ra, họ sẽ đứng ngoài cuộc nhìn xem như một vị khách lạ. Mà đã là khách thì chỉ biết dựa vào chính phủ. Người dân đâu cần màng tới việc nước, càng không chút lo lắng tới vận mệnh quốc gia vì đã có chính phủ lo rồi. Mặc dù họ luôn nghe theo mệnh lệnh của chính phủ như “bầy cừu ngoan” để nhằm phát triển đất nước và “họ chẳng có điều gì phải phàn nàn về chính phủ cả”, nhưng đó chỉ là những hành động vô thức khi tinh thần độc lập không tồn tại. Vì là khách nên họ rất ít lo lắng cho vận mệnh đất nước, họ hoàn toàn dựa vào nhà nước hay một nhóm người lãnh đạo mà không hề có một sáng kiến, mưu lược nào trước sự nguy cấp của đất nước. Điều này thật nguy hại một khi đất nước bị lâm nguy đang cần họ phải hi sinh tính mạng để bảo vệ đất nước và chắc chắn sẽ có phần lớn tìm cách thoái thác, bỏ trốn, lúc này người dân chỉ biết lo cho sự an toàn của bản thân mình mà không lo cho đất nước và như thế khó mà giữ được độc lập.

Fukuzawa lấy ví dụ là vào thời Chiến quốc, Imagawa Yoshimoto, lãnh chúa của vùng Suruga thống lĩnh một đội quân hàng vạn người tiến đánh Nobunaga Oda, lãnh chúa vùng Aichi. Nobunaga đã tổ chức mai phục tại khe núi Oke tỉnh Aichi, rồi bất ngờ tập kích vào đại bản doanh và chém đầu Imagawa. Quân sĩ của Imagawa mất chủ tướng, hoảng loạn chạy như “ong vỡ tổ”. Sự nghiệp lẫy lừng một thời của Imagawa bỗng chốc tan thành mây

khói. Trái lại, trong cuộc chiến tranh Pháp-Phổ (1870-1871), lúc đầu quân Pháp thua trận, Napoleon Đệ tam bị quân Phổ bắt làm tù binh. Thế nhưng nhân dân Pháp không tuyệt vọng mà họ tiếp tục chiến đấu với lòng quả cảm để bảo vệ Paris bằng mọi giá. Cuối cùng buộc quân Phổ phải chấp nhận ký Hoà ước, nhờ thế mà nước Pháp giữ được toàn vẹn lãnh thổ. Điều khác biệt giữa hai trường hợp, theo Fukuzawa, là trong khi ở Suruga mọi người chỉ biết trong cậy vào Imagawa, người dân giống như những người khách nên chẳng ai chịu gắn bó với xứ sở. Ngược lại ở Pháp số người sẵn sàng hy sinh cho nước Pháp rất nhiều, vì vậy chẳng ai bảo ai, họ đã tự mình đứng lên chiến đấu bảo vệ đất nước họ [3, tr.54].

Từ sự so sánh này, Fukuzawa nhấn mạnh rằng để bảo vệ nước mình trước họa xâm lăng, lòng yêu nước của nhân dân sẽ tăng lên khi trong con người họ có tinh thần, có chí khí độc lập mạnh mẽ. Do đó, nếu người Nhật thiếu chí khí độc lập thì lòng yêu nước cũng hàm hồ, nông cạn và khó bảo vệ được đất nước.

Và khi một người thiếu tinh thần độc lập thì họ thường ỷ vào người khác. Mà đã ỷ vào người khác thì họ thường sợ hãi. Và khi sợ hãi họ sẽ đâm ra bợ đỡ, phục tùng lâu dần sẽ trở thành thói quen. Thói quen ăn sâu vào tiềm thức họ trở nên nhút nhát khi bàn cãi với ai, họ run rẩy chẳng nói được những câu mạch lạc. Đối với đáng bề trên họ chỉ biết gập lưng lại, bảo đứng thì họ đứng, bảo ngồi thì họ ngồi. Họ thật sự không có tinh thần độc lập và những điều này khi trở thành tính chất tự nhiên thì không dễ gì thay đổi được. Theo Fukuzawa trong khi Nhật Bản đang mở rộng quan hệ với các nước bên ngoài, đặc biệt đang trong thế “bị chèn ép” trước các thế lực phương Tây bằng nhiều hiệp ước bất bình đẳng thì những người không có tinh thần độc lập, thói quen phục tùng, bợ đỡ như vậy sẽ trở thành mối nguy cho đất nước.

Mình chứng cho lí luận này, ông nêu ví dụ có một số thương nhân địa phương muốn kiếm lời bằng cách buôn bán với người ngoại quốc, tìm đến khu ngoại kiều như Yokohama. Lần đầu tiên trong đời đi gặp “ông Tây” bàn chuyện làm ăn, nhưng vừa thấy cái dáng to lớn của người phương Tây thì họ đã hồn xiêu phách lạc. Lại càng khiếp vía hơn khi thấy trong ca-táp của “Tây” hàng xấp giấy bạc. Được “Tây” đưa vào văn phòng bóng lộn trong những toà nhà lộng lẫy thì họ lại càng lúng túng, không biết đứng ngồi ở đâu, chân tay cứ lóng ngóng. “Tây” mời lên tàu hơi nước chạy một vòng biểu diễn, họ chóng hết mặt mày vì con “quái vật” đen xì này chạy nhanh quá. Và thế là ngay từ đầu, cái “gan” làm ăn của họ đã teo hết cả lại. Có thương nhân đánh liều giao dịch thử thì trong bụng thán phục sao “Tây” cái gì cũng thông thạo, nhưng cũng lại sờ sợ vì thấy người Tây thật lắm thủ đoạn, thương thảo lúc

cương lúc nhu thật khó lường. Cuối cùng bị ép ký hợp đồng, dù biết là thiệt mà vẫn phải nhắm mắt đặt bút ký, vì run sợ trước thái độ hung hăng của “Tây”, kết cuộc là phải nhận phần thua thiệt về mình [3, tr.59-60].

Sự run sợ đó, theo Fukuzawa đó không chỉ là sự thua thiệt của riêng một cá nhân mà còn là sự thua thiệt của cả đất nước Nhật Bản. Ngoài ra, người dân Nhật Bản lâu nay bị tinh thần “chonin” chi phối đã không hề biết đến tinh thần độc lập. Ngay chỉ với một Samurai ở cấp thấp nhất thì họ cũng phải kính trọng anh ta như một thượng cấp của mình, luôn khúm núm trước anh ta. Đó là ngay cả với người Nhật với nhau mà còn như thế, huống chi là đối mặt với người nước ngoài. Có lẽ từ bao đời nay, tầng lớp chonin luôn sống khom lưng luôn cúi, không có tính độc lập nên mục rỗng từ trong ruột mục ra. Trong xã hội Nhật Bản, tầng lớp chonin luôn bị Samurai chèn ép đầy đọa, tại các phiên toà họ cũng luôn bị xử ép, xử oan nên phần hồn của họ khó mà vực lại được. Đã không vực lại được cả phần xác lẫn phần hồn thì cũng đừng mong giao dịch, quan hệ bình đẳng với nước ngoài.

Chính vì lẽ đó mà Fukuzawa đã nhận xét rằng, nếu mỗi người dân Nhật Bản không có tính độc lập thì không thể giành độc lập với người nước ngoài được. Do đó, cần thiết phải xây dựng tinh thần độc lập cho mỗi người dân, là điều quan trọng nhất để bảo vệ độc lập của Nhật Bản trước sự lăm le, dòm ngó của các thế lực bên ngoài.

Fukuzawa cũng cho rằng thường những người không có tinh thần độc lập sẽ có xu hướng dựa dẫm vào quyền lực của người khác, chạy theo cái xấu. Khi con người không có tinh thần độc lập, nếu họ bất mãn với những quyết định của chính phủ thì họ thường nghĩ đến việc dựa vào sức mạnh của thế lực khác mạnh hơn chính phủ, thế lực đó có thể là nước ngoài, để đảm bảo quyền lợi cho họ, nhưng vô tình có thể làm những điều xấu xa mà họ không nhận thức được. Điều này thật sự là mối nguy hại cho đất nước.

Fukuzawa đã cảnh báo về sự nguy khốn của quốc gia mà hệ quả xuất phát từ sự thiếu tinh thần độc lập của mỗi người dân. Từ đó, ông kêu gọi nhân dân Nhật Bản hãy ra sức xây dựng tinh thần độc lập của chính bản thân mỗi người để làm nền tảng xây dựng độc lập quốc gia, với tư cách là người Nhật Bản, nếu có lòng yêu nước thì mỗi người đều phải suy nghĩ trước hết về độc lập cho bản thân mình, rồi hãy giúp đỡ người khác cùng độc lập.

Bên cạnh đó, Fukuzawa còn kêu gọi các bậc phụ huynh, các giáo viên hãy nuôi dưỡng tinh thần độc lập cho con cái mình, hãy truyền bá tinh thần độc lập đến thế hệ trẻ, không phân biệt nguồn gốc gia đình và xã hội, nếu là người Nhật Bản tất cả phải đứng lên một cách độc lập và ra sức bảo vệ đất nước: Tên, họ của chúng ta là người Nhật Bản. Chúc

trách của chúng ta là chức trách của người Nhật Bản. Với tư cách đó, chúng ta mang trên mình bổn phận của quốc dân Nhật Bản. Hơn thế nữa, chúng ta đang được quyền tự do sinh sống, tự do hành động tại Nhật Bản. Vậy thì, đi đôi với quyền lợi đó, đương nhiên chúng ta phải có nghĩa vụ và trách nhiệm.

Tinh thần độc lập của Fukuzawa thật vững chắc và bắt đầu đi vào mọi tầng lớp của xã hội Nhật Bản. Nhưng điều quan trọng tiếp theo là làm thế nào để bảo vệ độc lập dân tộc của đất nước? Theo ông, phương sách hữu hiệu nhất không phải là súng đạn mà bằng cách tiếp thu văn minh của các nước phương Tây để bắt kịp họ. Đồng thời phải tiến hành chấn hưng thương mại, phát triển kinh tế [50, tr.172].

### **2.3.2. Mối quan hệ giữa các quốc gia là hoàn toàn bình đẳng**

Từ những lần chu du qua Mỹ và châu Âu, dưới ánh sáng của triết học khai sáng phương Tây, trong đó có bản Tuyên ngôn độc lập của Mỹ, quan niệm về nhân quyền và quyền bình đẳng, Fukuzawa cho rằng đó là những quyền tự nhiên, được tạo hóa ban cho mỗi người.

Trong đó, theo Fukuzawa thì nhân quyền là những quyền cơ bản của con người mà con người có thể sử dụng nó để tổ chức cuộc sống của mình mà không xâm phạm hay làm phương hại đến quyền lợi của người khác. “Loài người - chúa tể của muôn loài - bằng hoạt động trí óc và hoạt động chân tay mà biến mọi thứ có trên thế gian thành vật có ích cho bản thân mình. Nhờ thế mà thoả mãn được nhu cầu ăn, mặc, ở, sống tự do theo ý muốn và không làm phiền, làm cản trở cuộc sống của đồng loại. Con người có thể sống yên ổn, vui vẻ trên thế gian. Đó là ý Trời, là niềm hi vọng của Trời đối với con người” [3, tr.24]. Nghĩa là khi trời ban cho con người sự sống, trời cũng ban cho con người sức mạnh về cơ thể, về tinh thần để thực hiện các quyền lợi của con người trong thực tế, đó là ý trời. Do đó, không vì lí do nào đó mà con người bị tước bỏ quyền lợi của mình.

Còn về quyền bình đẳng, Fukuzawa cho rằng: kể từ khi tạo hóa làm ra con người thì tất cả sinh ra đều bình đẳng, mọi người đều có tư cách, có địa vị như nhau, không phân biệt đẳng cấp trên dưới, giàu nghèo. Tuy nhiên, bình đẳng ở đây, theo ông không có nghĩa là người nào cũng phải có điều kiện sống ngang nhau. Mà bình đẳng ở đây có nghĩa là ai ai cũng đều có quyền lợi ngang nhau, vì tất cả đều là con người. Bởi khi nói về điều kiện sống thì có người giàu, người nghèo; kẻ mạnh, kẻ yếu, người thông minh, người đần độn. Có người sinh ra thuộc tầng lớp lãnh chúa, quý tộc, ở trong lâu đài, biệt thự, ăn ngon mặc đẹp, thì cũng có người sinh ra phải đi làm thuê làm mướn, sống trong hang cùng ngõ hẻm.

Dù vậy, nếu ta đi sâu vào nghiên cứu trong mối quan hệ cân bằng giữa người và người dựa trên nhân quyền thì hai người đó sẽ là bình đẳng, bởi con người sinh ra là do ý muốn của trời, chứ không phải là do ý muốn của con người. Con người vốn cùng một loài, cùng sinh sống ở trong trời đất, vì thế yêu thương nhau, tôn trọng nhau, mình làm trọn bổn phận của mình, người ta làm trọn bổn phận của người ta, không ai cản trở ai.

Từ những lí luận trên khi soi rọi vào xã hội thời Tokugawa, Fukuzawa đã phê phán một cách sâu sắc sự bất công trong đối xử giữa những samurai với dân thường. Ông viết: “Vũ sĩ ra sức lộng quyền, coi nông dân và thị dân như những kẻ tội phạm. Chúng còn đặt ra luật “chém trước, xử sau”. Theo luật này, người dân chỉ cần có biểu hiện trái ý Vũ sĩ là lập tức bị hành quyết tại chỗ. Tính mạng của dân không khác sâu bọ, cho sống thì được sống, bảo chết thì phải chết. Ngược lại, nông dân và thị dân lúc nào cũng phải cúi lạy, nhường lối tránh chỗ cho Vũ sĩ dù chẳng có quan hệ, duyên nợ gì” [3, tr.43]. Ở đây cuộc sống của người thường dân không còn là của họ nữa mà như sống vay, tạm bợ, phó mặc cho đáng bề trên; họ không có quyền thực hiện những điều mong muốn trong quyền hạn của mình nữa, mà phải cúi gục trước đám samurai cùng đồng loại nhưng có “điều kiện bên ngoài làm sức mạnh”. Điều này theo Fukuzawa là trái với quy luật về nhân quyền và quyền bình đẳng của con người. Do đó ông khẳng khái tuyên bố: “Đã là con người thì phải thường xuyên nhớ rằng: mọi người sinh ra đều bình đẳng về tư cách và quyền lợi. Đây là điều quan trọng nhất” [3, tr.46].

Từ những nhận thức và suy luận về quyền bình đẳng trong mối quan hệ cá nhân giữa người và người, Fukuzawa đã mở rộng ý nghĩa của nó và vận dụng vào phạm vi rộng hơn ở góc độ quan hệ giữa các quốc gia với nhau.

Trong mối quan hệ giữa quốc gia với quốc gia, Fukuzawa đã nói: “Quốc gia là nơi người dân xứ sở đó ở. Nhật Bản là nơi dân Nhật ở. Anh quốc là nơi dân Anh ở. Người Nhật cũng như người Anh, đều là con người, được tạo hoá sinh ra trong cùng trời đất. Nên không có đạo lý nào cho phép dân hai nước chà đạp lên quyền lợi của nhau. Không một đạo lý nào cho phép người này làm hại người kia. Cũng không có lý lẽ nào dung thứ cho một nhóm người này xâm phạm quyền lợi của một nhóm người kia. Đạo lý đó đúng với mọi trường hợp, không phụ thuộc vào đa số hay thiểu số, kể cả có là một triệu người hay một trăm triệu người cũng vậy” [3, tr.50-51].

Ông còn lí giải thêm trên thế giới hiện nay, có quốc gia giàu mạnh, văn minh tiến bộ, giáo dục phát triển, quốc phòng vững mạnh thì cũng có quốc gia còn nghèo khổ, hoang sơ,



giáo dục lạc hậu, quốc phòng yếu kém. Nhìn chung thì châu Âu, châu Mỹ giàu mạnh, còn châu Á, châu Phi nghèo yếu. Thế nhưng, sự giàu nghèo, mạnh yếu ở mỗi quốc gia là do thực trạng của từng quốc gia và do điều kiện của mỗi nước nên mới có sự khác nhau. Nhưng sẽ ra sao, nếu có quốc gia viện trợ giúp đỡ các nước nhỏ yếu phát triển giàu mạnh như nước mình để áp đặt những điều vô lý lên các nước đó. Làm như vậy có khác nào một đô vật Sumo lực lưỡng cứ đòi vật nhau với một người đau ốm. Cho dù họ có biện minh cho hành động của mình là vì quyền lợi quốc gia, nhưng đó là những hành động bạo ngược không thể dung thứ.

Từ đó ông rút ra kết luận rằng, Nhật Bản hiện nay đang yếu kém, khó có thể sánh vai với các cường quốc châu Âu, châu Mỹ giàu mạnh. Nhưng nói về quyền lợi, với tư cách là một quốc gia, thì Nhật Bản hoàn toàn ngang hàng với các nước đế quốc phương Tây. Và nếu các cường quốc phương Tây đi ngược lại luật pháp quốc tế, tiến hành xâm phạm đến lãnh thổ của nước khác trong đó có Nhật Bản “thì cho dù có phải biến cả thế giới này thành kẻ thù, thì người Nhật cũng không sợ”.

Như vậy, có thể nói rằng quan điểm của Fukuzawa rất rõ ràng, dù mỗi quốc gia có sự chênh lệch với nhau về sự phát triển ở điều kiện bên ngoài, nhưng trong một giới hạn nào đó nhất là quyền lợi giữa các quốc gia, quyền bình đẳng giữa các dân tộc là bình đẳng với nhau và tất nhiên không có lí do gì xâm phạm nền độc lập của quốc gia khác, của các dân tộc khác. Tất nhiên các cường quốc phương Tây không có lí do gì xâm phạm nền độc lập của Nhật Bản cả!

## **2.4. Tư tưởng “Thoát Á luận” và sự cần thiết phát triển nền kinh tế Nhật Bản**

### **2.4.1. Tư tưởng “Thoát Á luận”**

Là những quốc gia phong kiến phương Đông lâu đời, gấn gũi về vị trí địa lý và văn hóa, đặc biệt vào giai đoạn cận đại phải đương đầu với các thế lực ngoại bang hùng mạnh đến từ trời Tây xa xôi, lẽ ra Nhật Bản cùng với nhiều nước khác ở châu Á đoàn kết lại hẳn có thể ngăn cản cơn lũ xâm lược đang tràn về. Nhưng Fukuzawa lại có một ý tưởng rất táo bạo và gây tranh cãi cho nhiều học giả sau này, ông muốn “Thoát Á”, tức tách khỏi tình đoàn kết với các nước láng giềng châu Á để dễ dàng thực hiện ý đồ của mình – đuổi kịp và đứng vào hàng ngũ các nước văn minh. Tư tưởng này của Fukuzawa được trình bày rõ trong bài “Thoát Á luận” được đăng trên “Thời Sự Tân Báo” (Jiji Shimpo) vào ngày 16 tháng 3 năm 1885 (Minh Trị thứ 18). Tờ báo “Jiji Shimpo” do Fukuzawa sáng lập vào năm 1882, trong đó ông viết khoảng 2000 bài luận đủ các vấn đề của đời sống xã hội và cổ vũ tinh thần

độc lập tự tôn cho Nhật Bản. Hầu hết các bài viết của ông trên báo về sau được tập hợp thành nhiều quyển sách quý giá.

Trở lại chủ trương “Thoát Á” của Fukuzawa. Thật ra, bản thân Fukuzawa rất quan tâm đến hiện tượng các cường quốc phương Tây xâm lược các nước phương Đông. Cũng như làm thế nào cho đất nước Nhật Bản được hoàn toàn độc lập khi nước Nhật còn bị chi phối bởi các hiệp ước bất bình đẳng mà chính quyền Mạc phủ đã ký với các cường quốc phương Tây. Đứng trước hoàn cảnh đó nên lúc đầu Fukuzawa có tư tưởng “Liên Á” – tức là chủ trương đoàn kết các nước châu Á lại với nhau, nhất là Trung Quốc và Triều Tiên, nhằm chống lại làn sóng xâm lược của các cường quốc phương Tây. Do đó trong Thời sự tiểu ngôn (1882), ông chủ trương Nhật Bản muốn đối kháng với sức mạnh của phương Tây thì phải gánh lấy trách nhiệm là Minh chủ trong Liên minh châu Á. Đồng thời các nước phương Đông cũng phải tiến hành cải cách, phải văn minh [32, tr.24-30].

Tuy nhiên, theo Fukuzawa, trong thời đại mà phương tiện giao thông đã trở nên thuận lợi hơn cả, và làn gió của văn minh phương Tây đang thổi vào phương Đông đến những cỏ cây cũng ảnh hưởng bởi làn gió văn minh này, thời điểm mà làn sóng văn minh lan truyền như bệnh dịch sởi, mà hai nước Trung Quốc và Triều Tiên vẫn chưa nhìn thấy được sức mạnh của văn minh phương Tây: “...họ [Trung Quốc và Triều Tiên] lại cho rằng những điều mắt thấy tai nghe về nền văn minh phương Tây như vậy cũng không làm họ quan tâm động não. Suốt hàng nghìn năm nay họ không hề thay đổi và vẫn quỳ lạy với những phong tục tập quán cũ kỹ, lạc hậu. Giữa thời buổi văn minh mới mẻ và đầy khí thế khi bàn luận về giáo dục thì họ chỉ nói về nền giáo dục Nho học. Nói về giáo dục trong nhà trường, họ chỉ giảng về các khái niệm “Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí”. Họ chỉ phô trương coi trọng hình thức bên ngoài giả tạo. Thực chất họ coi thường chân lí và nguyên tắc. Còn đạo đức thì hung hăng tàn bạo và vô liêm xỉ không lời nào tả xiết, đã vậy họ lại còn kiêu căng tự phụ. Theo đánh giá của tôi, hai quốc gia này không thể tồn tại như những quốc gia độc lập trước sự tấn công của nền văn minh phương Tây sang phương Đông” [70, tr.15-20].

Riêng với Nhật Bản sau khi chế độ Mạc phủ bị lật đổ, chính quyền Minh Trị được thiết lập đang đẩy mạnh học tập văn minh phương Tây khi mà “cuộc tranh đấu đang diễn ra trong nền văn minh thế giới không cho phép một quốc đảo phương Đông nằm ngủ yên trong sự cô lập” nên Nhật Bản tích cực rời khỏi những thói quen cổ hủ của châu Á, thoát ra khỏi sự trì trệ lạc hậu, tiến tới thiết lập một trật tự mới ở châu Á.

Còn đối với Trung Quốc và Triều Tiên, theo Fukuzawa trong trường hợp may mắn thì hai nước này xuất hiện những nhân tài kiệt xuất đứng lên tiến hành cuộc đại cải cách chính phủ của họ. Cũng giống như phong trào Duy Tân quy mô của Nhật Bản, rồi cải cách chính trị, đặc biệt là tiến hành các hoạt động đổi mới và cách suy nghĩ thì may ra họ mới giữ vững được nền độc lập. Còn nếu hai nước Trung Quốc và Triều Tiên “không làm được như vậy thì chắc chắn chỉ trong vòng vài năm tới...Đất đai của hai nước ấy sẽ bị phân chia thành thuộc địa của các nước văn minh khác trên thế giới”.

Trong khi mối quan hệ giữa các nước châu Á như “môi hở răng lạnh” thì trường hợp của Trung Quốc và Triều Tiên như vậy thì không giúp đỡ được một chút nào cho Nhật Bản.

Từ đó mà Fukuzawa cũng cảnh báo, khi người phương Tây nhìn vào những gì có ở hai nước Trung Quốc và Triều Tiên thì sẽ đánh giá nước Nhật cũng giống như hai nước ấy, có nghĩa là họ đánh giá ba nước Trung Quốc – Triều Tiên – Nhật Bản giống nhau gần gũi về mặt địa lý.

Ông đưa ra một vài ví dụ như: ở Trung Quốc và Triều Tiên vẫn còn duy trì chế độ chuyên chế thì pháp luật không thể thực thi được, do đó người phương Tây có thể nghĩ Nhật Bản cũng là xã hội không pháp luật. Người Trung Quốc và Triều Tiên chìm sâu trong mê tín không biết đến khoa học, do đó các học giả phương Tây có thể nghĩ Nhật Bản vẫn là quốc gia chỉ biết tới Âm Dương Ngũ Hành. Hay như ở Triều Tiên có hình phạt thảm khốc thì người Nhật cũng bị người phương Tây coi là vô nhân đạo...

Nếu người phương Tây đánh giá Nhật Bản như hai nước Trung Quốc và Triều Tiên qua những ví dụ nêu trên thì Fukuzawa cho rằng: đây là một thực tế bất hạnh cho Nhật Bản!

Từ những phân tích nêu trên Fukuzawa đi đến kết luận lý do tại sao phải suy nghĩ cho Nhật Bản ngày hôm nay, người Nhật không có thời giờ để chờ đợi sự khai sáng của các nước láng giềng – Trung Quốc và Triều Tiên – để từ đó cùng nhau hướng tới phát triển Châu Á. Tốt hơn hết là Nhật Bản hãy tách ra khỏi hàng ngũ các nước Châu Á, để đuổi kịp và đứng chung vào hàng ngũ các quốc gia văn minh phương Tây.

Như vậy, có thể nói lí luận “Thoát Á” của Fukuzawa để Nhật Bản vươn lên cùng các cường quốc phương Tây rất có lớp lang. Khi mà làn sóng văn minh lan nhanh như bệnh dịch sởi, trong khi chưa có phương thuốc nào đặc trị hữu hiệu thì trường hợp của Trung Quốc và Triều Tiên lại đi ngược với quy luật lan truyền tự nhiên của nền văn minh phương Tây. Hai nước này cố gắng tìm cách chống lại sự lan truyền nền văn minh phương Tây ví như họ tự sống trong phòng khép kín đóng chặt cửa không có không khí lưu thông, thì họ sẽ chết

ngạc. Trong trường hợp như vậy thì làm sao “Liên Á” để chống lại làn sóng xâm lược của phương Tây? Do đó, tốt hơn hết Nhật Bản phải “Thoát Á” – “đoạn tuyệt kết giao với những người bạn xấu ở châu Á”!.

Quan điểm này của Fukuzawa đã được chứng minh bằng thực tế: Ở châu Á, chỉ có Nhật Bản và Thái Lan, hai nước chủ trương mở cửa, là tránh được sự xâm lược và thôn tính của các nước phương Tây. Chính sự du nhập của những giá trị dân chủ và nền giáo dục khoa học kiểu phương Tây đã khiến Nhật Bản không bị phương Tây xâm lược, mà ngược lại, trở thành cường quốc từ cuối thế kỷ XIX.

#### **2.4.2. Chấn hưng thương mại, phát triển kinh tế**

Trong 250 năm dưới thời Tokugawa, theo quan niệm sĩ, nông, công, thương thì người buôn bán bị liệt vào hạng thấp nhất trong xã hội. Fukuzawa là một trong những người ý thức sâu sắc sự cần thiết chấn hưng thương mại nếu Nhật Bản muốn trở thành một nước độc lập và hùng cường.

Có thể nói, Fukuzawa là một trong những người Nhật đầu tiên đặc biệt quan tâm đến vấn đề kinh tế và xem đó là biện pháp hữu hiệu nhất để đưa Nhật thắng trận trong cuộc viễn chinh Đài Loan (1874). Để thức tỉnh dân chúng về kinh tế, Fukuzawa diễn thuyết về ý nghĩa của cuộc thương thuyết hòa bình sau chiến tranh - đây là cuộc diễn thuyết đầu tiên ở Nhật, chính Fukuzawa là người đã đặt ra thành ngữ “enzetsu” (diễn thuyết). Trong bài diễn thuyết lịch sử này, Fukuzawa khẳng định rằng, mặc dù kết quả cuộc đàm phán hòa bình có vẻ thuận lợi cho Nhật Bản (Trung Quốc phải bồi thường cho Nhật 50 vạn lượng bạc) nhưng kẻ thắng trận về phương diện kinh tế không phải là Nhật và dĩ nhiên cũng không phải là Trung Quốc, mà chính là những thương nhân phương Tây. Ông giải thích, vì Nhật phải mua mọi thứ - từ tàu chiến, khí giới, thậm chí cho đến quân phục của thương nhân phương Tây. Phí tổn này còn lớn hơn khoản bồi thường chiến tranh mà Trung Quốc trả cho Nhật. Do đó, Fukuzawa chủ trương ngay nào Nhật Bản còn chưa đủ sức để tự mình sản xuất súng đạn thì Nhật Bản còn phải luôn luôn dẫn đo, tính toán về kết quả tài chính trong bất kỳ thắng lợi quân sự nào.

Bởi vậy, Fukuzawa cho rằng trong cuộc đấu tranh để bảo vệ độc lập quốc gia cho Nhật Bản đối với các nước phương Tây, kẻ thù nguy hiểm nhất của Nhật Bản không phải là “kẻ thù quân sự” mà chính là “kẻ thù trí lực”. Và theo ông kết quả của cuộc đọ sức bằng trí não này sẽ hoàn toàn tùy thuộc vào sự mở mang dân trí của người Nhật [50, tr.170].

Trong suy nghĩ của ông thương nhân phương Tây rất đáng sợ, khắp châu Á không nước nào có thể đương đầu với họ. Để chứng minh điều này, Fukuzawa lấy Ấn Độ và Thổ Nhĩ Kỳ làm ví dụ. Tuy Ấn Độ và Thổ Nhĩ Kỳ là hai nước lớn - Ấn Độ có nền văn minh lâu đời và Thổ Nhĩ Kỳ nổi tiếng là một cường quốc dân sự. Thế nhưng Ấn Độ đã trở thành thuộc địa của Anh, còn Thổ Nhĩ Kỳ bề ngoài tuy là một quốc gia độc lập, nhưng trong thực chất quyền lợi buôn bán đều nằm trong tay người Anh và người Pháp. Nguyên do hai nước này mất nước, theo Fukuzawa là vì dân ở hai nước này không biết nhìn xa trông rộng hơn phạm vi của nước họ nên đâm ra tự mãn, để rồi dân chúng trong nước đang lúc tranh giành nhau mà quên bẵng đi ở bên ngoài đang có nhiều người xa lạ dòm ngó. Chỉ chờ có thế, người phương Tây đã nhanh chân chiếm đoạt quyền lợi buôn bán của họ. Bài học trên người Nhật cần phải biết và cảnh tỉnh trước các thế lực ngoại bang.

Là người thực dụng, Fukuzawa suy luận rằng để thay đổi thành kiến của dân chúng đối với người buôn bán, không còn cách gì hơn bằng để shizoku (những người vốn thuộc giai cấp võ sĩ) đi đầu trong việc chấn hưng thương mại. Lý do khiến Fukuzawa đi đến chủ trương shizoku phải đóng vai trò lãnh đạo trong việc biến Nhật Bản thành một quốc gia thương nghiệp và công nghiệp là vì trước Minh Trị Duy tân chính quyền của giai cấp võ sĩ đã cai trị Nhật Bản gần bảy trăm năm, do đó ngay sau khi giai cấp này bị phế bỏ, dân chúng vẫn còn có khuynh hướng coi trọng những ai thuộc giai cấp shizoku và khinh miệt thương nhân Nhật Bản, phương pháp hay nhất là khuyến khích thành phần này đi tiên phong trong việc kinh doanh và mạo hiểm để làm gương cho dân chúng trong nước. Fukuzawa kêu gọi xây dựng một nước Nhật dựa trên tinh thần thương mại (shosho rikkoku: thượng thương lập quốc) thay cho một nước Nhật đặt căn bản trên tinh thần thượng võ (shobu) như dưới thời Tokugawa. Từ quan điểm này của Fukuzawa về sau ở Nhật đã xuất hiện một số nhà kinh doanh xuất sắc xuất thân từ giai cấp võ sĩ [47, tr.127-128].

## CHƯƠNG 3

### ẢNH HƯỞNG CỦA FUKUZAWA YUKICHI ĐỐI VỚI LỊCH SỬ

#### NHẬT BẢN CẬN ĐẠI

##### 3.1. Giáo dục Nhật Bản cất cánh

Đất nước đóng cửa hơn 200 năm, Fukuzawa cho rằng chính Nhật Bản đã tự làm cho bản thân mình lâm vào tình trạng bất bình đẳng vì lạc hậu hơn các nước khác nhất là các nước phương Tây trong lĩnh vực tri thức khoa học. Do đó, ông kêu gọi chính phủ phải gấp rút làm cho quảng đại quần chúng làm chủ công nghệ khoa học. Ông từng nói rằng: mọi người sinh ra đều bình đẳng, nếu có sự khác biệt là do học vấn. Vì vậy, khi từ phương Tây trở về, một mặt ông viết sách tuyên truyền, mặt khác ông trực tiếp nâng cấp trường Keio do ông sáng lập lên trình độ cao hơn. Những hành động của Fukuzawa tất cả cũng vì mục đích nâng cao giáo dục cho Nhật Bản. Tư tưởng giáo dục của ông về một nền thực học cho Nhật Bản được gói gọn trong tác phẩm *Khuyến học* như đã trình bày ở trên. Đây là một trong những đóng góp to lớn và mẫu mực của Fukuzawa đối với lịch sử Nhật Bản cận đại.

Dưới thời Tokugawa, giáo dục Nhật Bản cũng đã phát triển và có được những thành tựu đáng kể. Ngoài các trường công lập dành riêng cho giai cấp võ sĩ và quý tộc thì trên khắp cả nước các trường tư thục cũng đã được xây dựng. Vì vậy mà số người biết đọc và biết viết thời kỳ này tương đối cao, có khoảng 43% nam giới và 10% nữ giới biết chữ. So với các nước trong khu vực thì mật độ dân trí của Nhật Bản đạt tỉ lệ khá cao.

Tuy nhiên, nền giáo dục thời Tokugawa cũng có nhiều hạn chế nhất định, nó mang nặng tính “hư học” tức lối học “tâm chương trích cú”. Điều này Fukuzawa phê phán gay gắt, theo ông nền học thuật của Nhật Bản cần phải xây dựng là “thực học” không tách rời với đời sống hàng ngày và dựa trên tinh thần khoa học, tinh thần độc lập, tính tự trọng, tinh thần thực dụng và óc phê phán. Ông nói “Khoa học – thực ra không phải là ở chỗ hãy ghi nhớ thật nhiều những chữ tượng hình rắc rối, nghiền ngẫm các tập sách khó hiểu, ngâm nga những câu cổ thi, biết làm thơ theo vần luật, cách cú Trung Hoa, nghĩa là cứ chuyên chú vào thứ văn chương cử tử vốn chẳng có ít gì cho đời” [13, tr.81]. Hay những người học tập dù có thuộc lòng truyện xưa tích cũ nhưng không biết giá một ký gạo, một mớ rau là bao nhiêu. Dù có hiểu biết căn kẽ kinh điển Trung Hoa nhưng không biết làm thương mại, không biết giao dịch làm ăn... Những người ấy chỉ là “cái tử kiến thức” suông. Đối với chính miếng cơm của bản thân, đối với lợi ích của đất nước, đối với nền kinh tế của quốc gia, họ hoàn toàn vô dụng, họ chỉ là hạng người “dài lưng tốn vải, ăn no lại nằm”. Nền học

tập như thế theo Fukuzawa không thể đưa đất nước lên ngang hàng với các ngoại bang được. Vì vậy Nhật Bản cần phải xây dựng một nền học tập mới, mà cái đích của nó là phải vận dụng được kiến thức vào đời sống.

Sau khi lên nắm chính quyền, chính phủ Minh Trị đặt cải cách giáo dục là một trong ba đại cải cách đầu tiên mà chính phủ cần làm. Quán triệt sâu sắc đến toàn dân khẩu hiệu: “khoa học phương Tây và đạo đức phương Đông”. Điều này rất phù hợp với chủ trương của Fukuzawa [25, tr.117].

Năm 1871, Bộ Giáo dục được thành lập để quản lý và phát triển giáo dục trong cả nước, hướng tới một nền giáo dục toàn dân. Đến tháng 12-1872, Bộ Giáo dục ban hành Học chế. Học chế là luật giáo dục, hướng tới mục tiêu là xây dựng một nền giáo dục cho mọi người dân và xây dựng xã hội học tập, làm nền tảng cho Nhật Bản trở thành quốc gia “phú quốc cường binh” [33, tr.88-93] [8, tr.50-57].

Nguyên tắc cơ bản của Học chế gồm 4 điểm:

Một là, xây dựng một xã hội học tập cho toàn dân dựa trên cơ sở “tứ dân bình đẳng” với khẩu hiệu “không người nào không được học, không làng nào không được học”.

Hai là, khuyến khích toàn dân học tập, coi học vấn là tài sản cơ bản nhất để lập thân.

Ba là, giáo dục “thực học” có ích cho đời sống hàng ngày từ khoa học tự nhiên, công nghệ đến pháp luật, chính trị, y học...

Bốn là, xây dựng nguyên tắc nghĩa vụ giáo dục, nhà nước sẽ đảm nhiệm từ học phí đến ăn mặc ở hệ thống trường công.

Có thể nói, những nguyên tắc cơ bản của Học chế chịu ảnh hưởng rất nhiều từ tư tưởng của Fukuzawa trong tác phẩm *Khuyến học* nổi tiếng.

Theo Học chế, chính phủ đã học tập hệ thống giáo dục của Pháp, cả nước chia làm 8 khu đại học, mỗi khu đại học chia làm 32 khu trung học, và mỗi khu trung học được chia làm 10 khu tiểu học. Ngoài ra, Chính phủ cũng coi trọng giáo dục ở hệ thống các trường dạy ở chùa (Terakoya) ở nông thôn.

Từ khi chính quyền mới được thiết lập vào năm 1868, các trường đại học tổ chức theo kiểu đại học phương Tây lần lượt được thành lập ở trong nước. Năm 1870, ở Tokyo có 6 trường đại học mới được thành lập và đến năm 1877 trường đại học nổi tiếng nhất ở Nhật – Đại học Tokyo được thành lập, sau đổi tên thành Đại học Đế quốc Tokyo vào năm 1886. Điều đáng chú ý là vào thời kỳ này, ngoài hệ thống trường công thì các trường tư thục, dân lập cũng rất phát triển và rất được khuyến khích nhằm đem lại kiến thức cho mọi người dân

Nhật Bản. Trong đó có ngôi trường nổi tiếng của Fukuzawa đó là Keio Gijuku. Nơi đây đã đào tạo ra hàng trăm sinh viên thuộc các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, luật...góp thêm nguồn nhân lực lớn cho đất nước. Về sau chính từ ngôi trường này đã cho ra đời nhiều nhà doanh nghiệp, học giả và chính trị gia lừng danh.

Không có gì thuận lợi hơn trong việc áp dụng những thành tựu khoa học kỹ thuật vào sự phát triển kinh tế đất nước, khi có một đội ngũ thanh niên trẻ được trực tiếp học tập những kiến thức khoa học kỹ thuật hiện đại của phương Tây về vận dụng ngay trên đất nước mình. Do đó, để tạo nguồn lực khoa học cho tương lai, chính phủ Nhật Bản tích cực đưa thanh niên ra nước ngoài học tập tiếp thu kiến thức mới để trở về phục vụ đất nước. Fukuzawa được xem là một trí thức lưu học dưới thời Tokugawa dưới hình thức phái đoàn ngoại giao đi thăm và thị sát các nước Âu – Mỹ. Năm 1870, chính phủ lập “Văn phòng quản trị du học sinh”, có trách nhiệm quản lý và tổ chức cử học sinh ra nước ngoài học tập. Năm 1872, Bộ giáo dục Nhật Bản ban hành những nội quy dành cho du học sinh, trong đó có quy định các trường đại học có nhiệm vụ chọn lựa những học sinh giỏi, có đạo đức tốt để đưa đi du học. Để đỡ gánh nặng tài chính, Chính phủ cũng khuyến khích các du học sinh tự túc ra nước ngoài học tập. Theo thống kê, năm 1873 có 373 du học sinh, trong đó có 123 người là tự túc học tập. Hầu hết những du học sinh này theo học các nước có trình độ khoa học tiên tiến lúc bấy giờ, như: Mỹ, Anh, Pháp, Đức, Hà Lan...và theo học các ngành văn, luật, kinh tế...Sau khi tốt nghiệp họ trở thành nguồn lực quý giá góp phần phát triển đất nước.

Bên cạnh việc cử thanh niên đi du học, chính quyền Minh Trị còn mời đội ngũ đông đảo các chuyên gia nước ngoài đến Nhật Bản công tác, đây là một biện pháp thu thập kiến thức phương Tây một cách có hiệu quả và ít tốn kém. Chính phủ đã dành một khoản ngân sách khá lớn, khoảng 14% ngân sách quốc gia để mời họ đến Nhật giảng dạy tại các trường học và điều hành các công trình xây dựng, làm việc trong các nhà máy...Chính phủ cũng không ngần ngại trả lương cao cho sự đóng góp của họ, hơn cả lương của Tổng lý Đại thần (tương đương Thủ tướng ngày nay). Các chuyên gia đến từ nước ngoài nhiều nhất là các nước Anh, Pháp, Mỹ..., theo thống kê, có 142 giáo sư nước ngoài được mời tới Nhật giảng dạy trong 20 năm đầu thời Minh Trị. Các giáo sư này ngoài việc phụ trách giảng dạy ở các trường đại học còn tích cực giới thiệu nền văn hóa, tư tưởng kỹ thuật của nước họ cho người dân Nhật Bản, vì thế không chỉ có giáo dục mà các lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật, kỹ thuật của Nhật cũng rất phát triển. Khi nâng cấp ngôi trường của mình lên Đại học, Fukuzawa cũng đã mời nhiều giáo sư nước ngoài đến phụ trách các khoa. Ngoài ra, nhiều đoàn nghiên



cứu được cử ra nước ngoài học tập những tiến bộ của phương Tây, sau khi về nước đã phối hợp với các giáo sư nước ngoài thiết lập nên hàng loạt cơ cấu thuộc đủ lĩnh vực theo mô hình của phương Tây. Đây là một trong những bước đi của chính quyền Minh Trị nhằm thay thế dần các chuyên gia nước ngoài bằng các chuyên gia trong nước.

Việc du nhập văn hóa Âu, Mỹ của chính quyền Minh Trị dưới hình thức dịch sách vở nước ngoài ra tiếng Nhật là phương pháp quan trọng mang tính chất quần chúng. Nó nhằm phổ biến những kiến thức mới lạ vào đời sống nhân dân. Do đó, chính phủ đã quan tâm đến việc đưa sách vở nước ngoài vào Nhật Bản. Fukuzawa là người đi tiên phong trong lĩnh vực này. Những chuyến du hành sang phương Tây ông đã mua một số lượng lớn các sách nguyên bản mang về nước, bản thân ông cũng phiên dịch nhiều sách hay trở thành tài liệu quý giá cho nước Nhật. Một số sách mà Fukuzawa đã viết và có tham khảo các nguồn sách phương Tây từ năm 1868-1875:

Năm	Tên sách	Nguồn sách phương Tây
1866- 1868	<i>Manipulation of the Rifle</i>	A.Walker, <i>The Rifle; its theory and practice</i> , London, 1864.
1868	<i>Handbook for Soldiers</i>	H.L.Scott, <i>Military Dictionary</i> , New York, 1861.
	<i>Illustrated Introduction to Physics</i>	- H.G. Bohn, <i>Pictorial Hand-Book of Modern Geography</i> , London, 1861, - <i>Chambers's Natural Philosophy (Educational Course 1836)</i> 2 vols, Edinburgh. - S.S. Cornell, <i>Cornell's High School Geography</i> , New York, 1856. - <i>Mitchell's Modern Atlas</i> , Philadelphia, 1866. - G.P. Quackenbos, <i>A Natural Philosophy</i> , New York, 1859. - M.A. Swift, <i>First Lessons on Natural Philosophy for Children</i> , Hartford, 1833.
1869	<i>Western Strategy of War</i>	E.Schalk, <i>Summary of the Art of War</i> , 2nd edn, Philadelphia, 1862.
	<i>Pocket Dictionary of the World</i>	- G. Ripley & C.A. Dana, <i>The New American Cyclopaedia</i> , 16 vols, New York, 1866-1867. - J.R. McCulloch, <i>A Dictionary Geographical</i> ,

		<p><i>Statistical and Historical of Various, Places, and Principal Natural Objects in the World</i>, 2 vols, London, 1854.</p> <p>- G.W. Cox (W.T. Brande ed.) <i>A Dictionary of Science, Literature and Art</i>, 3 vols, London, 1856-1867.</p> <p>- Cornell, <i>Cornell's High School Geography</i></p>
	<i>British Parliament</i>	<p>- Cox, <i>A Dictionary of Science, Literature and Art</i></p> <p>W. Blackstone, <i>Commentaries on the Laws of England</i>, 4 vols, London, 1765-1769.</p> <p>- D.L. Beal, <i>The Student's Textbook of English and General History from B.C 100 to the Present Time</i>, London, 1858.</p>
	<i>Anglo-Chinese Relations</i>	Newspapers
	<i>All about the World</i>	<p>- S.G. Goodrich, <i>Parley's Universal History</i>, New York, 1841.</p> <p>- <i>Mitchell's Modern Atlas</i></p>
1871	<i>Introduction to Hand-writing</i>	Không có nguồn
1872-1876	Khuyến học	Wayland, <i>Elements of Moral Science</i> , Boston, 1834.
1872	<i>Western Moral Stories and Discourses for People</i>	<p>- <i>Chambers's Moral Class-Books Advanced Reading (Educational Course)</i>.</p> <p>- A.F. Tytler, <i>Elements of General History</i>, Edinburgh &amp; London, 1866.</p>
1872	<i>Strange Girl</i>	Không có nguồn
1873	Đổi lịch	Không rõ
	<i>Bookkeeping</i>	H.B. Bryant and H.D. Stratton, <i>Common School Bookkeeping; embracing single and double entry</i> , New York & Chicago, 1871.

	<i>Lessons in Writing</i>	Không có nguồn
	<i>Presiding over Meetings</i>	Không rõ
1875	An outline of a theory of Civilization	<ul style="list-style-type: none"> <li>- H.T. Buckle, <i>History of Civilization in England</i>, 2 vols, London, 1875.</li> <li>- <i>Chambers's Political Economy for Use in School and Private Instruction</i>, Edinburgh, 1852.</li> <li>- F.P.G. Guizot, <i>General History of Civilization of Europe</i>, Oxford, 1856.</li> <li>- J.S. Mill, <i>Principles of Political Economy</i>, London, 1848.</li> <li>- J.S. Mill, <i>On Liberty</i>, London, 1859.</li> <li>- J.S. Mill, <i>Considerations on Representative Government</i>, London, 1861.</li> <li>- <i>Mitchell's School Geography Wayland, Elements of Moral Science</i>.</li> </ul>

Nguồn: [44, tr.153-155].

Chính cách thức này mới truyền thụ một khối lượng lớn kiến thức mới lạ cho dân chúng trong nước một cách nhanh chóng. Năm 1869, chính phủ thành lập Ban biên tập và phiên dịch sách vở nước ngoài. Năm 1873, ban biên tập đã xuất bản được 123 cuốn. Năm 1874 xuất bản thêm 133 cuốn mang những nội dung phong phú, đa dạng.

Năm 1879, Tokyo Gakushi In được thành lập (Đông kinh học sĩ viện, tiền thân của Hàn lâm viện Nhật Bản ngày nay), đánh dấu bước phát triển mới về quản lí khoa học, giáo dục Nhật Bản theo phương pháp hiện đại, Fukuzawa rất vinh dự và rất xứng đáng được bầu làm viện trưởng đầu tiên.

Tóm lại, từ thời Minh Trị nền giáo dục Nhật Bản bắt đầu cất cánh. Khi đánh giá về sự đóng góp giáo dục với vấn đề canh tân hóa đất nước, trong tổng kết 100 năm nền giáo dục Nhật Bản sau Minh Trị Duy tân, người ta không ngần ngại coi Fukuzawa là “người thầy chủ yếu của giai đoạn Minh Trị”. Nếu như mọi người đều tán thành sự phát triển của nước Nhật ngày nay, một nguyên nhân quan trọng nhất là kết quả của công tác giáo dục, khởi đầu từ Minh Trị thì Fukuzawa là người có công lao nhất [13, tr.81].

### 3.2. Văn minh khai hóa và sự biến đổi của xã hội Nhật Bản

Trong thời kì Minh Trị Duy tân, chủ trương tiếp thu văn minh phương Tây để hiện đại hóa đất nước, phong trào văn minh khai hóa lan rộng khắp cả nước Nhật. Đặc biệt, trong 10 năm đầu thời Minh Trị có thay đổi to lớn trong đời sống tinh thần cũng như vật chất của người dân Nhật Bản. Khoảng thời gian này thường được gọi là thời kỳ Bunmei kaika (Văn minh khai hóa). Người Nhật vốn có sự nhạy cảm với văn minh bên ngoài, nay họ say sưa tiếp nhận nền văn minh mới lạ của phương Tây như họ đã từng say mê và yêu chuộng văn minh Trung Quốc vào cuối thế kỉ VII và VIII [47, tr.130-131].

Trong sự nghiệp văn minh khai hóa Nhật Bản, Fukuzawa Yukichi và những người trong nhóm Meirokusha (Minh lục xã) có công lao rất nhiều. Họ đã dịch các tác phẩm khai sáng của phương Tây ra tiếng Nhật, phổ biến trong dân chúng, viết báo tuyên truyền, cổ vũ cho sự nghiệp văn minh khai hóa.

Ánh sáng văn minh của phương Tây bắt đầu tỏa rộng khắp nước Nhật và trên mọi lĩnh vực. Điều mà người ta thấy ngay đầu tiên là sự thay đổi diện mạo ở các đô thị lớn. Ở đây người ta thấy nhiều ngôi nhà kiểu cũ ở Nhật Bản dần nhường chỗ cho những ngôi nhà mới khang trang mọc lên khắp phố phường, mang vẻ đẹp theo lối kiến trúc phương Tây điểm tô cho các thành phố. Các thành phố rực rỡ hơn đã mang tới cho dân chúng cảm giác mới mẻ, tân tiến. Những tòa nhà theo lối kiến trúc phương Tây được xây bằng gạch mọc lên khắp nơi ở Tokyo, Osaka, Yokohama, Kobe và nhiều thành phố khác. Không chỉ vậy, về đêm các thành phố trở nên bùng sáng hơn bởi được lắp đặt những đèn đèn được thắp sáng bằng khí đốt có kiến trúc lạ. Làm cho các thành phố như vừa được đánh thức sau một thời gian dài ngủ yên.

Đi cùng với sự thay đổi trong kiến trúc đô thị thì cách ăn mặc tân thời theo nhịp điệu thời trang phương Tây cũng rất được chú trọng. Trước hết là thay đổi ở những người có địa vị, họ khoác lên mình những bộ âu phục sang trọng, đội mũ phương Tây, đi những đôi giày da bóng loáng thay cho những đôi guốc gỗ (Geta) và dép rom (Zori) thô kệch ngày nào [29, tr.36]. Không chỉ vậy, những người đàn ông mang những búi tóc dài giờ đã chuyển sang cắt tóc ngắn để hợp thời trang; thêm vào đó họ còn để râu trông rất chững chạc, không kém gì người phương Tây. Phong trào Tây hóa ngày càng được xem trọng đến nỗi vào năm 1871, chính phủ Minh Trị ra sắc lệnh cắt tóc ngắn và chính Minh Trị Thiên Hoàng là người đi đầu trong phong trào cắt tóc ngắn, mặc Âu phục. Năm 1872, Chính phủ ban hành tiếp quy định buộc quan chức phải mặc Âu phục trong các nghi lễ chính thức. Không chỉ thay đổi ở nam

giới, mà nhiều phụ nữ cũng hòa theo xu hướng Âu hóa, họ mặc những chiếc váy theo kiểu phương Tây, uốn tóc xoắn và tay mang dù trông rất quý phái và sang trọng. Phong trào Âu hóa tràn lan đến độ bất cứ cái gì của phương Tây cũng được xem là sang trọng, quý phái. Những từ ngữ hiện đại xuất hiện như chữ haikara có nghĩa là “hợp thời trang”.

Vì quyết tâm văn minh hóa theo phương Tây, năm 1873, chính phủ Minh Trị quyết định bỏ Âm lịch - vốn được sử dụng bấy lâu ở một số nước phương Đông trong đó có Nhật Bản, bởi Âm lịch phù hợp với mùa màng hơn - để dùng Dương lịch, bất chấp sự phản đối của nông dân và ngư dân. Năm 1873, Fukuzawa có xuất bản một cuốn sách “Đổi lịch”, việc chính phủ Minh Trị quyết định bỏ Âm lịch, sử dụng Dương lịch phải chăng đã tham khảo từ nguồn sách của Fukuzawa?

Phong trào văn minh hóa còn thay đổi cả về cách ăn uống. Trước kia người Nhật ít nuôi gia súc nên họ ít ăn thịt thì nay sự phát triển của ngành chăn nuôi, cùng với ảnh hưởng của phong trào Âu hóa khiến họ ăn thịt nhiều hơn, nhất là thịt bò bắt đầu được thông dụng. Trước đó, thịt bò chỉ sử dụng rất ít, nay ăn thịt bò trở thành một biểu tượng của “văn minh khai hóa”. Thậm chí thời bấy giờ có câu “gyunabe wo kuwaneba hirakenu”, tức là “không ăn lẩu bò thì không văn minh”. Một trong những món ăn dùng thịt bò bắt đầu được phổ biến từ lúc này là món sukiyaki, ngày nay đã trở thành món ăn “truyền thống” của Nhật Bản. Sữa bò, bia, bánh mì cũng bắt đầu được phổ biến.

Ánh sáng văn minh phương Tây không chỉ diễn ra ở thành thị, mà còn lan truyền đến những miền quê. Trong đó phải kể đến vai trò truyền bá nhiệt tình của các quân nhân trong quá trình văn minh khai hóa từ thành thị về phổ biến ở nông thôn. Bởi họ khi còn gia nhập trong quân đội thì từ quân phục cho đến các thức uống, phòng ngủ... đều theo kiểu phương Tây, do đó khi xuất ngũ, về quê, họ là người tích cực truyền bá nếp sống văn minh.

Một biểu tượng của phong trào văn minh khai hóa là việc chính Minh Trị xây dựng Rokumeikan (Lộc Minh quán), một tòa nhà hai tầng có kiến trúc tráng lệ theo kiểu phương Tây vào năm 1883 để làm chỗ tiếp đãi quan khách nước ngoài, đồng thời là nơi giao lưu của giới thượng lưu. Mỗi tối chủ nhật đều có tổ chức khiêu vũ cho đoàn ngoại giao và một số chính khách Nhật.

Những hình ảnh trên cho thấy nước Nhật đã ngày càng “thay da, đổi thịt”, phong trào văn minh khai hóa phát triển rộng khắp, mang một diện mạo mới sáng sủa hơn. Sự thay đổi đó gắn liền với những công lao to lớn của Fukuzawa Yukichi, một người suốt đời tận tụy mong muốn Nhật Bản được giàu mạnh, vươn lên cùng các cường quốc phương Tây.

### 3.3. Sự chuyển mình của nền kinh tế Nhật Bản

Dưới thời Tokugawa công việc kinh doanh được xem là một công việc thấp hèn và chỉ dành cho các chonin. Dù vậy Fukuzawa lại có một suy nghĩ đi trước thời đại. Trong bước chuyển mình của thời thế cũng như sự thay đổi chính quyền ở Nhật Bản, cần phải có một cái nhìn mới mẻ hơn và điều cần thiết là góp sức xây dựng đất nước. Như lí luận ở trên, Fukuzawa rất xem trọng sự phát triển kinh tế Nhật Bản. Bởi theo ông, Nhật Bản muốn tiến lên một cường quốc thì không thể không có một nền kinh tế vững chắc làm nền tảng.

Với mục tiêu độc lập quốc gia và từng bước tiến lên bình đẳng với các nước phương Tây, nên sau khi lên nắm quyền, chính quyền Minh Trị tiến hành hàng loạt cải cách để kiến thiết đất nước, trong đó rất coi trọng cải cách kinh tế. Bước đi này rất đúng với chủ trương của Fukuzawa.

Sau khi thiết lập chính quyền, nguồn tài chính chủ yếu của chính phủ Minh Trị trong thời gian đầu chỉ dựa vào thu địa tô hàng năm được kế thừa từ chính quyền Mạc phủ. Tuy nhiên, nguồn thu này không đủ để trang trải cho những chi phí khổng lồ của chính phủ mới đã tiêu dùng, như: dùng kinh phí trong quá trình lật đổ Mạc phủ; trả những món nợ mà sau cải cách bỏ hạn lập huyện chính quyền mới phải gánh vác; trả hưu bổng cho các daimyo và shizoku. Bởi vậy, vào thời gian đầu chính phủ gặp rất nhiều khó khăn về tài chính, cụ thể là từ tháng 9-1868 đến tháng 12-1872, chi phí tổng cộng mà chính phủ đã tiêu dùng là 148,3 triệu yên, trong khi nguồn thu nhập chỉ có 50,4 triệu yên [22, tr.120]. Như vậy chính phủ Minh Trị có biện pháp nào ổn định được nguồn thu nhập để chi tiêu?

Biện pháp đầu tiên mà chính phủ đề ra là thi hành hàng loạt cải cách về tiền tệ, ngân hàng và địa tô. Okuma Shigenobu là người có trách nhiệm chính trong các cải cách này. Ito Hirobumi làm phụ tá (trước đó đã được gọi sang Mỹ nghiên cứu về hệ thống tiền tệ). Họ dựng xưởng đúc tiền, quy định đơn vị tiền tệ của Nhật Bản là đồng yên. Ngoài ra còn thiết lập hệ thống ngân hàng quốc gia giống như Mỹ (năm 1872).

Cải cách địa tô được tiến hành từ năm 1873 đến năm 1881. Để thực hiện bước đầu của cải cách quan trọng này, chính phủ phế bỏ các hạn chế về cách dùng ruộng, công nhận quyền tự do trồng trọt mùa màng và chấp nhận tự do buôn bán đất đai. Tiếp đến người nộp thuế được quy định là chủ đất chứ không phải là người sản xuất, phát hành chi – ken (địa khoán) để làm chứng từ. Trước đó, địa tô được thu nộp hàng năm bằng sản phẩm, tùy theo vụ mùa được hay mất mà khoản thu nộp khác nhau, nên chính phủ rất khó dự định ngân

sách cho mỗi năm. Nay chính phủ quyết định đánh thuế theo giá đất, tiền thuế tương đương 3% của giá đất, tỉ lệ này được áp dụng chung trên khắp cả nước. Như vậy, có thể nói sau cải cách địa tô, chính quyền mới đã tạo dựng được cơ sở tài chính khá vững chắc [47, tr.118-119].

Tiếp đến, để tiến hành cải cách công nghiệp một cách có hiệu quả, năm 1870, chính phủ Minh Trị đã thành lập Bộ Công nghiệp và đến năm 1840, thành lập Bộ Tài chính được tách ra từ Bộ Nội vụ nhằm lãnh đạo cải cách tài chính. Ito Hirobumi là Bộ trưởng Bộ Công nghiệp, còn Bộ Tài chính do Okuma Shigenobu làm Bộ trưởng. Sự thiết lập các Bộ ngành Công nghiệp và Tài chính là rất cần thiết, bởi đây là cơ quan chuyên trách quản lý phát triển công nghiệp và điều hành tài chính quốc gia, đồng thời là cơ quan hoạch định và tư vấn các chính sách, chiến lược phát triển kinh tế trong nước cho chính phủ.

Trong bối cảnh các nước phương Tây ào ạt đổ sang phương Đông, đang hùng hực khí thế với những đội quân hiện đại được trang bị đầy đủ đã tác động mạnh đến các nhà lãnh đạo trong chính phủ Minh Trị. Họ cũng nghĩ rằng Nhật Bản rất cần thiết phải có hải quân và lục quân, lực lượng quan trọng đảm bảo an ninh đất nước. Do đó, trước hết ngành công nghiệp quân sự rất được chú trọng và củng cố. Nên giai đoạn đầu của sự nghiệp công nghiệp hóa Nhật Bản gắn liền với nền công nghiệp quân sự. Những cơ sở công nghiệp quân sự để lại dưới thời Mạc phủ đã tạo ra một nền móng vững chắc cho phát triển công nghiệp quân sự sau này. Công nghiệp quân sự là những cơ sở sản xuất vũ khí hiện đại, nhiều thiết bị tối tân và thu hút một lượng lớn các nhân tài về khoa học kĩ thuật ở Nhật. Hơn nữa, đây cũng là cơ sở chủ yếu của ngành chế tạo máy móc, đóng tàu hiện đại phục vụ cho dân sự. Vì thế sự lớn mạnh của ngành quân sự có ảnh hưởng to lớn đến sự phát triển kinh tế Nhật Bản nói chung và ảnh hưởng đến những thắng lợi quân sự sau này của Nhật. Vì chú trọng đến nền công nghiệp quân sự, nên ngành quân nhu rất được đầu tư [33, tr.96].

Các công ty quốc doanh tư sơi và quân nhu nổi tiếng vào lúc bấy giờ là: Công ty Tomioka Seishijo ở Gunma, Senju Seijujo ở Tokyo, Aichi Bosekijo ở huyện Aichi, Tokyo Hohei Kosho (Đông Kinh pháo binh công xưởng), Osaka Hohei Kosho (Đại phản pháo binh công xưởng)...

Nhờ tích cực phát triển và đưa các phương thức sản xuất hiện đại từ nước ngoài vào, bắt đầu từ năm 1880, 30% lụa do Nhật xuất cảng dệt bằng máy, có chất lượng hơn hẳn lụa dệt bằng tay của các nước châu Á khác và đã có thể cạnh tranh với lụa châu Âu. Vì lụa là

một hàng xuất cảng quan trọng của Nhật (chiếm 43% tổng số hàng xuất cảng) bắt đầu từ khoảng năm 1885, Nhật đã chiếm một vị trí khá thuận lợi trong ngoại thương.

Để hỗ trợ cho việc xây dựng một nền công nghiệp hiện đại, các phương tiện giao thông và hệ thống thông tin liên lạc cũng được đầu tư xây dựng.

Năm 1869, Nhật khánh thành hệ thống điện tín Tokyo – Yokohama, sau đó lần lượt được mở rộng đến nhiều tỉnh thành khác trong cả nước. Đến năm 1876, đường điện thoại giữa Tokyo và Yokohama cũng được đưa vào sử dụng, chỉ một năm sau khi máy điện thoại được Alexander G. Bell, người Canada phát minh.

Năm 1872, đường xe lửa Tokyo – Yokohama được khánh thành, đây là tuyến đường sắt huyết mạch đầu tiên của Nhật Bản. Về sau nhiều tuyến đường sắt khác được tiếp tục khai thông. Năm 1874 là tuyến Osaka – Kobe, năm 1877 là tuyến Kyoto – Osaka và đến năm 1889 toàn bộ tuyến đường Tokaido nối liền Tokyo và Kobe được hoàn thành.

Ngoài phương tiện vận chuyển đường sắt, phương tiện vận chuyển đường biển cũng được chú trọng. Trong đó phải kể đến là công ty đường biển Mitsubishi nổi tiếng của Iwasaki Yataro (1834-1885), là một võ sĩ xuất thân từ Tosa. Nếu trước thời đại Minh Trị tầng lớp võ sĩ chỉ lo việc cung kiếm và công việc kinh doanh chỉ dành cho tầng lớp thấp hèn chonin. Nhưng sau khi nắm quyền, chính phủ mới đã tiến hành bãi bỏ đặc quyền của võ sĩ, họ được gọi chung là “sĩ tộc” (shizoku), chế độ bổng lộc trước đây đã không còn, một số trở nên nghèo túng, số khác muốn vươn lên nên phải dấn thân vào con đường kinh doanh để tồn tại. Và họ cũng được số đông trong xã hội ủng hộ, chí ít là có Fukuzawa. Bởi theo ông, mấy trăm năm dưới chế độ phong kiến giai cấp võ sĩ vốn được người dân kính trọng, nay họ đi tiên phong trong công cuộc phát triển kinh tế, hô hào chấn hưng thương mại thì người ta dần dần sẽ bắt chước. Năm 1873, Iwasaki Yataro được Tosa-han nhượng lại tàu bè, sau đó được chính phủ Minh Trị ủy nhiệm vận chuyển quân sự khi Nhật xuất binh sang Đài Loan năm 1874. Đến năm 1875, Iwasaki thành lập nên công ty nổi tiếng đến tận ngày nay là Mitsubishi. Buổi đầu hoạt động của công ty Mitsubishi chuyên vận tải về đường biển. Khi võ sĩ ở Satsuma nổi loạn (1877), công ty này lại được chính phủ trung ương giao giữ trách nhiệm vận tải quân nhu. Chính nhờ có công với chính phủ Minh Trị, nên công ty Mitsubishi được chính phủ ưu ái, nâng đỡ, vì vậy mà số lượng tàu bè của công ty này (không kể tàu đánh cá) chiếm đến 80% số lượng tàu của Nhật Bản lúc bấy giờ. Sự lớn mạnh của công ty Mitsubishi được dẫn dắt bởi Iwasaki vốn xuất thân từ giai cấp võ sĩ trở thành một nhà kinh doanh xuất sắc đã chứng minh quan điểm đúng đắn của Fukuzawa.



Ngoài Iwasaki, còn có một số người nổi tiếng khác cũng xuất thân từ giai cấp trên, có thể kể đến: Shibusawa Eiichi (1840-1931), là tổng giám đốc Daiichi Kokuritsu Ginko (Đệ nhất Quốc lập Ngân hàng), đồng thời cũng là người đặt viên gạch đầu tiên cho nền xí nghiệp cận đại của Nhật Bản, và Masuda Takishi (1848 -1938), người sáng lập ra công ty Mitsui Bussan và đã có đóng góp lớn cho sự phát triển của công ty Mitsui.

Bên cạnh đó, chính phủ còn tiến hành nhiều biện pháp để chấn hưng sản nghiệp trong nước, bắt đầu mở rộng xuất khẩu. Bộ Công nghiệp đưa ra phương châm chấn hưng sản nghiệp trong nước, điều này là hoàn toàn đúng, tuy nhiên Nhật Bản lúc này quá bị lệ thuộc nhiều về thiết bị nhập khẩu. Vì vậy mà Okubo đã đưa ra đề xuất là trồng dâu, nuôi tằm, ươm tơ, dệt lụa xuất khẩu và tích cực nhập bông về xe sợi, dệt vải để xuất khẩu. Đây chính là biện pháp rất quan trọng để Nhật Bản đổi lấy ngoại tệ nước ngoài [33, tr.98-99].

Để chuyển đổi toàn diện sang nền kinh tế tư bản chủ nghĩa, đòi hỏi Nhật Bản cũng phải thực hiện các vấn đề về chế độ bảo hiểm, chế độ công trái, chế độ tiền tệ, chế độ ngân hàng, chế độ công ty cổ phần...Sau này Ngân hàng nhà nước được thành lập và từ năm 1880 đổi thành ngân hàng Trung ương và đổi ngân hàng nhà nước sang ngân hàng phổ thông.

Từ năm 1872 – 1884 sản lượng công nghiệp toàn quốc tăng 4 đến 5 lần. Năm 1874, tổng sản phẩm quốc nội đạt khoảng 172 triệu yên, trong số đó công nghiệp chiếm khoảng 30%.

Không chỉ đưa ra lý luận về sự cần thiết phát triển kinh tế của Nhật Bản mà bản thân Fukuzawa cũng dẫn thân vào con đường kinh doanh, ngay cả trường Keio Gijiku cũng đã đào tạo nhiều tầng lớp doanh nhân cho đất nước Nhật Bản.

### **3.4. Nước Nhật giữ vững độc lập và trở thành một cường quốc**

Vào cuối thế kỷ XIX hầu hết các nước châu Á đều trở thành thuộc địa hay nửa thuộc địa của các nước phương Tây, nên khi chính quyền Minh Trị được thiết lập những nhà lãnh đạo rất lo lắng vận mệnh của đất nước, bởi quan hệ giữa Nhật Bản và các cường quốc phương Tây còn ràng buộc với nhau bằng nhiều hiệp ước bất bình đẳng. Vì vậy, trong chính sách ngoại giao của chính quyền mới thể hiện rõ hai khuynh hướng cơ bản: Một là, Nhật kiên trì cuộc đấu tranh để “sửa đổi” những điều khoản bất bình đẳng trong các hiệp ước ký kết với phương Tây, tranh thủ điều kiện để duy tân đất nước; Hai là, Nhật Bản không ngừng triển khai công cuộc bành trướng ra bên ngoài mà trước hết là khu vực Đông Á [45, tr.172-174].

Vào tháng 11 năm 1871, chính phủ đã cử phái đoàn do Iwakura dẫn đầu lên đường sang Mỹ và châu Âu để đàm phán về vấn đề bất bình đẳng trong các hiệp ước trước đây, mà trước hết là về quyền lãnh sự tài phán và chủ quyền quan thuế. Tuy nhiên, chuyến đi đã không mang lại kết quả đáng kể nào về phương diện này. Nhưng bù lại, phái đoàn của Iwasaki có dịp tận mắt quan sát đời sống chính trị và sự phát triển công nghiệp của các nước phương Tây. Sự thất bại trong việc thương thuyết với các nước Âu, Mỹ trên thực tế đã làm chính phủ Minh Trị càng quyết tâm cận đại hóa, mà cụ thể là học tập tiếp thu văn minh phương Tây, “Thoát Á” để khẳng định là một cường quốc, từ đó tiến tới đứng ngang hàng với cường quốc Âu - Mỹ như chủ trương của Fukuzawa “với tư cách là một quốc gia, thì Nhật Bản hoàn toàn ngang hàng với các nước đế quốc phương Tây” [3, tr.51].

Trong khi phái bộ Iwakura đang ở nước ngoài, công việc của chính phủ được giao cho Okuma, Saigo và Itagaki đảm nhiệm. Ba người này có ý định cử Saigo mang quân sang Triều Tiên, trước là để “thị uy” vì Triều Tiên không chịu “mở cửa”, sau là giải quyết vấn đề bất mãn của giai cấp shizoku. Đến tháng 9 năm 1873, phái bộ Iwakura về nước. Nhận rõ sự lạc hậu, yếu kém của Nhật Bản đối với phương Tây, Iwakura đã khuyến cáo chính phủ nên tạm hoãn cuộc viễn chinh sang Triều Tiên, để tập trung ưu tiên cho vấn đề duy tân tự cường trong nước. Tức giận về điều này, nên Saigo và Itagaki cáo quan về quê.

Chính phủ Minh Trị một mặt đồng ý bãi bỏ kế hoạch xâm chiếm Triều Tiên, mặt khác để vỗ về phe chủ chiến nên vào tháng 5-1874 đã phái Saigo Tsugumichi (1843-1902) em ruột của Saigo Takamori, dẫn quân sang Đài Loan để “vấn tội” Đài Loan đã giết hại 54 thủy thủ người Lưu Cầu trôi giạt vào đảo này vào năm 1871 (đảo Lưu Cầu vốn là một vương quốc có liên hệ triều cống với Trung Quốc từ lâu, đến thế kỷ XVII Nhật đã đặt Lưu Cầu vào ảnh hưởng tuyệt đối của mình và cải tên thành Ryukyu han – Lưu cầu phiên). Kết quả là 10-1874, Nhật giành chiến thắng, buộc Trung Quốc ký hiệp ước bồi thường cho Nhật 50 vạn lạng bạc. Đến năm 1879, Nhật đổi tên Ryukyu han thành huyện Okinawa.

Tiếp đó, trong năm 1875, Nhật lợi dụng sự suy yếu của chính quyền Nga Hoàng ở Viễn Đông và sai lầm của nền ngoại giao Nga, để đạt được Hiệp ước Nga – Nhật ngày 7-5-1875 về việc Nga chấp nhận trao quần đảo Kurin cho Nhật, để đổi lấy việc Nhật từ bỏ tham vọng đối với Sakhalin.

Năm sau, ngày 26-2-1876, bằng sự đe dọa vũ lực Nhật đã buộc Triều Tiên phải ký hiệp ước Kanghwa (Giang hoa) với 13 điều khoản, đánh dấu chính thức việc “mở cửa” Triều Tiên. Sự kiện này mở đầu cho quá trình tranh chấp lâu dài và phức tạp giữa Trung

Quốc và Nhật Bản trong vấn đề bán đảo Triều Tiên. Về sau mâu thuẫn về quyền lợi giữa hai bên về vấn đề này ngày càng gay gắt, nên đến năm 1894 chiến tranh Nhật – Trung đã bùng nổ. Điều đáng chú ý là khoảng 2 tuần trước khi tấn công Trung Quốc, ngày 16-7-1894 Nhật đã đạt được việc ký kết với Anh hiệp ước Aoki-Kimberley về việc sẽ thủ tiêu quyền lãnh sự tài phán của Anh vào năm 1899. Mặc dù tới 1-8-1894 Nhật mới tuyên chiến với Trung Quốc, nhưng hành động quân sự đã bắt đầu từ 25-7-1894. Kết quả Nhật đã giành chiến thắng, đến ngày 17-4-1895 Trung Quốc chấp nhận ký kết hiệp ước Shimonoseki (Hạ quan). Theo đó Trung Quốc phải từ bỏ quyền lợi của mình ở Triều Tiên; thừa nhận ưu thế của Nhật trên bán đảo này, đồng thời cắt đất Đài Loan, quần đảo Bành Hồ và bán đảo Liêu Đông cho Nhật; bồi thường 200 triệu lượng (khoảng 360 triệu yên thời bấy giờ); ký điều ước thông thương và hàng hải...

Trước chiến tranh Nhật – Trung, các nước phương Tây dự đoán rằng Nhật Bản nhỏ bé sẽ bị gã Trung Quốc khổng lồ đè bẹp một cách dễ dàng. Thế nhưng kết quả xảy ra ngược lại với dự đoán trên, Nhật Bản giành chiến thắng một cách tuyệt đối. Mặc dù chiến tranh giữa hai nước liên quan đến vấn đề tranh chấp quyền lợi ở Triều Tiên, nhưng một số nhà lãnh đạo và trí thức Nhật cho rằng thắng lợi của Nhật đối với Trung Quốc sẽ tạo ra một vận hội mới cho uy tín của Nhật trên trường quốc tế: các nước phương Tây sẽ cho rằng Nhật khác với Trung Quốc, không còn là một nước châu Á chậm tiến nữa, do đó quyền lợi của Nhật trên thế giới sẽ không còn thua thiệt và được tôn trọng hơn. Fukuzawa là một trong những người nêu ra quan điểm này. Từ lâu ông chủ trương cần phân thắng bại với Trung Quốc, để các nước phương Tây khỏi lẫn lộn Nhật Bản là “một nước bình thường ở châu Á” dễ bị phương Tây lấn áp như Trung Quốc. Ông gọi chiến tranh Nhật – Trung là cuộc chiến tranh giữa “văn minh” và “dã man” và bản thân ông đã ủng hộ 10 ngàn yên – một số tiền khá lớn vào thời kỳ này – vào ngân quỹ chiến tranh của đất nước [47, tr.159].

Thắng lợi của Nhật trong cuộc chiến với Trung Quốc là một thắng lợi vang dội. Nó chứng minh ưu thế của một Nhật Bản trẻ trung, duy tân theo con đường tư bản chủ nghĩa trước “con rồng” nhà Thanh ở Trung Quốc đang già cỗi. Sau thắng lợi này, ngày 17-7-1899, Anh đã chính thức hủy bỏ quyền lãnh sự tài phán của mình đối với Nhật theo tinh thần của Hiệp ước Aoki-Kimberley 1894. Tiếp đó, các nước phương Tây khác cũng lần lượt “theo gương” nước Anh ký những điều ước tương tự và đồng ý triệt hồi đặc quyền ngoại giao. Đây là một thắng lợi dây chuyền quan trọng, Nhật Bản đang dần dần thoát khỏi tầm kiểm

soát của các nước phương Tây thông qua các điều ước bất bình đẳng đã ký trước đó [28, tr.64].

Thắng lợi của Nhật ở đại lục Đông Á đã gây lo ngại cho các cường quốc phương Tây, trước hết là Nga. Vì vậy, được sự ủng hộ của Đức và Pháp nên Nga đã gây áp lực nhằm buộc Nhật “trả lại” bán đảo Liêu Đông cho Trung Quốc, để rồi Nga lại buộc Trung Quốc cho mình “thuê” lại bán đảo này trong 25 năm, khiến quan hệ giữa Nhật và Nga ngày càng trở nên căng thẳng.

Sau khi cùng với Liên quân 8 nước đàn áp phong trào Nghĩa hòa đoàn ở Trung Quốc năm 1900, ngày 30-1-1902 Nhật đã ký hiệp ước liên minh với Anh. Hiệp ước có những điều khoản quan trọng, như: nếu một trong hai nước Anh, Nhật ở trong tình trạng chiến tranh với nước thứ ba, thì nước kia phải tuân thủ nguyên tắc trung lập; nếu một trong hai nước bị nước khác tấn công thì nước kia phải có nhiệm vụ giúp đỡ, hỗ trợ về quân sự. Điều này rất quan trọng đối với Nhật, nó là chỗ dựa vững chắc để Nhật chuẩn bị chiến tranh chống Nga.

Quá trình đàm phán nhằm giải quyết những mâu thuẫn Nhật – Nga trong vấn đề Triều Tiên và vùng Đông Bắc Trung Quốc không đạt được kết quả như mong muốn cho mỗi bên, nên đêm 8 rạng 9-2-1904, quân Nhật đã tuyên chiến với Nga ở cảng Lữ Thuận (Trung Quốc), chiến tranh Nhật – Nga bùng nổ. Trong cuộc chiến này, Nhật đã huy động vào quân đội hơn một triệu người với chi phí 1,98 tỷ yên (trong đó 1,2 tỷ yên là vay của Anh và Mỹ). Quân Nhật giành được thắng lợi lớn, nhưng chiến tranh càng kéo dài thì tiềm lực tài chính của Nhật càng suy giảm. Do đó, mặc dù đại thắng trong trận hải chiến lớn Tsushima (Đồi Mã), Nhật vẫn chấp nhận đàm phán với Nga – nhằm giảm thiểu thiệt hại về người và của – thông qua sự trung gian của Mỹ.

Ngày 5-9-1905, tại Portsmouth (Mỹ), Nhật và Nga đã ký kết hiệp ước để chấm dứt chiến tranh. Theo hiệp ước này, Nhật giành được quyền bá chủ ở Triều Tiên và có ưu thế lớn ở Đông Bắc Trung Quốc. Ngoài ra, Nga còn phải cắt cho Nhật miền Nam bán đảo Sakhalin và Nhật có quyền đánh cá ở các vùng biển Viễn Đông. Đến đây, có thể coi việc chuyển chủ nghĩa tư bản Nhật sang giai đoạn đế quốc về cơ bản đã hoàn thành.

Thắng lợi trong chiến tranh Nhật – Nga đã đưa Nhật Bản trở thành một “hội viên chính thức” của các đế quốc trên thế giới, ngang hàng với các cường quốc Âu – Mỹ. Vì cùng vị trí trong hàng ngũ các cường quốc, tất nhiên Nhật Bản cũng được chia sẻ quyền lợi về thuộc địa trên toàn cầu.

Như vậy, quân đội và hải quân Nhật Bản đã làm tròn bổn phận chiến thắng trong hai cuộc chiến tranh lớn và được các nước công nhận Nhật Bản đã có một lãnh vực ảnh hưởng “tự nhiên” tại khu vực Đông Bắc Á. Các nước phương Tây giờ đây cũng chấp nhận “thành viên mới” này trong hàng ngũ của mình, do đó cũng tiến tới ký những thỏa thuận đảm bảo lợi ích giữa đôi bên [35, tr.308].

Ngày 12-8-1905, Nhật Bản và Anh đã ký hiệp ước phân chia ảnh hưởng ở châu Á. Hai cường quốc cam kết tôn trọng những quyền lợi của nhau ở khu vực Đông Bắc Á và Ấn Độ, sẽ cùng nhau tiến hành chiến tranh chống lại nước thứ ba nếu một trong hai nước bị tấn công [64, tr.117 -118].

Ngày 10-6-1907, Pháp ký với Nhật hiệp ước đảm bảo các đất đai đã có ở Viễn Đông, không thay đổi hiện trạng, cũng như đảm bảo nền hòa bình ở Trung Quốc.

Ngày 13-6-1907, Nhật – Nga ký với nhau một công ước khai thác đường xe lửa ở miền Đông Trung Quốc và Nam Mãn Châu. Tiếp theo, vào ngày 28-7, hai bên lại ký bản hiệp ước về đánh cá, buôn bán và hàng hải, công nhận sự bình đẳng về quyền lợi giữa hai nước. Ngày 30-7, hai bên tiếp tục ký thêm thỏa ước công nhận quyền lợi hai bên tại Trung Quốc gồm hai phần:

- Công ước: hai bên tuyên bố tôn trọng, toàn vẹn lãnh thổ của nhau, tôn trọng độc lập và toàn vẹn lãnh thổ của Trung Quốc, giữ gìn nguyên tắc bình đẳng về thương mại và công nghiệp ở Trung Quốc.

- Mật ước: quy định Mãn Châu chia làm hai khu vực, phía Bắc thuộc ảnh hưởng của Nga, phía Nam thuộc ảnh hưởng của Nhật Bản; Nga công nhận tất cả các hiệp ước mà Nhật Bản ký với Triều Tiên; Nhật Bản công nhận những lợi ích đặc biệt của Nga ở vùng Ngoại Mông.

Năm 1909, Mỹ cũng ký với Nhật Bản hiệp ước tương tự, tôn trọng các nhượng địa và giữ nguyên hiện trạng ở Trung Quốc. Tổng thống Mỹ đương nhiệm lúc đó là William Howard Taft (nhiệm kỳ 1909-1913) còn muốn áp dụng chính sách bả ngỗ Trung Quốc và đề nghị quốc tế hóa đường xe lửa Nam Mãn Châu, tạo điều kiện cho tư bản Mỹ xâm nhập vào khu vực này. Kế hoạch này đe dọa quyền lợi của Nhật Bản và Nga. Vì vậy, ngày 4-7-1910, Nga ký với Nhật Bản công ước phát triển thỏa ước 1907. Theo đó, trong trường hợp có sự đe dọa phá vỡ hiện trạng hoặc làm tổn hại lợi ích của hai nước ở Mãn Châu, hai nước cam kết sẽ cùng nhau thảo luận biện pháp chống trả.

Năm 1911, vì muốn bành trướng ngoại thương, Nhật Bản ký hiệp ước với các nước phương Tây để được tự do buôn bán đồng thời bãi bỏ thuế xuất khẩu, khuyến khích xuất khẩu hàng hóa. Năm 1893, tổng kim ngạch xuất khẩu của Nhật chỉ đạt 89 triệu yên thì đến năm 1913 con số này là 632 triệu yên.

Ngày 8-7-1912, Nga – Nhật lại bí mật ký hiệp ước phân vùng ảnh hưởng ở Trung Quốc nhằm ngăn chặn sự xâm nhập của phương Tây đang đe dọa lợi ích của Nga và Nhật ở khu vực này. Hơn nữa, Nhật Bản muốn gộp phần Nội Mông vào khu vực ảnh hưởng của mình vì lo ngại vùng này sẽ bị sáp nhập với vùng Ngoại Mông (do Nga bảo trợ) vừa được hưởng quyền tự trị. Hiệp ước cũng qui định rõ đường biên giới giữa vùng ảnh hưởng của Nga và Nhật Bản.

Như vậy, từ chỗ bị các nước đế quốc bắt nạt, giờ đây Nhật Bản đã bước lên ngang hàng với họ, đường hoàng ký kết những hiệp ước “bình đẳng” với tất cả các nước đế quốc đó. Không chỉ vậy mà Nhật Bản còn xâm phạm lợi ích của những nước kém phát triển hơn mình như ở Triều Tiên, Trung Quốc.

Đối với Triều Tiên, sau chiến tranh Nhật – Nga (1904-1905), Triều Tiên thuộc quyền chiếm đóng của Nhật. Theo hiệp ước Portsmouth xác định chế độ bảo hộ của Nhật Bản đối với bán đảo này. Nhật đã đặt ở Triều Tiên một Thống giám phủ và Ito Hirobumi giữ chức vụ này đầu tiên ở đây. Sau khi tước bỏ quyền ngoại giao của Triều Tiên, Ito đưa ra chính sách quy định người Nhật có thể làm công nhân viên chức chính phủ như người bản xứ và giải tán quân đội Triều Tiên. Với chính sách này làm cho nhân dân Triều Tiên phẫn nộ, chống đối khắp nơi. Kết quả là Ito bị ám sát (1909). Sang năm 1910, bất chấp sự phản đối của dân chúng, Nhật Bản sáp nhập Triều Tiên. Triều Tiên Thống giám phủ trở thành Tổng đốc phủ, bổ nhiệm các quân nhân làm Tổng đốc, nắm giữ cả quyền lập pháp, tư pháp và hành pháp. Ngoài ra, người Triều Tiên còn bị cưỡng bức dùng tiếng Nhật và bị xem là thần dân của Thiên Hoàng Nhật. Chính sách cai trị này kéo dài đến năm 1945 [47, tr.171-172].

Đối với Trung Quốc, sau chiến tranh Nhật – Trung, Nhật Bản đã đặt ảnh hưởng vững chắc của mình ở Mãn Châu và biến Đài Loan thành thuộc địa của Nhật. Ở Mãn Châu, năm 1906 người Nhật lập Kanto Totokufu (Quan Đông Đô đốc phủ) ở Lữ Thuận để cai quản bán đảo Liêu Đông và đường xe lửa Nam Mãn Châu. Nhật Bản cũng lập “Công ty đường xe lửa Nam Mãn Châu”. Đứng đầu công ty này là một Tổng tài (sosai) Goto Shimpei, nguyên phụ trách về hành chính dân sự của Nhật ở Đài Loan. Ngoài việc quản lý đường sắt, công ty này còn khai thác mỏ than và quản lý nhà máy luyện thép ở Mãn Châu. Quan Đông Đô đốc phủ

coi việc phòng bị cho đường xe lửa Nam Mãn Châu và vùng phụ cận mà thực tế trở thành thuộc địa của Nhật Bản.

Còn ở Đài Loan thì chính sách cai trị của Nhật tương đối ôn hoà hơn ở Triều Tiên và có nhiều điểm tích cực. Phong trào chống Nhật ở đây không mạnh mẽ như ở Triều Tiên. Nhật cũng đặt ở Đài Loan một Tổng đốc phủ (ở Đài Bắc vào năm 1895), chính sách phát triển kinh tế Đài Loan của Nhật đặt trọng tâm vào công tác xây dựng đường xe lửa, hải cảng và mở mang phát triển nông nghiệp. Đến năm 1903, đường xe lửa chạy dọc đảo Đài Loan được nối liền. Trong nông nghiệp chú trọng trồng lúa, trà, đặc biệt là mía – vì đường là một trong những mặt hàng xuất khẩu quan trọng của Đài Loan lúc bấy giờ.

Tóm lại, trước nguy cơ có thể trở thành miếng mồi ngon cho các nước phương Tây, Nhật Bản đã sớm tỉnh ngộ trước sức mạnh của họ. Nhận thấy không thể sửa đổi các hiệp ước bất bình đẳng mà chính quyền Mạc phủ đã ký với các cường quốc thông qua con đường ngoại giao, chính quyền Minh Trị nhanh chóng chuyển trọng tâm học tập văn minh phương Tây nhằm xây dựng đất nước giàu mạnh, từ đó mới đủ sức chống lại sự xâm lược từ bên ngoài. Không để các cường quốc phương Tây xem thường như là một nước “dễ bị xâm lược”, Nhật Bản đẩy mạnh chiến tranh với Trung Quốc và giành thắng lợi, trên đà chiến thắng Nhật quyết chiến với Nga – một đế quốc trong thế giới văn minh da trắng – để khẳng định một vị trí xứng đáng trong hàng ngũ các cường quốc trên thế giới và Nhật Bản đã làm được điều ấy. Không chỉ vậy, Nhật còn tiến hành khai thác thuộc địa mà mình vừa giành được ở Triều Tiên, Trung Quốc và Đài Loan. Thắng lợi này là kết quả lâu dài mà người Nhật phải nhẫn nhục trước các nước phương Tây, đồng thời đẩy mạnh học tập văn minh của họ. Những bước đi của Nhật Bản thời cận đại dường như đi trên con đường mà Fukuzawa đã vạch ra trước đó, tích cực học tập văn minh phương Tây, “Thoát Á” để đứng vào hàng ngũ các cường quốc phương Tây, giờ đây Nhật Bản đã làm được. Thành tựu này nhanh chóng ảnh hưởng đến nhiều quốc gia châu Á, họ xem Nhật Bản là anh cả trong thế giới “da vàng” để chống lại “văn minh da trắng”, và đất nước Nhật Bản trở thành nơi lý tưởng để các chí sĩ yêu nước khắp nơi ở châu Á tìm đến học tập trong đó có các trí thức Việt Nam.

### **3.5. Fukuzawa Yukichi với Việt Nam**

#### **3.5.1. Fukuzawa Yukichi viết về Việt Nam**

Lịch sử Việt Nam giai đoạn cận đại được đánh dấu bắt đầu bằng sự kiện thực dân Pháp nổ súng tấn công bán đảo Sơn Trà (Đà Nẵng) năm 1858 và kết thúc vào năm 1945 khi cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc giành được thắng lợi.

Cùng chung số phận với các nước phương Đông, Việt Nam trở thành miếng mồi béo bở của thực dân phương Tây. Năm 1858 liên quân Pháp và Tây Ban Nha nổ súng tấn công xâm chiếm Việt Nam. Mặc dù triều đình nhà Nguyễn đầu hàng giặc, nhưng nhân dân ta đã liên tiếp nổi dậy chống Pháp dưới sự lãnh đạo của các văn thân, sĩ phu hưởng ứng theo phong trào Cần Vương kéo dài suốt 30 năm, nhưng đã thất bại. Vì họ phải đương đầu với một đội quân viễn chinh phương Tây có vũ khí tối tân và khoa học kỹ thuật hiện đại. Sau khi chiếm được Việt Nam, thực dân Pháp đã thiết lập nền thống trị tàn bạo trên khắp đất nước ta. Từ đây, nhân dân ta phải sống cuộc đời nô lệ, bị áp bức bóc lột nặng nề của chế độ thực dân – nửa phong kiến. Nhưng với tinh thần quật khởi của một dân tộc kiên cường, nhân dân ta liên tiếp đứng lên chống thực dân Pháp từ Bắc tới Nam. Các phong trào chủ yếu do các nhà nho yêu nước có tư tưởng tiến bộ trực tiếp lãnh đạo, kéo dài suốt từ cuối thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX. Các nhà yêu nước này, trong quá trình tìm đường cứu nước, họ đã cố gắng tìm tòi học hỏi gương các nhà “cách tân” ở các nước láng giềng như Trung Quốc, Nhật Bản để từ đó hòng có thể đánh đổ đế quốc – phong kiến, mang lại độc lập cho dân tộc và phú cường cho Tổ quốc, thể hiện ở cuộc “Mậu Tuất chính biến” (1898) do Khang Hữu Vi và Lương Khải Siêu chủ trương; đặc biệt là tư tưởng của các nhà “khải mộng” vĩ đại của Nhật Bản thời “Minh Trị Duy tân” như Yoshida Shohin, Fukuzawa Yukichi [55, tr.40].

Nằm chung khu vực Á Đông, Nhật Bản và Việt Nam tương đối gần gũi về mặt địa lý và văn hóa, đặc biệt lúc này (thời cận đại) hai nước cùng chung cảnh ngộ là đang đứng trước nguy cơ xâm lược của thực dân phương Tây. Do đó, Fukuzawa cũng có mối quan tâm sâu sắc tới vấn đề Việt Nam, ông xem những sự kiện xảy ra ở Việt Nam là những bài học để cảnh tỉnh ý thức dân chúng Nhật Bản và hoạch định tư tưởng đối ngoại có giá trị cho đất nước mình.

Dù vậy, chúng ta thấy rằng vấn đề Việt Nam không phải ngay từ đầu Fukuzawa đã chú tâm tới, mà ông chỉ chú trọng vào Trung Quốc, Triều Tiên – hai quốc gia có thể nằm trong khối “Liên Á” - để chống lại sự xâm lược của phương Tây mà Nhật Bản làm minh chủ. Mãi tới khi cuộc xung đột Pháp – Thanh về quyền lợi ở Việt Nam và cuộc chiến giữa đôi bên xảy ra thì lúc này Fukuzawa mới chú ý tới Việt Nam.

Vào ngày 9-6-1883, Fukuzawa cho đăng bài báo đầu tiên liên quan đến vấn đề Việt Nam với nhan đề: “Những cơn mưa gió ở An Nam có ảnh hưởng đến Nhật Bản chúng ta thế nào?” trên tờ Thời sự Tân báo (Jiji Shimpo). Ở những dòng đầu ông cho thấy An Nam đã bị một nước xa xôi là Pháp xâm lược và trở thành nước bảo hộ, nhưng điều đó chẳng ảnh



hưởng gì đến Nhật Bản cả. Tức là những sự kiện ở Việt Nam lúc này hoàn toàn không gây nguy cơ gì cho Nhật Bản. Tuy vậy, đoạn tiếp theo ông lại cho rằng những sự kiện đó không trực tiếp đe dọa gì đến Nhật Bản nhưng không phải không làm cho người Nhật suy nghĩ. Bởi khi Trung Quốc nhảy vào chiến tranh nhân chiến sự xảy ra ở An Nam, thì Nhật Bản cũng phải cảnh giác với Trung Quốc, vì sau khi Nhật Bản sáp nhập đảo Lưu Cầu (Ryukyu) và thôn tính Đài Loan thì cũng là cái cớ để Trung Quốc có thể gây chiến tranh với Nhật Bản. Từ những suy nghĩ như vậy nên Fukuzawa đã kêu gọi Nhật Bản ra sức tăng cường quân sự, điều hòa lòng dân trong nước, trung thu thuế... tăng cường sức mạnh để chuẩn bị đối phó với Trung Quốc [32, tr.24-30].

Như vậy, có thể nói rằng vấn đề Việt Nam, theo Fukuzawa không phải thuần túy đơn lẻ, mà là vấn đề quốc tế đang được Nhật Bản quan tâm. Mặc dầu những sự kiện ở Việt Nam chưa ảnh hưởng trực tiếp gì đến Nhật Bản, nhưng trong phần kết luận của bài báo Fukuzawa lại cảnh báo rằng: “kết quả của những sự kiện đó ít nhiều có ảnh hưởng tới tương lai của Nhật”.

Những sự việc diễn ra tiếp theo ở Việt Nam thì Fukuzawa không chỉ xem “vấn đề An Nam” là chiến trường cho cuộc xung đột Thanh – Pháp nữa, mà ông còn quan sát trực tiếp cuộc chiến Pháp – An Nam. Đặc biệt, việc Pháp không thực hiện đúng Hiệp ước Harmand (1883) và còn bắt triều đình nhà Nguyễn phải ký tiếp Hiệp ước Patenote (1884) do Pháp chuẩn bị đã tạo ra một ấn tượng cực kỳ xấu đối với người nước ngoài. Từ ngày 29 đến ngày 4-10, trong một số bài “Ngoại giao luận” (Gaikison) cũng đăng trên Thời sự Tân báo, Fukuzawa đã làm sáng tỏ thêm hành động xâm lược Việt Nam của Pháp. Fukuzawa phê phán những hành động của Pháp là những hành động “theo luật rừng, kẻ mạnh ăn thịt kẻ yếu” và “việc nước này bắt ép nước kia phải ký hiệp ước, phải phân chia đất đai, rõ ràng là không nhân đạo, đó là những hành động không tuân theo đạo lý”, “việc cai trị như vậy không thể không gây ra sóng gió được”....

Tóm lại, sự thay đổi nhận thức của Fukuzawa đối với vấn đề Việt Nam là ở chỗ: Nếu như trong “Những cơn mưa gió ở An Nam có ảnh hưởng đến Nhật Bản chúng ta như thế nào?”, Fukuzawa vẫn coi rằng đó là cuộc chiến Pháp – An Nam hay sự tranh chấp Pháp – An Nam – Thanh Quốc, là cuộc đọ sức giữa văn minh mới (Pháp) với văn minh cũ (Trung Quốc) và sự tất thắng của nền văn minh mới. Nhưng sau đó, khi đã ký kết Hiệp ước, Pháp đã bất chấp điều cam kết tiếp tục đánh chiếm Việt Nam thì lúc này trong “Ngoại giao luận” ông coi vấn đề Việt Nam không phải là vấn đề chiến trường tranh chấp Pháp – Thanh nữa,

mà nó trở thành vấn đề của các nước phương Tây tuân theo “luật rừng”, ra sức xâm lược các nước.

Những sự kiện xảy ra ở Việt Nam, hay nói cách khác việc Pháp xâm lược Việt Nam đã tác động vào suy nghĩ của Fukuzawa, ít nhiều làm chuyển đổi tư tưởng ngoại giao của ông, từ “chủ nghĩa Liên Á” đến “chủ nghĩa Thoát Á” để tiến lên vũ đài văn minh như các nước phương Tây. Sự chuyển biến này của Fukuzawa xưa nay vẫn được nhiều nhà nghiên cứu quan niệm là được biểu hiện trong “Thoát Á luận” do ông viết vào năm 1885. Nhưng thực ra nó đã được biểu hiện trong một loạt bài báo trước đó như đã nêu ở trên. Tuy nhiên, qua các bài viết của Fukuzawa liên quan đến Việt Nam, chúng ta nhận thấy hình như ông chưa hiểu một cách cụ thể cuộc chiến đấu chống xâm lược Pháp của nhân dân Việt Nam. Ông quá đề cao sức mạnh của Pháp, mà không biết được sức mạnh tiềm tàng đang ẩn chứa trong lòng một dân tộc có truyền thống lâu đời. Những khuyết điểm trong nhận thức của Fukuzawa đối với vấn đề Việt Nam có thể lý giải được, bởi vì lúc này ông đang dồn hết tâm lực vào cổ vũ cho văn hóa Nhật Bản, ông quan tâm làm sao Nhật Bản đừng bị xâm lược hơn là cuộc chiến đấu chống xâm lược của nhân dân Việt Nam nói riêng và của các nước phương Đông khác nói chung. Bằng mọi cách đừng để các cường quốc phương Tây coi Nhật Bản như các nước phương Đông khác là đối tượng “có thể thôn tính được”. Tư tưởng của Fukuzawa có tác dụng to lớn đối với lịch sử cận đại Nhật Bản. Nhật Bản vươn mình đứng lên trở thành cường quốc mạnh mẽ ở châu Á tác động mạnh mẽ đến nhiều quốc gia khác trong đó có Việt Nam, mặc dù nhìn từ góc độ các nước châu Á khác, tư tưởng đó có nhiều điều đáng phê phán như nhiều học giả thừa nhận “Fukuzawa Yukichi là người cầm đầu trong việc hình thành nên tư tưởng miệt thị châu Á và cho cuộc xâm lược các nước châu Á của Nhật Bản” [4, tr.37].

### **3.5.2. Ảnh hưởng của Fukuzawa đối với lịch sử Việt Nam cận đại**

#### **3.5.2.1. Phan Bội Châu với phong trào Đông du**

Sau khi giành được thắng lợi lừng lẫy trong hai cuộc chiến tranh trước những người văn minh da vàng và da trắng, vào các năm 1894-1895 và 1904-1905, đó là Trung Quốc và Nga, thì tên tuổi của xứ sở Phù Tang – mau chóng nổi danh như cồn, vang danh khắp thế giới. Với chiến thắng đó khiến cho các dân tộc “đồng chủng, đồng văn” ở châu Á lâu nay bị đế quốc da trắng chà đạp, khinh rẻ thì rất hả hê. Các nước châu Á hướng về Nhật Bản, coi đó là “người anh cả” trong đội ngũ các dân tộc da vàng, sẽ giúp mình thoát khỏi ách thống trị của các nước đế quốc da trắng.

Sự kiện Minh Trị Duy tân ở Nhật Bản thành công – được xem là 100 sự kiện ảnh hưởng tới lịch sử thế giới – đã ảnh hưởng mạnh mẽ đến nhiều quốc gia châu Á, trong đó có Việt Nam. Các chí sĩ yêu nước Việt Nam nhanh chóng thấy được sức mạnh của Nhật Bản và tìm đến họ học tập mà người đi tiên phong là chí sĩ yêu nước nhiệt tâm – cụ Phan Bội Châu.

Phan Bội Châu (tên cũ là Phan Văn San), hiệu là Sào Nam, sinh ngày 26-12-1867 trong một gia đình nhà nho nghèo ở huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. Ông là người thông minh, năm 16 tuổi đỗ đầu xứ, năm 33 tuổi đã đỗ đầu kì thi Hương ở Nghệ An. Tên tuổi ông gắn liền với cuộc đấu tranh giải phóng của dân tộc Việt Nam trong 25 năm đầu thế kỷ XX.

Nhằm xây dựng lực lượng để tiến hành chống thực dân Pháp, nên đầu năm 1905, cụ Phan đã tìm đường sang Nhật xin “viện trợ” về vũ khí và tiền của. Tuy nhiên, việc cầu “viện trợ” thất bại, dù vậy Cụ lại được các chính khách của Trung Quốc là Lương Khải Siêu và của Nhật như Inukai Tsuyoshi, Okuma Shigenobu khuyên nên gửi thanh niên qua Nhật học tập để tiếp thu những tinh hoa mà Nhật Bản đã đạt được từ khi chính quyền Minh Trị tiến hành cải cách đất nước. Sau thời gian quan sát tình hình thực tế ở Nhật và trao đổi ý kiến với nhiều học giả Cụ đã thấy mở rộng được tầm mắt.

Trong quá trình nghiên cứu và tìm hiểu những tư tưởng của các học giả Nhật Bản, cụ Phan cũng đã chú ý tìm hiểu, tiếp thu những tư tưởng xuất sắc của Fukuzawa. Trong quá trình tìm hiểu cụ Phan tìm thấy một tinh thần vươn lên của Fukuzawa là quyết tâm học tập và đem tư tưởng của mình góp phần xây dựng đất nước Nhật Bản, đã làm cho Phan Bội Châu thật nể phục, vì vậy mà Cụ đã say sưa tìm hiểu, nghiên cứu tư tưởng của Fukuzawa để vận dụng vào con đường cứu nước của mình.

Đến mùa thu năm 1905, cụ Phan Bội Châu đã gửi về nước bức thư tâm huyết đầu tiên với tựa đề “Khuyến quốc dân du học văn” (Thư khuyến đồng bào trong nước giúp tiền cho thanh niên đi du học), những nội dung trong thư có nhiều điểm ảnh hưởng từ tư tưởng của Fukuzawa. Cụ đã sử dụng hình ảnh Fukuzawa để làm tấm gương gửi đến đồng bào trong nước, rằng: “Sự nghiệp duy tân cao cả của các ông Cát Điền Tùng Âm, Phúc Trạch Dụ Cát há lẽ anh em đồng bào ta chịu nhường bước? Nếu không thực hiện duy tân thì, hoặc là nguyền cổ để chờ người ngoại quốc đến giúp cho hay sao? Nếu mình không lo tự bảo vệ thì sẽ bị người nước ngoài đến xâu xé, chà đạp mãi!” [2, tr.19]. Ở đây cụ Phan Bội Châu muốn nói là hãy lo mà tự lực, tự cường, cố gắng động viên, giúp đỡ nhau học tập để tăng

thêm kiến thức mới và lo trau dồi đạo đức để đủ sức giành lại độc lập, tự do, hạnh phúc cho đất nước.

Tiếp đó, năm 1906 cụ Phan Bội Châu đã công bố tác phẩm “Hải ngoại huyết thư”, đây được xem như một văn kiện có ý nghĩa như là một “cương lĩnh hành động” của hội Duy tân (được thành lập 1904). Trong đó, Cụ vạch rõ nguyên nhân mất nước và những chủ trương nhằm lấy lại nước từ tay giặc Pháp, mười hạng người trong nước phải đồng tâm, đoàn kết nhất trí với nhau trong sự nghiệp đấu tranh chống giặc, giữ nước và dựng nước. Ở phần kết luận của tác phẩm này, Cụ cũng không quên đề cao và nêu gương những nhà tư tưởng khai sáng của nền văn minh cận đại như Rousseau (Lư Thoa) và Fukuzawa Yukichi: [55, tr.42].

“Hạ đăng sáng khắp mọi nơi,  
Bóng sao thấp thoáng, vẽ trời long lanh.  
Đài kỷ niệm tranh vanh trong nước,  
Đèn hoan nghênh kẻ rước, người đưa.  
Nào người Dụ Cát, Lư Thoa,  
Nay vừa gặp hội, xin ta gắng lòng!”

Không dừng lại ở đó, từ năm 1905 đến 1909 cụ Phan Bội Châu đã tổ chức phong trào “Đông du” đưa học sinh sang Nhật Bản học tập. Phong trào này đã đưa hơn 200 thanh niên ưu tú sang Nhật. Tại đây, được sự giúp đỡ của các nhân sĩ, chính khách Nhật Bản có cảm tình với Cách mạng Việt Nam nên đã thu xếp cho các thanh niên này vào học tại các trường ở Tokyo như Chấn Vũ học hiệu, Đông Văn Thư viện... Đây là một phong trào cách mạng khá sôi động, làm chấn động lòng người Việt Nam yêu nước hồi đầu thế kỷ XX [61, tr 60-64]. Tuy nhiên, sự phát triển của phong trào đã gây mối lo ngại lớn cho chính quyền cai trị Pháp. Do đó, ở trong nước thực dân Pháp đã ra tay đàn áp các phong trào cách mạng, ở Nhật thì liên kết với chính phủ giải tán tổ chức Đông du, trục xuất Phan Bội Châu và những thanh niên Việt Nam yêu nước khỏi Nhật Bản. Với hành động đó, thực dân Pháp – kẻ thù dân tộc – đã chặn đứng một khả năng, một cơ hội cận đại hóa đất nước của dân tộc ta ở đầu thế kỷ XX.

Những ảnh hưởng của Fukuzawa không chỉ dừng lại ở những hoạt động của phong trào Đông du, mà tư tưởng của Fukuzawa còn tiếp tục được phản ánh trong nhiều tác phẩm của Phan Bội Châu và một số nhân vật quan trọng từng có mặt ở Nhật Bản trong thời gian đó như: Nguyễn Thượng Hiền với Hợp quần doanh sinh thuyết, Viễn hải quy Hồng; Phan

Chu Trinh với tác phẩm Tinh quốc hồn ca...Còn riêng đối với Phan Bội Châu, thì ảnh hưởng tư tưởng của Fukuzawa được ghi đậm trong các tác phẩm như Tân Việt Nam, Việt Nam quốc sử khảo, Đề tinh quốc dân hồn....

Đến năm 1925, khi cụ Phan bị “an trí” tại Huế, trong một buổi diễn thuyết trước đông đảo thanh niên, học sinh trường Quốc học, khi nói đến mục đích của việc học là để hiểu thấu hơn nghĩa vụ người dân mất nước, Cụ tiếp tục lấy hình ảnh của Fukuzawa làm minh chứng cho lời nói của mình: “Y như vị đại Nho của Nhật Bản là ông Fukuzawa Yukichi đã nói: “Cái hồn của nước nào thì y phụ vào dân của nước ấy. Cái hồn của dân nước ấy thì lại y phụ vào thanh niên học sinh; thanh niên học sinh ấy là linh hồn của nước dân vậy” [2, tr.19].

Và khi nói đến các môn học, Cụ lại nêu gương Fukuzawa đã sớm lập ra trường Khánh Ứng Nghĩa thực ở Tokyo, có đầy đủ các ngành khoa học nhân văn, kinh tế, thực nghiệp..., chứ không như “ở nước ta, vài nghìn năm lại giờ quen nghe hết dã man, theo đường gian lận; chính trị đã không ra gì còn nói gì đến giáo dục nữa. Gọi rằng giáo dục chẳng qua là một đường khoa cử văn từ đó thôi. Không có thương học nên thương nghiệp suy; không có công học nên công nghiệp hỏng; không có y học nên nhân dân không biết đường vệ sinh; không có nông lâm học nên nhân dân không biết đường khai khẩn; không có pháp luật học nên nhân dân không biết giữ lấy quyền lợi; đến nỗi vì ngu nên yếu, vì nhác nên nghèo, đã yếu lại nghèo mà nước không nên nước...” [2, tr.20].

Như vậy, khi mới vừa đến Nhật, cụ Phan Bội Châu đã chú ý tìm hiểu đến những tư tưởng khai sáng của Fukuzawa. Qua đó Cụ đã nắm bắt được tư tưởng căn bản của Fukuzawa là tinh thần “độc lập tự tôn”. Cụ đã tìm hiểu cẩn thận và dùng nó như một tấm gương để cổ vũ cho tinh thần tự cường, tự lực của nhân dân ta trong sự nghiệp giành độc lập cho đất nước. Và phong trào Đông du là một biểu hiện sinh động “chẳng chịu nhường bước” trước sự nghiệp của Fukuzawa.

Không chỉ ảnh hưởng sâu sắc đến nhà lãnh đạo yêu nước cụ Phan Bội Châu và phong trào yêu nước do Cụ lãnh đạo, mà tư tưởng và sự nghiệp của Fukuzawa còn ảnh hưởng đến cả phong trào yêu nước hoạt động “Công khai hợp pháp” của Đông Kinh nghĩa thực và Phong trào Duy tân ở miền Trung và Nam Kỳ.

### 3.5.2.2. Đông Kinh Nghĩa thực – một hình mẫu của trường Keio Gijuku

Sự vươn lên mạnh mẽ của Nhật Bản đã ảnh hưởng nhanh chóng tới Việt Nam. Vào những năm đầu thế kỷ XX, nhiều bài ca yêu nước, tuyên truyền về một nước Nhật Bản văn minh tiên bộ được phổ biến rộng rãi trong nước.

Như đã trình bày ở trên, từ năm 1905 cụ Phan Bội Châu đã tổ chức và lãnh đạo phong trào Đông Du đưa thanh niên Việt Nam sang Nhật Bản học tập khá sôi nổi. Đến năm 1906, cụ Phan Châu Trinh cũng đến Nhật đã được chứng kiến bài học “Âu hóa” và chiêm ngưỡng những thành công duy tân của Nhật Bản. Sau này, cụ Phan Bội Châu còn có khá nhiều lần nhắc lại việc “noi gương chí sĩ Nhật là Phúc Trạch Dụ Cát đã mở Khánh Ứng Nghĩa thực” [59, tr.42]. Đó là niềm tự hào của Fukuzawa cũng như của nhân dân Nhật Bản trên bước đường duy tân, cận đại hóa đất nước.

Trên cơ sở những hiểu biết về một trường học đào tạo nhân tài xây dựng đất nước kiểu Keio ấy, các vị sĩ phu nho học yêu nước Việt Nam quyết định sẽ thành lập ở Hà Nội một trường học mô phỏng theo Keio Gijuku và lấy tên là Đông Kinh Nghĩa thực (Đông Kinh Free School).

“...Cụ Tây Hồ (Phan Châu Trinh) kể rõ phương pháp của Khánh Ứng Nghĩa thực và đề nghị lập tại Hà Nội một nghĩa thực tương tự. Đề nghị được chấp thuận và sau một hồi bàn xét, tên Đông Kinh Nghĩa thực được lựa chọn, mục đích của nghĩa thực được vạch rõ: khai trí cho dân; phương tiện được hoạch định: mở những lớp dạy học không lấy tiền và tổ chức những cuộc diễn thuyết để trao đổi tư tưởng cùng cổ động trong dân chúng. Trường sẽ dạy cả Việt văn, Hán văn, Pháp văn. Ban Tiểu học chuyên dạy Việt văn, lên Trung học và Đại học mới dạy Hán văn và Pháp văn. Chương trình bỏ lối học từ chương khoa cử mà chú trọng vào thường thức và thực nghiệp” [40, tr.386].

Đến tháng 3 năm 1907, một số sĩ phu yêu nước như Lương Văn Can, Nguyễn Quyền, Lê Đại, Hoàng Tăng Bí, Vũ Hoành... đã lập ra một trường học là Đông Kinh Nghĩa thực ở Hà Nội. Trụ sở chính đặt tại nhà số 4 phố Hàng Đào và Lương Văn Can (1854 - 1927) được cử làm Thục trưởng.

Để hoạt động một cách có hiệu quả, nhà trường thành lập 4 ban công tác phụ trách về các mảng: Giáo dục, Tài chính, Cổ động và Tu thư.

Ban giáo dục: chuyên chăm lo việc chiêu sinh, giảng dạy và học tập do Nguyễn Quyền phụ trách chính. Ở trường dạy ba thứ ngôn ngữ: Việt, Pháp, Hán. Các giáo viên ở đây đều được đào tạo một cách cơ bản: Nguyễn Văn Vĩnh (đỗ đầu trường Thông ngôn năm

14 tuổi, ngoài ra còn thông thạo tiếng Anh và tiếng Trung Hoa); Phạm Duy Tôn (tốt nghiệp trường Thông ngôn năm 1901), làm Tòa Thống sứ, cùng với Nguyễn Bá Học và Bùi Đình Tá chuyên dạy tiếng Pháp và tiếng Việt. Môn Hán văn do những nhà nho nổi tiếng ở đất Hà thành lúc đó đảm trách, có thể kể đến: Đào Nguyên Phổ (1861 - 1907), đỗ Cử nhân năm 1884, ông còn được biết đến là một nhà báo đầu tiên viết chữ quốc ngữ; Phó bảng Hoàng Tăng Bí (1883 - 1939), thi đỗ vào năm 1910; ngoài ra còn có Cử nhân Lương Trúc Đàm, tú tài Nguyễn Quyền; có thêm hai giáo viên nữ dạy chữ Hán và chữ quốc ngữ. Bên cạnh đó còn có ông Trần Đình Đức là người đầu tiên đã vẽ bản đồ Việt Nam cỡ lớn treo ở phòng học để học sinh hình dung được đất nước ta và dạy các môn lịch sử, địa lí; ông Phạm Đình Đồi dạy toán, là người đã đưa môn hình học lần đầu tiên vào trong nhà trường, môn học vốn rất xa lạ với các học sinh Việt Nam.

Ban tài chính: phụ trách việc phát tiền nong, chế độ lương bổng cho giáo viên. Ban đầu các giáo viên dạy không lấy lương đúng với tinh thần “Nghĩa thực”, nhưng về sau được sự đóng góp của nhiều mạnh thường quân nên nhà trường có được ngân quỹ khá lớn, do đó các giáo viên được nhận một phần lương với 4 đồng trên tháng (giá gạo lúc đó khoảng 2,5 đồng / tạ), cũng phần nào đảm bảo được cuộc sống của họ. Phần còn lại chi phí cho giảng dạy, mua tài liệu, sách vở, hỗ trợ cho học sinh nghèo...

Ban cổ động: có nhiệm vụ tuyên truyền ảnh hưởng của trường ra ngoài quần chúng, chủ yếu bằng hình thức diễn thuyết, bình văn theo các đề tài như: nói về ái quốc, hợp quần, tự cường, tự lập; nêu gương anh hùng cứu nước, vĩ nhân thế giới... Trong nhiều buổi diễn thuyết, Nguyễn Quyền (Giám học), thường hay động viên người nghe rằng: “Người An Nam mình đang chìm đắm trong cảnh nô lệ. Nông dân, binh lính, ký lục... tất cả đều phải hợp quần, chung sức để giành lại độc lập bằng con đường tự do, bình đẳng theo gương Nhật Bản” [59, tr.43-44]. Ngoài ra, ban cổ động còn vận động mọi người dân sống theo nếp mới như: cắt tóc ngắn, dùng hàng nội hóa, chống lối học cổ hủ...

Ban tu thư (Ban trước tác): phụ trách giáo trình biên soạn giảng dạy và tuyên truyền do Thục trưởng Lương Văn Can trực tiếp chỉ đạo. Ban này hoạt động rất mạnh, chỉ trong một thời gian ngắn đã biên soạn được một số sách giáo khoa có nội dung giáo dục sâu sắc, đáp ứng được nhu cầu kiến thức và tình cảm của học viên cùng nhiều tầng lớp khác. Các tài liệu như: Quốc dân độc bản, Việt Nam quốc sử lược, Nam quốc địa dư, Quốc văn giáo khoa thư, Văn minh tân học sách... đã đề cao tinh thần dân tộc, đa số nói đến đất nước, con người Việt Nam một cách cụ thể. Đặc biệt, Văn minh tân học sách đã đề ra một loạt công việc phải

làm như dùng văn tự nước nhà, hiệu đính sách vở, sửa đổi phép thi, cổ vũ nhân tài... Cuốn sách đã trở thành cương lĩnh hoạt động của Đông Kinh Nghĩa thực. Ngoài ra, trường có thư viện riêng và một tờ báo riêng là Đại Nam (*Đăng cổ tùng báo*), in cả chữ quốc ngữ, chữ Hán và chữ Nôm. Đây là tiếng nói nửa chính thức của Nghĩa thực và cũng là cơ quan nửa hợp pháp của Nghĩa thực [53, tr.17-20].

Học sinh học ở đây được chia thành hai cấp tiểu học và trung học, chia làm 8 lớp, học cả ban ngày và ban đêm để thuận lợi cho hầu hết các học sinh. Số học sinh ở đây ban đầu có khoảng 400, sau tăng gần 1000 người. Các môn học chính ở trường gồm có văn, sử, địa, cách trí, vệ sinh, toán, luân lý. Cơ sở vật chất của trường hiện tại chưa đáp ứng được điều kiện học tập, nên lớp học còn phải học nhờ nhà dân, ở đình, chùa. Dù khó khăn như vậy, cộng với chế độ miễn giảm học phí, được hỗ trợ giấy bút học tập, được bố trí chỗ ăn ở nên đã thu hút nhiều học sinh từ các vùng xa đến học.

Không chỉ là nơi dạy học, Đông Kinh Nghĩa thực còn là nơi nho sĩ và thương nhân tập hợp và hoạt động nhằm hướng tới những mục tiêu tốt đẹp về kinh tế – văn hóa – xã hội. Trong thời gian tồn tại, một số hội viên của trường đã tổ chức kinh doanh công thương nghiệp như: Nguyễn Quyền lập Hồng Tân Hưng; Hoàng Tăng Bí lập Công ty Đông Thành Xưởng ở Hà Nội vừa buôn bán vừa sản xuất, là cơ sở đầu tiên dùng khung cửi rộng dệt vải xuyên bông lớn, chế biến trà tàu, trà hộp ướp sen; Đặng Nguyên Cẩn, Lê Huân, Ngô Đức Kế lập Triều Dương thương quán ở Nghệ An... Khuynh hướng này lan rộng khắp cả nước từ Việt Trì đến Hà Nội, tới miền Trung, Nam Bộ. Thu hút cả những quan chức tham gia như: Án sát Nghiêm Xuân Quảng đã cáo quan về mở cửa hàng buôn bán tơ lụa; Trần Chánh Chiếu (Gilbert Chiếu) nguyên luật sư Tòa án Sài Gòn và chí sĩ Nguyễn Thành Út thành lập Minh Tân công nghệ xã... Có thể coi đây là một cuộc cách mạng tư tưởng văn hóa mà Đông Kinh Nghĩa thực tiến hành trong một bối cảnh hết sức đặc biệt và bước đầu đã thành công.

Đông Kinh Nghĩa thực thực chất là một tổ chức cách mạng, hoạt động công khai, dưới hình thức trường học, diễn thuyết, bình văn, báo chí... nhằm bồi dưỡng, nâng cao lòng yêu nước, tự hào dân tộc; truyền bá tư tưởng duy tân và một nền học thuật mới, nâng cao dân trí, dân sinh; làm cho dân giàu nước mạnh, giành lại độc lập, tự do, dân chủ cho đất nước, hỗ trợ phong trào Đông Du, phong trào Duy tân cứu nước.

Mô hình tổ chức của Đông Kinh Nghĩa thực mang những nét rất mới, khác hẳn với những trường dạy chữ nho cũ và cũng không giống với các trường Pháp – Việt của chế độ thực dân đương thời. Chế độ tuyển sinh của trường rất rộng rãi, ai có nhu cầu học tập đều



được vào học, ngoài ra còn được cấp giấy bút và miễn học phí. Ở trường nhiều hình thức giảng dạy và học tập theo phương pháp mới được triển khai sinh động, phong phú như: đọc báo, giảng sách, bình văn, diễn thuyết... Không chỉ học các buổi chính khóa, học sinh còn được học tập trong các buổi ngoại khóa, nghe nói chuyện thời sự hoặc đề tài khoa học. Kiến thức được học ở trường rất toàn diện, bao gồm các bộ môn về khoa học xã hội và khoa học tự nhiên.

Dù chỉ tồn tại trong khoảng thời gian ngắn (9 tháng), dưới hình mẫu của trường Keio Gijuku của Fukuzawa những đóng góp của Đông Kinh Nghĩa thực là hết sức to lớn trên nhiều lĩnh vực: văn hóa, giáo dục, tư tưởng, kinh tế... nên đã hơn một thế kỷ trôi qua không khí của Đông Kinh Nghĩa thực vẫn còn lan tỏa, sinh động, vẫn luôn được nhớ đến với những cảm nhận hết sức tốt đẹp và đâu đây vẫn còn vang những câu thơ: [40, tr.387].

“Trường Nghĩa thực đứng đầu dạy dỗ  
Khắp ba mươi sáu phố Hà thành  
Gái trai nô nức học hành  
Giáo sư mấy lớp, học sinh mấy ngàn”

### **3.5.2.3. Phong trào Duy tân Trung – Nam kỳ**

Vào những năm 1904-1908, ở Trung và Nam kỳ đã nổi lên một phong trào Duy tân hoạt động rất mạnh mẽ và không kém phần sôi nổi. So với hai phong trào Đông Du và phong trào Nghĩa thực trên, phong trào này cũng đã để lại dấu ấn khá sâu đậm trong lịch sử Việt Nam [55, tr.44-45].

Cũng như các phong trào cách mạng khác của Việt Nam trong giai đoạn này, phong trào Duy tân cũng do các nhà nho có tư tưởng tiến bộ lãnh đạo. Có thể kể đến các cụ Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng...ở miền Trung; các cụ Trần Chánh Chiêu, Nguyễn An Khương...ở miền Nam. Có thể nói các ông đều là những nhà nho yêu nước nhiệt tâm và ít nhiều có chịu ảnh hưởng của Minh Trị Duy tân và tư tưởng của Fukuzawa Yukichi ở Nhật Bản. Nhất là hai cụ Phan Châu Trinh và cụ Trần Chánh Chiêu là những người đã từng chứng kiến những thành tựu đặc sắc đầy sức thuyết phục của Nhật Bản qua công cuộc duy tân.

Phan Châu Trinh sinh ngày 9-9-1872 tại làng Tây Lộc, huyện Tiên Phước phủ Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam. Năm 1900 ông đỗ Cử nhân, đến 1901 ông đỗ Phó bảng, làm quan trong triều đình Huế. Nhưng đến cuối năm 1904, ông từ quan về hoạt động cứu nước. Tháng

4-1908, Phan Châu Trinh bị bắt và bị đày đi Côn Đảo. Đầu năm 1911, ông sang Pháp; tháng 5-1925 về nước. Ông mất ở Sài Gòn ngày 24-3-1926.

Vào năm 1906, trong dịp sang Nhật để gặp gỡ, trao đổi với cụ Phan Bội Châu, cụ Phan Châu Trinh đã nêu rõ quan điểm của mình là “phải ra sức học hỏi gương Duy tân của Nhật, hãy chăm lo cho các lưu học sinh Việt Nam học tập thật tốt và hãy sáng tác nhiều thơ ca gửi về nước cổ động tuyên truyền đồng bào hưởng ứng phong trào Đông du, chứ chưa nên về nước tổ chức bạo động đánh Pháp”.

Tiếp đó, sau khi về nước, Cụ đã cùng với các cụ Huỳnh Thúc Kháng, Trần Quý Cáp... thúc đẩy công cuộc duy tân ở miền Trung. Hoạt động của phong trào này đã được Sở mật thám Pháp ở Đông Dương ghi lại như sau: trong vòng hai năm 1906-1908, ở các tỉnh miền Trung đã có hơn 70 cơ sở của phong trào này, gồm các hội ái hữu, các trường tân học, các công ty buôn bán, các tổ sản xuất tiểu thủ công nghiệp... do những nhà trí thức nho học lập ra, có liên hệ với nhau, và các “cơ sở” này cũng chính là những “hộp thư”, những đầu mối liên lạc với phong trào Đông du, quyên góp tài chính cho thanh niên Đông du và phân phát các tác phẩm của Phan Bội Châu từ Nhật gửi về.

Hoạt động sôi nổi của phong trào Duy tân ngày càng phát triển và lan rộng đến các tỉnh Nam Kỳ. Điển hình là các cụ Nguyễn An Khương, Trần Chánh Chiêu đã tự mình đứng ra lập Minh Tân Công nghệ xã, khách sạn Chiêu Nam lâu... đều là những biểu hiện của phong trào Duy tân, phong trào Đông du ở vùng Nam Kỳ.

Tuy nhiên, đến năm 1908, phong trào Duy tân ở Trung và Nam kỳ nhanh chóng bị thực dân Pháp đàn áp. Chúng đã tiến hành một đợt khủng bố, bắt bớ, giam cầm... hầu hết những người đứng đầu và những người mà chúng nghi ngờ có liên quan đến phong trào này. Tại miền Nam, khi tịch thu tài sản nhà cụ Trần Chánh Chiêu, người ta đã phát hiện được rất nhiều tài liệu sách báo của cụ Phan Bội Châu sáng tác và xuất bản ở Nhật Bản chưa kịp phân phát cho các cơ sở ở Việt Nam như Hải ngoại huyết thư, Tân Việt Nam, Sùng bái giai nhân...

Như vậy, chúng ta thấy những phong trào trên đều do các nhà nho yêu nước có tư tưởng tiến bộ lãnh đạo. Trong quá trình tìm đường cứu nước họ đã tìm đến Nhật Bản bởi hoàn cảnh đất nước của Nhật gần giống như Việt Nam, nhưng Nhật Bản đã vượt qua được thử thách khắc nghiệt của số phận và vươn lên thành một cường quốc. Họ cũng tìm đến tư tưởng của Fukuzawa – một tư tưởng trác việt đã góp phần quan trọng trong công cuộc Duy tân Minh Trị. Ra sức học tập Nhật Bản và tư tưởng của Fukuzawa, các nhà Nho yêu nước

cố gắng vận dụng vào Việt Nam với mong muốn cứu nước, cứu dân. Tuy nhiên, với thủ đoạn thâm độc, thực dân Pháp đã chặn đứng mọi cơ hội của dân tộc ta đi theo con đường “cận đại hóa” của Nhật. Nhưng dù thất bại, tên tuổi và những phong trào do họ phát động vẫn được các thế hệ sau nhớ đến và xem đó là những bài học hữu ích cho đất nước.

Đối với đất nước Việt Nam hiện nay, nhiều tư tưởng của Fukuzawa có lẽ không còn là điều mới mẻ gây chấn động lòng người như thời các cụ Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh... Tuy nhiên, những tư tưởng của ông vẫn còn nguyên giá trị và vẫn mang nhiều ý nghĩa thời sự đối với những quốc gia đang trên con đường hiện đại hoá. Việt Nam đang trên con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa thì việc tìm hiểu những giá trị trong tư tưởng của Fukuzawa như: tư tưởng về giáo dục, bình đẳng giữa các quốc gia, phát triển kinh tế... và vận dụng nó trong quá trình phát triển đất nước thiết nghĩ cũng rất cần thiết.

## KẾT LUẬN

Vào đầu thế kỷ XIX, sau khi đạt được nhiều thành tựu từ các cuộc cách mạng tư sản và cách mạng công nghiệp, các nước châu Âu và Mỹ đã tiến hành xâm nhập nhiều nơi trên thế giới nhằm tìm kiếm thị trường và thuộc địa, trong đó có Nhật Bản. Chế độ Mạc phủ Tokugawa được thiết lập ở Nhật từ năm 1603, ban đầu cũng đẩy mạnh việc trao đổi buôn bán với các thương nhân phương Tây, theo đó đạo Ki-tô và súng cũng được đưa vào Nhật Bản. Tuy nhiên, ngay sau đó chính quyền Mạc phủ nhận ra rằng đó có thể là nguy cơ đe dọa đến an ninh nước Nhật nên quyết định “đóng cửa” đất nước từ năm 1633.

Đến năm 1853, khi hạm đội Hắc thuyền của Mỹ do đề đốc Perry dẫn đầu cập cảng Uraga mang theo quốc thư của Tổng thống Mỹ xin Nhật mở cửa giao thương, đã làm cho chính quyền Mạc phủ và người dân Edo choáng váng. Bởi lẽ sự xuất hiện của hạm đội này thực chất là biểu tượng của văn minh cận đại, một sự tiến bộ của thế giới bên ngoài, khiến người Nhật cảm thấy sự trì trệ, lỗi thời của mình qua chính sách đóng cửa. Đến năm 1854, Perry dẫn hạm đội trở lại Nhật, Mạc phủ quyết định nhượng bộ ký kết với Mỹ điều ước Kanagawa. Tiếp theo đó các nước Anh, Nga, Hà Lan cũng đòi Nhật Bản ký những điều ước tương tự. Cánh cửa tiếp xúc với thế giới bên ngoài của Nhật Bản đã dần hé mở.

Kể từ khi chứng kiến sức mạnh của phương Tây thể hiện qua chiến thuyền của Mỹ, chính quyền Mạc phủ liền khởi động nhiều cách để học tập phương Tây. Trong đó có cử các phái đoàn sang Mỹ và các nước châu Âu để đàm phán về các điều ước đã ký kết. Và những chuyến công du này có ý nghĩa rất lớn đối với các tùy viên trong đoàn trong việc tiếp thu văn minh Âu – Mỹ. Một trong những người đó là Fukuzawa Yukichi.

Nói đến Fukuzawa người ta xem ông là “đầu mối mở ra công cuộc khai hóa đất nước và khai phóng dân trí dưới thời Minh Trị, kể từ khởi giống lên hồi chuông cảnh tỉnh, và chính mình cũng bắt tay vào hành động cho những mục tiêu ấy” [11, tr.166].

Vốn là người có ý chí kiên cường ngay từ nhỏ, Fukuzawa đã dành cả thời trai trẻ của mình vào con đường học tập, trước hết là Hán học, sau đó là Hà Lan học và những kiến thức mới lạ về thế giới phương Tây. Nhiệt tâm và thành tích tu học về Rangaku của Fukuzawa Yukichi được Han chủ Nakatsu biết đến và năm 1858 ông được mời lên Edo để mở trường dạy Rangaku.

Với bản tính cần cù siêng năng nên chỉ một năm sau tiếng Anh của ông đã khá thông thạo. Khi chính quyền Mạc phủ gửi phái đoàn sang Mỹ (1860) và châu Âu (1862), Fukuzawa được chọn làm tùy viên. Năm 1867, chính quyền Mạc phủ phái một đoàn sứ giả

sang Mỹ, lúc này ông cũng được chọn đi theo. Sau ba chuyến chu du Âu – Mỹ, ông có dịp chứng kiến và tìm hiểu xã hội nhiều nước phương Tây, cho rằng các nước phương Tây đang là nơi có nền văn minh tiên tiến nhất lúc bấy giờ.

Sống vào buổi giao thời giữa chính quyền Mạc phủ Tokugawa và thời kỳ đầu của chính quyền Minh Trị, Fukuzawa đã từng chứng kiến vị thế yếu kém Nhật Bản với các nước phương Tây. Cho nên trên cơ sở những kiến thức tiếp thu được qua các chuyến đi thực tế, đã nung nấu trong con người Fukuzawa một ý tưởng rằng: chỉ bằng cách tiếp thu những khoa học kỹ thuật mới nhất của phương Tây, Nhật Bản mới có hy vọng đưa nước mình lên ngang tầm với các nước phương Tây, rồi dần dần tạo điều kiện yêu cầu phương Tây sửa đổi các hiệp ước bất bình đẳng. Với ý tưởng đó, Fukuzawa trở thành một trong những người chân thành nhất cổ động cho khẩu hiệu “học phương Tây, bắt kịp phương Tây, vượt phương Tây”.

Do đó, Fukuzawa tự hiến thân mình làm chiếc cầu nối liền giữa tư tưởng văn minh của phương Tây với đất nước Nhật Bản. Ra sức truyền bá cái mới lạ mà ông tiếp thu được để góp phần cận đại hóa Nhật Bản.

Đầu tiên là bằng tác phẩm “Tây dương sự tình” (Seiyo Jijo), được xuất bản sau ba chuyến đi sang phương Tây, đã kịp thời cung cấp những thông tin cần thiết và trình bày những điều mới lạ về kinh tế, chính trị, văn hóa, giáo dục, quân sự... của văn minh phương Tây, giúp cho nhân dân Nhật Bản đặc biệt là những nhà lãnh đạo trong chính quyền Minh Trị hiểu biết hơn về văn minh phương Tây, căn cứ vào đó đề ra những chương trình hành động phù hợp với tình hình đất nước. Bên cạnh đó, với lý luận về văn minh của ông thông qua tác phẩm: Khái lược về văn minh luận (1875) đã góp phần không nhỏ trong việc thúc đẩy sự phát triển của Nhật Bản, đưa đất nước đến giai đoạn chuyển mình. Ngoài ra, ông cùng với những người bạn cùng chí hướng của mình đã lập ra nhóm “Meirokeisha” (Minh lục xã), một tổ chức có công trong việc khai sáng văn minh, xây dựng tinh thần tự do dân chủ và nâng cao dân trí thời Minh Trị. Từ những lý luận đó của Fukuzawa, văn minh phương Tây được người dân và chính phủ tiếp thu một cách mãnh liệt, đưa nước Nhật tiến tới một xã hội tân thời, văn minh qua việc tiếp thu kiến trúc nhà ở, thời trang, đầu tóc, lịch...

Với quan điểm “Mọi người sinh ra đều bình đẳng, nếu có khác biệt là do học vấn”, Fukuzawa đã tạo ra một xã hội học tập sôi nổi trong toàn nước Nhật. Đặc biệt là qua tác phẩm “Khuyến học” nổi tiếng, và đầu tư nâng cấp trường Keio Gijuku do ông sáng lập vào

năm 1858. Nội dung chủ yếu của tác phẩm “Khuyến học” là phê phán lối “hư học”, tức lối học “tầm chương trích cú” của Hán học và Hòa học (Wagaku – khoa học nghiên cứu thuần túy về Nhật Bản), chủ trương “thực học” tức là khoa học thực nghiệm và phương pháp độc lập suy nghĩ. Với trường Keio, ông nâng cấp lên trình độ đại học vào năm 1890, ngôi trường đã đào tạo hàng trăm sinh viên trở thành nguồn lực cho đất nước, hiện nay là cơ sở giáo dục cao cấp của Nhật Bản và còn là ngôi trường nổi tiếng trên thế giới. Với đóng góp của ông nên nền giáo dục Nhật Bản thời Minh Trị bắt đầu cất cánh, cơ sở để nước Nhật nhanh chóng cận đại hóa đất nước. Do đó, tên tuổi Fukuzawa được xem là “người thầy” chủ yếu của nền giáo dục Nhật Bản thời cận đại. Không chỉ nổi tiếng ở Nhật Bản, tên tuổi của Fukuzawa cũng nổi tiếng trên thế giới, ông cũng được Unesco xếp vào “những nhà cải cách giáo dục tiêu biểu thế giới” [65, tr.127-148].

Để khơi dậy tinh thần “độc lập tự tôn” cho người dân Nhật Bản, Fukuzawa cho rằng về mặt quyền lợi Nhật Bản phải ngang hàng với các cường quốc phương Tây. Chính từ quan điểm này mà chính quyền Minh Trị đã có những bước đi cụ thể để dần tiến lên một cường quốc. Và thắng lợi trong cuộc chiến tranh Nhật – Trung (1894-1895) và chiến tranh Nhật – Nga (1904-1905) đã khẳng định vị thế của Nhật trên trường quốc tế. Nhật Bản thật sự “Thoát Á”, không còn là một nước kém văn minh nữa và kèm theo đó còn tiến hành khai thác thuộc địa ở những nơi khác.

Chủ trương của Fukuzawa nhấn mạnh phát triển kinh tế để duy trì độc lập quốc gia và vai trò của tầng lớp shizoku (sĩ tộc) trong kỷ nguyên mới của Nhật Bản cũng rất trùng hợp với chính sách của các nhà lãnh đạo trong chính quyền Minh Trị. Bởi vậy, trên thực tế không phải ngẫu nhiên chúng ta thấy hầu hết những nhà buôn bán, kinh doanh thành công nhất vào thời Minh Trị chính là những người xuất thân từ giai cấp shizoku mà điển hình là Iwasaki Yataro (1834-1885), người sáng lập công ty Mitsubishi nổi tiếng; Shibusawa Eiishi (1840-1931), người đã sáng lập ra ngân hàng quốc gia đệ nhất... Ngay chính trường Keio đã đào tạo ra hàng trăm nhân tài và có công đóng góp vào công cuộc mở mang thương nghiệp và mậu dịch của Nhật Bản.

Những tư tưởng khai sáng của Fukuzawa cũng đã ảnh hưởng mạnh mẽ đến tầng lớp trí thức yêu nước Việt Nam hồi đầu thế kỷ XX, cụ thể là các phong trào Đông du của cụ Phan Bội Châu, phong trào Duy tân ở Trung và Nam Kỳ do các cụ Phan Châu Trinh, Trần Chánh Chiểu lãnh đạo, phong trào Đông kinh Nghĩa thực. Đó là những phong trào mang đậm dấu ấn từ sự ảnh hưởng tư tưởng của Fukuzawa. Tuy nhiên các phong trào này đều thất

bại, nhưng nó cũng tỏ rõ sự nhạy bén với thời cuộc và tấm lòng yêu nước nồng nàn của dân tộc ta.

Sự nghiệp của Fukuzawa đối với lịch sử Nhật Bản thật ý nghĩa vô cùng. Tuy nhiên, đến ngày 3-2-1901, cả nước Nhật đón nhận một tin đau xót, Fukuzawa Yukichi qua đời ở tuổi 66 khi lên cơn đột quỵ thứ hai do chứng xuất huyết não tại nhà riêng của ông ở Mita, trong khu vực của trường đại học Keio. Tuy ông không phải là quan chức của chính quyền nhưng đám tang của ông được tổ chức trọng thể với sự hiện diện đông đảo các nghị sĩ quốc hội đương thời. Ngày nay, những di tích liên quan đến cuộc đời ông ở quê là Oita-ken cũng như ở Nagasaki, Osaka, Tokyo đều được bảo quản và tôn tạo. Khu lăng mộ của ông ở Tokyo trở thành tài sản quốc gia. Toàn bộ trước tác của ông được xuất bản thành toàn tập nhiều lần và do nhiều nhà xuất bản ấn hành, lớn nhất là Fukuzawa Yukichi toàn tập gồm 21 tập, do trường Đại học Keio Gijuku biên tập, xuất bản từ năm 1958 đến 1964. Số lượng các sách, bài nghiên cứu viết về ông rất nhiều và vẫn được tiếp tục với qui mô rộng lớn.

Khi Fukuzawa mất, nhiều tờ báo tiếng Anh phát hành tại Nhật Bản, không kể đến nhiều tờ báo Nhật Bản, đều đăng cáo phó về ông. Cả hai tờ *Japan Daily Advertiser* và *The Japan Times* đều nhắc đến ông với một tên gọi thân thiện: “Nhà hiền triết ở Mita” [44, tr.281-282].

Tờ *Japan Daily Advertiser* ra ngày 4-2-1901, viết:

“Chúng ta không thể tìm thấy người kế thừa nhà hiền triết ở Mita đã qua đời...hiện thân của nền văn minh Nhật hiện đại, nguồn của những tư tưởng khai sáng và tiến bộ, một thầy dạy vĩ đại của thế hệ trẻ Nhật Bản và là trụ cột của nền dân chủ”.

Tờ *The Japan Times* ra ngày 5-2-1901, đã viết như sau:

“Nước Nhật đã mất đi một trong những người xuất sắc nhất trong thế kỷ vừa qua. Thật không quá đáng khi nói rằng chưa ai đã từng ảnh hưởng cuộc sống và tư tưởng của nước Nhật hiện đại sâu sắc như *Nhà hiền triết ở Mita* như cách mà vô số người ngưỡng mộ vẫn gọi ông... Rõ ràng thành công trong vai trò là một nhà giáo theo nghĩa hẹp, ông Fukuzawa cũng đã thành công trong vai trò này theo nghĩa rộng... Chỉ cần nói rằng là một nhà văn, cũng như là một nhà giáo, một nhà luân lý và là một con người, ông Fukuzawa sẽ để lại một khoảng trống trong nhiều năm tới”.

Ngày nay, khi Nhật Bản ngày càng thành công trên tất cả các lĩnh vực thì nhân dân Nhật Bản càng đánh giá cao những đóng góp to lớn của ông trong việc đặt nền móng xây dựng một nước Nhật hiện đại. Đó cũng là lý do khiến chính phủ quyết định in chân dung

ông lên đồng tiền có mệnh giá cao nhất Nhật Bản vào năm 1985, từ 10.000 yên, thay thế cho chân dung của Thái tử Shotoku (Thánh Đức) nổi tiếng vào cuối thế kỷ VI đầu thế kỷ VII. Và với những đóng góp của Fukuzawa Yukichi đối với lịch sử Nhật Bản cận đại thì điều này là hoàn toàn hợp lí [41, tr 59-62].



## **DANH MỤC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ**

1. Trịnh Tiên Thuận, Trần Thế Nhựt (2011), Fukuzawa Yukichi với Minh Trị Duy Tân, *Kỷ yếu Hội thảo Quốc tế “So sánh phong trào “văn minh hóa” (Bunmeikaika) ở Việt Nam và Nhật Bản cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX”*, Trường Đại học KHXH&NV TP. Hồ Chí Minh, tr.38-47.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

### Tiếng Việt

1. Nguyễn Thị Hoàng Diễm (2004), *Vấn đề mở cửa của Nhật Bản giữa thế kỉ XIX*, KLTN, Khoa Đông phương học, Trường Đại học KHXH&NV TP. Hồ Chí Minh.
2. Fukuzawa Yukichi, (2005), *Phúc ông tự truyện*, Phạm Thu Giang dịch, NXB Thế giới.
3. Fukuzawa Yukichi, (2008), *Khuyến học hay những bài học về tinh thần độc lập tự cường của người Nhật Bản*, Phạm Hữu Lợi dịch, NXB Tri thức.
4. Phạm Thị Thu Giang (2009), *Xã hội Nhật Bản cuối thời Edo đầu thời Meiji qua tác phẩm Phúc ông tự truyện – Một vài suy nghĩ về lịch sử cận đại Việt Nam qua sự so sánh với lịch sử cận đại Nhật Bản*, Kỷ yếu hội thảo quốc tế Đông phương học (lần 4), NXB Thế giới.
5. Nguyễn Thị Hiền (1997), *Công cuộc Minh Trị Duy tân ở Nhật Bản (1868 - 1912)*, KLTN, Khoa Đông phương học, Trường Đại học KHXH&NV TP. Hồ Chí Minh.
6. Nguyễn Thị Thanh Hiền (2000), *Tìm hiểu về tư tưởng khai sáng của Fukuzawa Yukichi*, KLTN, Khoa Đông phương học, Trường Đại học KHXH&NV TP. Hồ Chí Minh.
7. Hoàng Văn Hiến, Dương Quang Hiệp (2002), “Bước đầu tìm hiểu về ảnh hưởng của cuộc Minh Trị Duy tân với một số nước châu Á vào những năm cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX”, *Nghiên cứu Nhật Bản và Đông Bắc Á*, (3), tr.52 – 60.
8. Nguyễn Văn Hồng (1995), *Lịch sử giáo dục thời Minh Trị Duy Tân*, NXB Giáo dục.
9. Nguyễn Văn Hồng (2001), *Mấy vấn đề về lịch sử Châu Á và lịch sử Việt Nam – một cách nhìn*, NXB Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
10. Nguyễn Quốc Hùng (Chủ biên) (2007), *Lịch sử Nhật Bản*, NXB Thế giới, Hà Nội.
11. Ishida Kazuyoshi (1973), *Nhật Bản tư tưởng sử (tập 2)*, Châm Vũ Nguyễn Văn Tàn dịch, Tủ sách Kim văn, Ủy ban dịch thuật, Sài Gòn.
12. Đinh Gia Khánh (1996), “Thời kỳ Edo và những tiền đề của công cuộc Minh Trị duy tân”, *Nghiên cứu Nhật Bản*, (1), tr.42 – 44; (3), tr.37 – 45.
13. Đặng Xuân Kháng (1991), “Fukuzawa – Nhà cải cách lừng danh thời Minh Trị Duy Tân”, *Nghiên cứu Lịch sử*, (5), tr.80-82.
14. Đặng Xuân Kháng, Bùi Bích Vân (1996), “Nguyên nhân thành công của cuộc Duy tân Minh Trị”, *Nghiên cứu Nhật Bản*, (3), tr.32 – 36.
15. Nguyễn Văn Kiệm (1997), “Góp thêm vào sự đánh giá Đông kinh Nghĩa thực”, *Nghiên cứu lịch sử*, (4), tr.1-10.

16. Nguyễn Văn Kim (1994), “Mấy suy nghĩ về thời kì Tô-cư-ga-oa trong lịch sử Nhật Bản”, *Nghiên cứu lịch sử*, (6), tr.5.
17. Nguyễn Văn Kim (1995), “Thời kỳ Tokugawa và những tiền đề cho sự phát triển kinh tế Nhật Bản hiện đại”, *Nghiên cứu lịch sử*, (5), tr.62 – 66.
18. Nguyễn Văn Kim (1999), *Chính sách đóng cửa của Nhật Bản thời kỳ Tokugawa: nguyên nhân và hệ quả*, Luận án Tiến sĩ Lịch sử, Trường Đại học KHXH & NV Hà Nội.
19. Nguyễn Văn Kim (2004), “Nhật Bản Ba lần mở cửa – Ba sự lựa chọn”, *Nghiên cứu Lịch sử*, (5), tr.48 – 60.
20. Nguyễn Kim Lai, Đặng Thị Tuyết Dung (2004), “Vai trò của giáo dục đối với quá trình hiện đại hóa trong thời kỳ Minh Trị ở Nhật Bản”, *Nghiên cứu Nhật Bản và Đông Bắc Á*, (3), tr.57 – 62.
21. Vương Xuân Lai, Dương Vũ Quang (2004), *100 sự kiện ảnh hưởng tới lịch sử thế giới*, NXB Hà Nội.
22. Phan Ngọc Liên (Chủ biên) (1997), *Lịch sử Nhật Bản*, NXB Văn hóa thông tin, Hà Nội.
23. Phan Ngọc Liên, Trịnh Tiến Thuận, Mai Thị Phú Phương (1995), “Quan hệ Việt Nam – Nhật Bản trong lịch sử”, *Tạp chí Thông tin Khoa học xã hội*, (4), tr.28-30.
24. Trần Huy Liệu (1967), “Phan Bội Châu, tiêu biểu cho những cuộc vận động yêu nước ở Việt Nam đầu thế kỷ XX”, *Nghiên cứu lịch sử*, (105), tr.1 – 10.
25. Hoàng Xuân Long (1995), “Góp bàn về số phận khác nhau giữa Việt Nam và Nhật Bản cuối thế kỉ XIX”, *Nghiên cứu Nhật Bản*, (2), tr.6-9.
26. Hoàng Xuân Long (1997), “Tư tưởng duy tân thế kỷ XIX: So sánh giữa Việt Nam và Nhật Bản”, *Nghiên cứu Nhật Bản*, (1), tr.31-35.
27. Hoàng Minh Lợi (1998), “Biến đổi của Nhật Bản trong kỷ nguyên Minh Trị (1868 - 1912)”, *Nghiên cứu Nhật Bản*, (5), tr.33-43.
28. Hoàng Minh Lợi (2002), “Đường lối chính trị đối ngoại và quân sự của chính quyền Minh Trị thời kỳ 1868 -1912”, *Nghiên cứu Nhật Bản và Đông Bắc Á*, (5), tr.61-65.
29. Hoàng Minh Lợi (2003), “Nguyên nhân suy tàn của chế độ Mạc phủ”, *Nghiên cứu Nhật Bản và Đông Bắc Á*, (6), tr.49-53.
30. Nguyễn Tiến Lực (1995), “Fukuzawa Yukichi và tư tưởng Khai sáng của ông”, *Tạp chí Triết học*, (2), tr.72-76.

31. Nguyễn Tiến Lực (1997), “Nhận thức về Meiji Duy tân của các nhà tư tưởng cải cách Việt Nam đầu thế kỷ XX – Trường hợp Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh”, *Nghiên cứu lịch sử*, (4), tr.21-31.
32. Nguyễn Tiến Lực (1999), “Giới trí thức Nhật Bản thời Meiji viết về Việt Nam”, *Nghiên cứu Nhật Bản*, (4), tr.24-30.
33. Nguyễn Tiến Lực (2010), *Minh Trị Duy tân và Việt Nam*, NXB Giáo dục Việt Nam, TP. Hồ Chí Minh.
34. Nguyễn Thị Tuyết Mai (1967), “Phan Bội Châu trong lịch sử cách mạng Việt Nam”, *Nghiên cứu lịch sử*, (104), tr.41-44.
35. R.H.P Mason, J.G. Caiger (2003), *Lịch sử Nhật Bản*, Nguyễn Văn Sỹ dịch, NXB Lao Động, Hà Nội.
36. Nguyễn Ngọc Nghiệp (1998), “Vai trò của Phúc Trạch Dụ Cát (Fukuzawa Yukichi) đối với cải cách Minh Trị”, *Nghiên cứu Nhật Bản*, (6), tr.40-43.
37. Nguyễn Ngọc Nghiệp (2002), “Tư tưởng Tôn vương nhường di”, *Nghiên cứu Nhật Bản và Đông Bắc Á*, (2), tr.56-60.
38. Nguyễn Ngọc Nghiệp (2003), “Nhật Bản học tập phương Tây thời Minh Trị”, *Nghiên cứu Nhật Bản và Đông Bắc Á*, (2), tr.57-61.
39. Nguyễn Khắc Ngữ (1969), *Nhật Bản Duy Tân dưới thời Minh Trị Thiên Hoàng*, NXB Sài Gòn.
40. Nhiều tác giả (2008), *100 năm Đông Kinh Nghĩa thực*, NXB Tri thức.
41. Nishikawa Shunsaku (2001), “Vì sao có hình ảnh Fukuzawa trong tờ ngân phiếu Nhật Bản?”, *Nghiên cứu Nhật Bản và Đông Bắc Á*, (3), tr.59-62.
42. Vũ Dương Ninh, Nguyễn Văn Hồng (2003), *Lịch sử thế giới cận đại*, NXB Giáo dục.
43. Vũ Dương Ninh (2001), *Một số chuyên đề lịch sử thế giới*, NXB ĐH Quốc gia Hà Nội.
44. Norio Tamaki (2008), *Fukuzawa Yukichi – Tinh thần doanh nghiệp của nước Nhật hiện đại*, Võ Vi Phương dịch, NXB Trẻ, TP HCM.
45. Lê Văn Quang (1996), *Lịch sử Nhật Bản*, Tủ sách đại học tổng hợp TP. Hồ Chí Minh.
46. M.. Rodentan và P. Iudin (1976), *Từ điển triết học*, NXB Sự Thật Hà Nội.
47. Vĩnh Sinh (1991), *Nhật Bản cận đại*, NXB TP Hồ Chí Minh.
48. Vĩnh Sinh (1993), *Việt Nam và Nhật Bản trong thế giới Đông Á*, NXB Sở Văn hóa Thông tin và Khoa Sử ĐHSP TP.HCM.

49. Vĩnh Sinh (2005), “Hội trí thức Meirokusha và tư tưởng khai sáng ở Nhật Bản”, *Tạp chí thời đại mới*, (4), <[http://www.tapchithoidai.org/ThoiDai4/200504\\_VSinh.htm](http://www.tapchithoidai.org/ThoiDai4/200504_VSinh.htm)>
50. Vĩnh Sinh (2001), *Việt Nam và Nhật Bản: Giao lưu văn hóa*, NXB Văn Nghệ TP. HCM.
51. Trần Thị Tâm (2009), “Cải cách giáo dục ở Nhật Bản trong thời kỳ Minh Trị và vai trò của nó”, *Nghiên cứu Đông Bắc Á*, (7), tr.48-54.
52. Nguyễn Văn Tân (2004), “Chính sách mở cửa và hội nhập quốc tế của Nhật Bản trong nửa sau những năm 50 của thế kỷ XIX”, *Nghiên cứu Nhật Bản và Đông Bắc Á*, (6), tr.42-47.
53. Nguyễn Thành (1997), “Đông Kinh nghĩa thực và Đại Nam (Đăng cổ tùng báo)”, *Nghiên cứu lịch sử*, (4), tr.17-20.
54. Chương Thâu (1967), “Tình hình nghiên cứu Phan Bội Châu từ trước đến nay”, *Nghiên cứu lịch sử*, (104), tr.6-16.
55. Chương Thâu (1995), “Ảnh hưởng của Phúc Trạch Dụ Cát (Fukuzawa Yukichi) đối với lịch sử cận đại Việt Nam”, *Nghiên cứu Nhật Bản*, (1), tr.40-45.
56. Chương Thâu (1996), “Từ Khánh Ứng Nghĩa thực (Keio Gijuku) của Nhật Bản đến Đông kinh Nghĩa thực và phong trào Nghĩa thực ở Việt Nam”, *Nghiên cứu Nhật Bản*, (2), tr.46-50.
57. Chương Thâu (1997), “Phong trào người Việt Nam du học tại Nhật Bản đầu thế kỉ XX”, *Nghiên cứu Nhật Bản*, (1), tr.50-53.
58. Chương Thâu (1998), “Ảnh hưởng cuộc cải cách Minh Trị ở Nhật Bản đối với phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc của một số nước châu Á đầu thế kỉ XX”, *Nghiên cứu Nhật Bản*, (5), tr.39-43.
59. Chương Thâu (2007), “Đông Kinh Nghĩa thực và phong trào Nghĩa thực ở Việt Nam”, *Nghiên cứu Nhật Bản và Đông Bắc Á*, (2), tr.41-50.
60. Trịnh Tiến Thuận (1993), “Một vài quan điểm phân kỳ lịch sử Nhật Bản”, *Thông tin khoa học*, ĐHSP TP. HCM, (5), tr.45-47.
61. Trịnh Tiến Thuận (1996), “Giao lưu Nhật Bản – Việt Nam thế kỷ XVI-XVII và đầu thế kỷ XX”, *Tạp chí Khoa học xã hội*, ĐHSP TP. HCM, (30), tr.133-143.
62. Trịnh Tiến Thuận (1999), “Tokugawa Ieyasu – Người sáng lập Mạc Phủ Edo (1603 - 1888)”, *Tạp chí Khoa học xã hội*, ĐHSP TP. HCM, (22), tr.35-41.
63. Trịnh Tiến Thuận (2000), “Nhật Bản thời đại Châu Ân thuyên và quan hệ buôn bán quốc tế”, *Nghiên cứu Nhật Bản*, (2), tr.20-25.
64. Lê Thanh Tùng (2007), *Quan hệ đối ngoại của Nhật Bản từ năm 1868 đến năm 1912*, Luận văn Thạc sĩ, Đại học sư phạm TP. HCM.

65. UNESCO (2004), *Chân dung những nhà cải cách giáo dục tiêu biểu trên thế giới*, Nhiều người dịch, NXB Thế giới.
66. Bùi Bích Vân (2007), “Tác động của yếu tố nước ngoài đối với Nhật Bản thời Minh Trị”, *Nghiên cứu Đông Bắc Á*, (12), tr.44-52.
67. Nguyễn Văn Xuân (1995), *Phong trào Duy tân*, NXB Đà Nẵng.
68. Lưu Tô Xương (Chủ biên) (2002), *Lịch sử thế giới cận đại (tập 4)*, NXB TP Hồ Chí Minh.
- Tiếng Anh**
69. Asatarô Miyamori (1902), *A life of Mr. Fukuzawa Yukichi*, Maruya & Co.,LTD, Tokyo & Osaka.  
<[http://www.archive.org/stream/lifeofmryukichif00miyaiala/lifeofmryukichif00miyaiala\\_djvu.txt](http://www.archive.org/stream/lifeofmryukichif00miyaiala/lifeofmryukichif00miyaiala_djvu.txt)>
70. Dwight Tat Wai Kwok (2009), *A Translation of Datsu-A Ron: Decoding a Pre-war Japanese Nationalistic Theory*, Graduate Department of East Asian Studies, University of Toronto <<https://tspace.library.utoronto.ca/handle/1807/18797>>
71. Fukuzawa Yukichi (1952), *The Autobiography of Fukuzawa Yukichi*, translated by Eiichi Kiyooka, The Hokuseido Press, Tokyo, Japan.
72. Fukuzawa Yukichi (1973), *An outline of a theory of Civilization*, David A. Dilworth and G. Cameron Hurst dịch sang tiếng Anh, Shophia University, Tokyo, Japan.
73. Hiroshi Tanaka (1989), “Two models of the japanese nation-state in the Meiji Era: Yukichi Fukuzawa and Hiroyuki Kato”, *Hitotsubashi journal of arts and sciences*, (30), pp.90-112  
<<http://www.ebookpp.com/you/yukichi-pdf.html>>
74. Joseph M, Goedertier (1968), *A dictionary of Japanese History*, Valker Weatherhill, New York & Tokyo.
75. Macfarlane, Alan (2002), *Yukichi Fukuzawa and The Making of the Modern World*, Palgrave, London <<http://www.ebookpp.com/you/yukichi-pdf.html>>
76. Pittau, Joseph (1967), *Political Thought in Early Meiji Japan (1868 – 1889)*, Cambridge, Mass: Harvard University Press.
77. <http://www.Google.com.vn>
78. <http://www.Wikipedia.com.vn>

## PHỤ LỤC

### PHỤ LỤC 1: TÓM TẮT NIÊN BIỂU FUKUZAWA YUKICHI

Thời gian	Hoạt động của Fukuzawa
1835	Sinh tại khu nhà đại diện của lãnh địa Nakatsu ở Osaka
1836	Cha mất, Fukuzawa và anh chị em cùng mẹ chuyển về quê Nakatsu
1847	Bắt đầu học Hán học
1854	Lên đường đi Nagasaki học Hà Lan học theo lời khuyên của anh trai
1855	Định dời Nagasaki lên Edo, nhưng gặp anh trai ở Osaka và bị giữ lại. Tháng 3 năm đó vào học trường Tekijuku của Ogata Koan
1856	Lên làm chủ gia đình thay cho người anh trai vừa mất vì bệnh
1857	Lên làm thực trưởng của trường Tekijuku
1858	Chuyển lên Edo theo lệnh của lãnh chúa vùng Nakatsu. Tháng 10 mở trường tư thực nhỏ dạy về Hà Lan học, tiền thân của trường Keio Gijuku sau này.
1859	Chuyển sang học tiếng Anh sau chuyến đi Yokohama.
1860	Xin đi Mỹ theo đoàn sứ tiết của Mạc phủ Edo trên tàu Karinmanru
1861	Kết hôn cùng con gái thứ hai của ông Doki Tarohachi, võ sĩ cũng lãnh địa Tháng 12 năm này, ông được Mạc phủ phái đi theo đoàn sứ tiết sang châu Âu
1864	Trở thành Mạc thần, làm việc ở bộ phận chuyên trách về ngoại giao. Bắt tay viết cuốn Seijo jijo (Tây dương sự tình)
1867	Ngày 23 tháng 1 cùng quân hạm của Mạc phủ sang Mỹ nhận tàu và mua về Nhật một số lượng lớn sách nguyên bản. Tháng 12 mua nhà ở Shinsenza.
1868	Tháng 4 chuyển đến Shinsenza, lấy niên hiệu Keio đặt tên cho trường tư thực thành Keio Gijuku (Khánh Ứng nghĩa thực). Tháng 6 được chính phủ mời vào làm việc, nhưng ông từ chối.
1869	Từ chối khoản chu cấp của lãnh địa Nakatsu sau khi tuyên bố bỏ tất cả các chức tước và địa vị được Mạc phủ ban trước đây

1871	Chuyển trường Keio Gijuku từ Shinsenza đến Mita
1872	Đưa cả gia đình lên Tokyo. Chắp bút viết cuốn Gakumon no susume (Khuyến học) và hoàn thành chương cuối vào năm 1876
1873	Lập khoa y của trường Keio Gijuku và Phân hiệu của trường tại Osaka.
1874	Lập trường tiểu học và phân hiệu tại Tokyo. Tháng 2 phát hành tạp chí tư nhân. Tháng 5 mẹ ông – bà Ojun mất.
1875	Đóng cửa tòa soạn tạp chí tư nhân. Xuất bản cuốn Bunmeiron no Gairyaku (Khái lược luận thuyết văn minh)
1876	Phát hành tạp chí Katei Sodan (Gia đình tùng đàm), sau đó chuyển tên thành Minkan zasshi (Dân gian tạp chí) và đổi sang phát hành báo hàng ngày
1878	Được bầu là đại biểu nghị viện của Tokyo
1879	Viện hàn lâm Tokyo thành lập và được chọn là Viện trưởng đầu tiên. Tháng 5 được chọn là Nghị phó của Tokyo, nhưng từ chối không nhậm chức. Tháng 7 cho ra bản thảo Kokkai-ron (Quốc hội luận)
1882	Ngày 1 tháng 3 phát hành báo Jiji shimpo
1883	Phát hành cuốn Gakumon no Dokuritsu (Sự độc lập của học thuật)
1885	Phát hành Nihon fujin ron (Luận về phụ nữ Nhật Bản)
1890	Thành lập hệ đại học trong trường Keio Gijuku gồm 3 ngành: Ngành luật, Ngành tự nhiên, Ngành xã hội
1897	Ấn hành Fukuzawa Zenshu Shogen (Tuyển tập Fukuzawa Yukichi) và Fukuo hyakuwa (Phúc ông bách thoại)
1898	Ngày 11 tháng 5 hoàn thành bản thảo cuốn Fukuo jiden (Phúc ông tự truyện). Xuất bản Fukuzawa Zenshu (Fukuzawa Yukichi toàn tập). Ngày 26 tháng 9 bị xuất huyết não
1900	Được Thiên hoàng ban thưởng 5 vạn yên vì những công hiến trong giáo dục, dịch thuật, trước tác và lập tức góp vào quỹ trường Keio Gijuku
1901	Ngày 25 tháng 1, bệnh xuất huyết não tái phát và mất vào lúc 8h50



	<p>đêm ngày 3 tháng 2. Lễ truy điệu được tiến hành vào ngày mùng 8 sau đó và an táng tại mộ địa chùa Hongan-ji làng Osaki-mura, với pháp danh sau khi mất là Daikan'in Dokuritsu Jison Koji (Đại quán viện Độc lập Tự tôn Cư sĩ). Hiện được cải táng tại chùa Zempukuji, núi Azabusan, Tokyo.</p>
--	---

Nguồn: [2, tr.443-446].

**PHỤ LỤC 2:**  
**MỘT SỐ HÌNH ẢNH LIÊN QUAN ĐẾN CUỘC ĐỜI VÀ SỰ NGHIỆP CỦA**  
**FUKUZAWA YUKICHI**



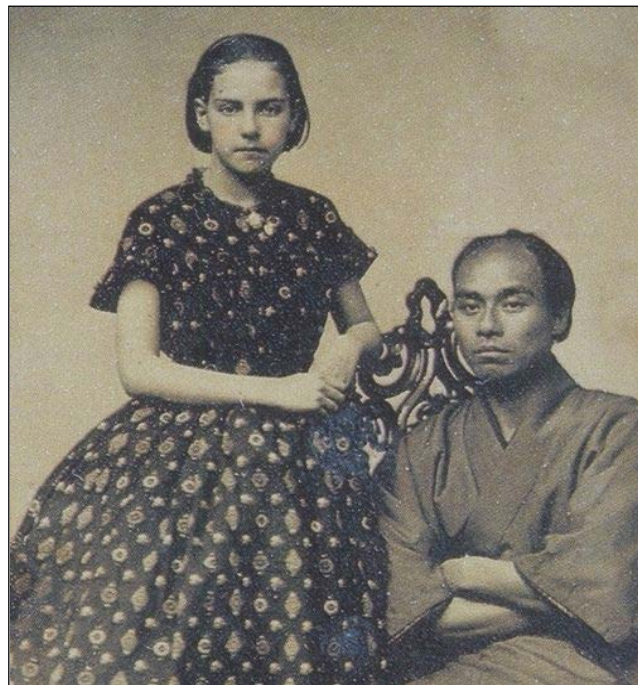
**Hình 1:** Ngôi nhà của Fukuzawa Yukichi ở Nakatsu, nơi gia đình ông sinh sống từ lúc cha ông mất.  
Hiện được bảo tồn tại thành phố Nakatsu, tỉnh Oita.  
Nguồn: [<http://www.Google.com.vn>]



**Hình 2:** Di tích trường Tekijuku, nơi Fukuzawa theo học ở thầy Ogata, thuộc quận Chuo-ku, thành phố Osaka ngày nay.  
Nguồn: [<http://www.Google.com.vn>]



**Hình 3:** Fukuzawa Yukichi cùng với một số thủy thủ của tàu Kanrin-maru Nhật Bản sang Hoa Kỳ (1860), Fukuzawa ngồi bên phải.  
Nguồn: [[http://en.wikipedia.org/wiki/Fukuzawa\\_Yukichi](http://en.wikipedia.org/wiki/Fukuzawa_Yukichi)]



**Hình 4:** Fukuzawa Yukichi chụp ảnh với Theodora Alice – con gái người thợ ảnh ở San Francisco. Ảnh chụp năm 1860.  
Nguồn: [[http://en.wikipedia.org/wiki/Fukuzawa\\_Yukichi](http://en.wikipedia.org/wiki/Fukuzawa_Yukichi)]



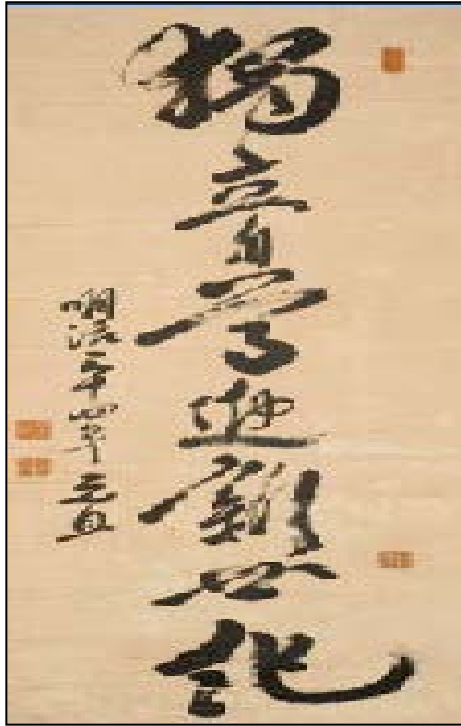
**Hình 5:** Ảnh chụp Fukuzawa Yukichi trong chuyến đi đến Paris vào năm 1862.

Nguồn: [[http://en.wikipedia.org/wiki/Fukuzawa\\_Yukichi](http://en.wikipedia.org/wiki/Fukuzawa_Yukichi)]



**Hình 6:** Bìa sách “Tây dương sự tình”

Nguồn: [[http://www.tapchithoidai.org/ThoiDai4/200504\\_VSinh.htm](http://www.tapchithoidai.org/ThoiDai4/200504_VSinh.htm)]



**Hình 7:** Thủ bút của Fukuzawa Yukichi trước khi mất vào năm 1901  
*"Độc lập tự tôn nghênh tân thế kỷ"*  
(Đón thế kỷ mới trong tinh thần độc lập tự tôn)  
Nguồn:  
[[http://www.tapchithoidai.org/ThoiDai4/200504\\_VSinh.htm](http://www.tapchithoidai.org/ThoiDai4/200504_VSinh.htm)]



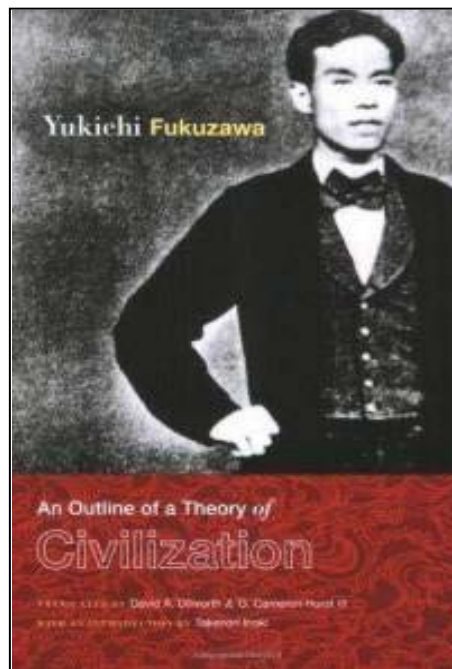
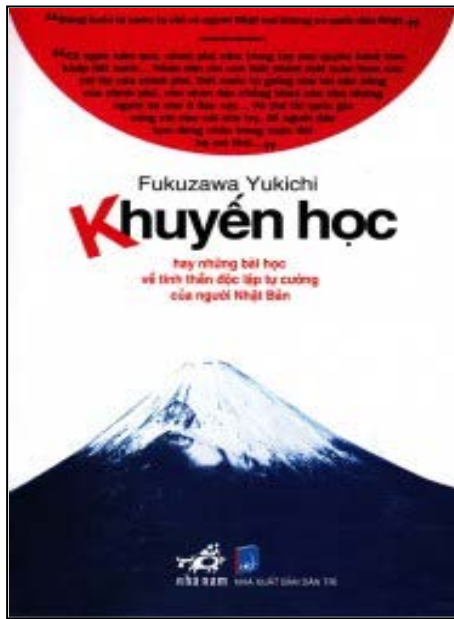
**Hình 8:** Kỷ niệm nơi sinh của Fukuzawa Yukichi, ở phía Bắc cầu Tamae-bashi, quận Fukusima, thành phố Osaka ngày nay. Bên trái là tấm bia ghi dòng chữ: “Trời không sinh con người ở trên con người và cũng không sinh con người ở dưới con người”. Bên phải là tấm bia ghi dấu tích phủ đại diện của lãnh địa Nakatsu.  
Nguồn: [<http://www.Google.com.vn>]



**Hình 9:** Chân dung của Fukuzawa Yukichi được đặt trang trọng trong khuôn viên của trường Đại học Keio ngày nay.  
Nguồn: [<http://www.keio.ac.jp>]



**Hình 10:** Chân dung Fukuzawa Yukichi trên tờ giấy bạc 10000 yên.  
Tờ giấy bạc có mệnh giá lớn nhất hiện nay của Nhật Bản.  
Nguồn: [[http://en.wikipedia.org/wiki/Fukuzawa\\_Yukichi](http://en.wikipedia.org/wiki/Fukuzawa_Yukichi)]



**Hình 11:** Một số tác phẩm của Fukuzawa Yukichi được biên dịch và xuất bản ở Việt Nam và nước ngoài.  
Nguồn: [<http://www.Google.com.vn>]